

THIỆN CHÍ

Những Nếp Suy Tư



TỦ SÁCH GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Những nếp suy tư

2018

...Sau cùng, cần xác định thêm rằng, đối với giáo lý Đại Đạo, sống đạo không chỉ nhằm giải quyết cuộc sống thế gian mà là tiền đề của cái sống xuất thế gian. Nên có thể nói sống đạo là phép giải của bài toán:

Con người tự thân + Con người xã hội + con người lý tưởng.

Con người lý tưởng trong Đại Đạo là con người có chiều kích vũ trụ, con người “Thiên nhân hiệp nhất”, con người muôn thuở muôn phương cùng Trời là Một...

NHỮNG NẾP SUY TƯ

Lời mở đầu

NHỮNG NẾP SUY TƯ

Mấy mươi năm tu học và tham dự những chương trình nghiên cứu giáo lý tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo là thời gian hết sức quý báu để những người may duyên gặp Đạo được khai thị nền giáo lý Cứu độ kỳ ba. Với điểm phúc ấy, người viết đã có nhiều cơ hội học hỏi và bày tỏ những suy tư của mình qua những gì các đồng đạo đã trao gửi cho sứ mạng Cơ Quan.

Khoảng ba mươi bài tham luận với các chủ đề từ vũ trụ đến nhân sinh, văn hóa đạo đức, tính dân tộc, đường lối hành đạo, những khía cạnh triết học Cao Đài, đức tin và sứ mạng Đại Đạo... Tất cả chẳng qua là những khám phá trong muôn một từ nền tảng Giáo lý Đại Đạo.

Quyển sách là một sưu tập, không phải là một biên khảo chuyên đề, mục đích nhằm điểm lại những nếp suy tư để tự nhìn lại mình rồi phóng tầm nhìn về những bước khám phá tương lai.

Những ghi nhận này, nếu đến tay đồng đạo là dịp may đền đáp công đức của cộng đồng đã gián tiếp hoặc trực tiếp gợi mở những dấu ấn còn lưu lại trên đường tu học.

Hơn nữa, đây chỉ là những gì mà người học trò có cơ hội “trả bài” trước các đấng và tri ân công ơn trời biển Thiên liêng đã dày công giáo hóa.

Những mong được Ôn Trên soi sáng và tập thể quan tâm khích lệ để tự hoàn chỉnh bản thân hiện tại cũng như tương lai.

Rất mong thay!

Cuối thu năm Đinh Dậu 2017,
Thiện Chí

CHƯƠNG MỘT

Vũ trụ - Con người

VŨ TRỤ QUAN CAO ĐÀI

Có thể nói Vũ Trụ Quan Cao Đài bao hàm hai khái niệm quan trọng là:

- Cơ nguyên biến sanh vũ trụ.
- Qui luật tiến hóa tâm linh.

I. CƠ NGUYÊN BIẾN SANH VŨ TRỤ

Từ cơ nguyên biến sanh vũ trụ, Vũ Trụ Quan Cao Đài sẽ dẫn đến các thuyết vũ trụ đồng nhất thể, thuyết phóng phát, thuyết vận hành châu lưu.

- Trước hết, đoạn kinh văn sau đây nêu ra một ý niệm tổng quát về cơ chế biến sanh vũ trụ:

“Trước khi chưa định ngôi Thái Cực (chưa có trời đất) thì trong khoảng không gian ấy (hư vô) còn đang mịt mịt mờ mờ với khí hồng môn.

“...Không gian ấy là Vô Cực. Trong Vô Cực ấy lại có một cái lý thiên nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một nguyên khí tự nhiên nữa. Lý với Khí ấy là Âm với Dương trong buổi hồng nguyên thời đại. Lý Khí ấy lần lần ngưng kết nhau mà đông tụ lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối Đại Linh Quang rất đầy đủ các sự tốt đẹp.

Ấy chính là ngôi Chúa Tể Càn Khôn Vũ Trụ biến hóa ra vậy.”

Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành trọn tốt, toàn tri, toàn năng thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành thống chưởng cả càn khôn vũ trụ và lấy cơ thể Âm Dương mà phân thanh biệt trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái Khí hư vô đặng hóa sanh muôn loài vạn vật.”

Theo đoạn trên, cơ chế biến sanh vũ trụ là một hệ thống “Âm Dương - Thái Cực và Thái Cực - Âm Dương” vận hành trong bản thể Vô Cực. Như thế, vạn vật vốn **nhất thể** từ một Khí Hư Vô lại có **nhất nguyên** (một gốc) từ một động năng Thái Cực sanh ra. Khái niệm nhất thể nhất nguyên đó được Kinh Đại Thừa Chơn Giáo xác nhận rõ ràng hơn nữa bằng thuyết phóng phát qua phạm trù “Đại linh quang - Tiêu linh quang”.

“Điểm linh quang là gì? Là cái yển sáng mà thôi. Thái Cực là một khối Đại Linh Quang, chia ra, ban cho mỗi người một điểm linh quang.”

“Chia ra, ban cho” tức là phóng phát (émanation), khác hơn “tạo dựng” (création). Phóng phát biến sanh là sự sanh hóa vạn vật bằng chính bản thể của nguyên nhân đầu tiên chứ không phải được tạo dựng bởi một Hóa công tách biệt, hàm ý nhân cách hóa như một người thợ chế tạo đồ vật.

Sau khái niệm nhất thể nhất nguyên và phóng phát biến sanh, vũ trụ quan Cao Đài còn có nguyên lý vận hành châu lưu của vũ trụ. Nguyên lý này có nghĩa là vạn vật được sanh ra và có tiến hóa, lại tiến hóa theo một vòng tròn để trở về nguồn gốc, trở nên hoàn hảo hoàn thiện tuyệt đối. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo viết:

“Khí Âm Dương bắt đầu sanh hóa ra muôn loài vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sinh mãi mãi. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về Một. Là vì nhất bốn tán vạn thù, vạn thù qui nhất bốn”.

“Cơ siêu phàm nhập thánh là lẽ tự nhiên pháp nhiệm nó luôn vận hành châu lưu trong càn khôn thế giới mà dưỡng dục muôn loài, bảo tồn vạn vật.”

“Siêu phàm nhập thánh” tức là sự tiến hóa, vượt từ chỗ không hoàn thiện (phàm) đến chỗ hoàn thiện (thánh). “Châu lưu” là luân chuyển theo một vòng tròn, từ đó có ý niệm “phản bốn hườn nguyên” quay trở về gốc Thái Cực Đại Linh Quang chính là cứu cánh của vạn vật.

Như thế, qua cơ biến sanh vũ trụ, vũ trụ quan Cao Đài cho thấy con người có cùng một bản thể với Trời, con người có thể tiến hóa đến mức tuyệt đối như Trời theo một luật tắc, theo “lẽ tự nhiên pháp nhiệm” tức là theo lẽ Đạo.

Nói rộng ra, con người có mối tương quan mật thiết với vũ trụ vạn vật, bởi bản thể lẫn bởi qui luật sinh thành tiến hóa.

Do đó, vũ trụ quan Cao Đài, ngoài ý niệm về *cơ chế biến sanh vũ trụ* còn phải nêu lên *qui luật tiến hóa tâm linh* là cuộc tiến hóa có chiều kích vũ trụ.

II. QUI LUẬT TIẾN HÓA TÂM LINH

Cơ chế biến sanh vũ trụ được khởi đầu bằng Thái Cực thì cuộc tiến hóa tâm linh khởi đầu từ Chơn Thần Thượng Đế. Đức Chí Tôn gọi sự biến sanh vũ trụ là “*khai Thiên Địa*” và cuộc tiến hóa tâm linh là “*sanh Tiên Phật*”. Ngài dạy:

“Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một Chơn Thần Thầy mà biến càn khôn thế giới và cả nhân loại... Thầy khai bát quái mà tác thành càn khôn thế giới nên mới gọi là Pháp. Pháp có mới sanh ra càn khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tạng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tạng, lập thành các đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy”.

Quá trình tiến hóa để “hiệp một cùng Thầy” tức là quá trình mà chúng sanh vạn vật học hỏi rèn luyện để Chơn Thần tăng tiến, thăng hoa vượt khỏi cơ thể vật chất, hiệp một với Chơn Thần Thượng Đế như lời xác minh của Ngài trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

“Bạc chân tu tử như hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số ().*

*“Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần mà bông trái thiêng liêng ấy các con sanh hóa Chơn Thần(**), lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài(***). Ấy là Đạo”.*

Đoạn Thánh Ngôn trên, có thể được phân tích như sau:

- Câu đầu (*): Xác định con người có thể tu tập để tiến hóa và chắc chắn sẽ tiến hóa.

- Câu kế (**): Cuộc tiến hóa đó là tiến hóa từ chỗ giải thoát khỏi thể xác đến chỗ phát triển Chơn Thần.

- Câu thứ ba (***) : Chơn Thần cần tiếp tục con đường tiến hóa trong vũ trụ tâm linh.

- Câu cuối (ấy là Đạo): Quá trình tiến hóa đó là qui luật tự nhiên và tất nhiên, nên gọi là Đạo.

Vậy trong Vũ trụ tâm linh có cuộc tiến hóa phát triển Chơn Thần (do Thượng Đế phóng phát) từ các vật hạ đẳng cho đến con người và sau cùng là hiệp nhất với Thượng Đế. Tức là *“Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần Thánh Tiên Phật. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là Thầy, Thầy là các con”*.

Tóm lại, vũ trụ quan Cao Đài từ *cơ nguyên biến sanh vạn vật* đến *qui luật tiến hóa tâm linh* đã nêu lên các nguyên lý *nhất nguyên*, nguyên lý *nhất thể* và nguyên lý *hoàn nguyên* cho thấy sự vận hành của Đạo từ hư vô hóa sanh ra vạn vật hữu hình rồi vạn vật hữu hình tiến hóa trở về hư vô để đạt thành cứu cánh là Đại Linh Quang toàn năng toàn tri, chí chơn chí mỹ chí thiện vậy.

NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI

I. KHÁI NIỆM CĂN BẢN

Vũ trụ quan Cao Đài đã cho một khái niệm bao hàm nguồn gốc và cùng đích con người. Con người là tiểu vũ trụ có cùng một bản thể với đại vũ trụ và được sinh thành bởi cùng một nguyên nhân đầu tiên của toàn vũ trụ. Cuộc sống của con người là công cuộc hoàn thành những nấc thang tiến hóa cao nhất của vạn vật. Nhưng trong chiều kích của vũ trụ chính con người còn phải nhằm mục tiêu tiến hóa tối hậu là sự hòa hợp của Tiểu linh quang vào Đại Linh Quang.

Nêu lên quan điểm về nhân sinh ở giữa nguồn gốc (Đại linh Quang > Tiểu Linh Quang > Nhân sinh) và cùng đích con người (Nhân sinh > Tiến hóa về Đại Linh Quang) như thế là nhân sinh quan Cao Đài gồm có:

- Quan niệm về công dụng cõi đời.
- Quan niệm về nghĩa vụ làm người.
- Quan niệm về lý tưởng cuộc sống loài người.

1. Quan niệm về công dụng cõi đời

Đức Chí Tôn dạy: “Con người đã sẵn có cái Thiên tánh đặc biệt của Trời ban phú cho từ lúc mới đi đầu thai, rồi xuống thế gian này lại cần phải mượn lấy xác phàm mà kinh nghiệm mọi lẽ của cõi trần để cho lần lần trở nên uyên bác, hầu tấn hóa mãi trên con đường đạo đức vậy. Vẫn biết thế gian là bể khổ sông mê, nhưng chính thế gian là một chốn học đường của muôn loài vạn vật. Nhờ học đường ấy mà muôn loài vạn vật mới mở mang tiến hóa, sáng suốt tinh thần để tấn bộ trên nấc thang cao thượng”.¹

“Một trường thử Thân Thánh Tiên Phật, vì vậy mà phải nơi thế gian này...Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công quả, các con muốn đăng đến cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.”²

2. Quan niệm về nghĩa vụ làm người

Đức Chí Tôn dạy:

“Làm người cần phải học hỏi, có học hỏi mới thông đạt, minh mẫn, mới biết lẽ dĩ điều lành, mới tường đường quấy sự phải, mà tránh cho khỏi tội tình. Chớ nếu không học hỏi thì điểm Tiểu linh quang phải trở nên mê muội mà người cam dốt nát ngu hèn.”³

Làm người phải xả thân giúp đời như Kinh Đại Thừa Chơn Giáo có viết:

*“Người xả thân mưu cầu lợi chúng,
Làm ích chung quốc chúng an hòa;*

*Giống nòi ta thể một Cha,
Thú cầm nhơn loại cũng bà con chung.
Người tâm chí vậy vùng cơ hội,
Đem đạo màu dân lối chúng sanh;
Dạy đời dũ hóa nên lành,
Mở mang trí óc lập thành quốc gia,
Gieo tư tưởng cộng hòa đoàn thể,
Chỉ phương tu đạo hóa thánh tiên;
Mỗi người có một tánh hiền,
Ấy là nước trị, nhà yên thái bình”*

Đó là những nghĩa vụ nhằm:

- Ích nước lợi dân.
- Hoàn thiện con người.
- Gieo tư tưởng thương yêu hòa hợp đại đồng trong cuộc sống thế giới hiện tại.
- Dẫn đường tu giải thoát cho tâm linh tiến hóa.

3. Quan niệm về lý tưởng của cuộc sống con người

Cao Đài Giáo nêu một xã hội loài người lý tưởng là xã hội “thánh đức” bao gồm đời sống an lạc, xây dựng trên tinh thần nhân bản và có hiệu năng tiên bộ.

Đức Chí Tôn có dạy: “Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời thì Đạo chưa thành vậy.”⁴

Như thế bằng chứng thực tiễn và trước tiên về thành quả của Đạo chính là sự an lạc của cõi đời. Cao

Đài phải là một tôn giáo vị nhân sinh. Đức Chí Tôn dạy:

“Các con biết Thầy là trọng thì biết trọng đạo, mà hễ trọng đạo thì cũng phải trọng cả chúng sanh.”⁵

Và Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng dạy:

“...Tôn giáo và chúng sanh là Một. Chúng sanh được hoàn thiện thì tôn giáo mới phát khởi nguồn Đạo, nhược bằng chúng sanh sai lạc thì tôn giáo chịu suy đồi.”⁶

Tính chất thực tiễn của nhân sinh quan Cao Đài còn thấy rõ qua Thánh giáo sau đây của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, một trong Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

“Giáo lý Cao Đài không đi xa thực tế với đời sống con người thực tại. Sự mở Đạo của Thượng Đế là muốn cho tất cả nhơn sanh, dầu trong thời kỳ trả quả cũ, không gây nghiệp mới, mọi chỗ đều hướng thiện, ăn ở đối xử nhau cho phải tình phải nghĩa, phải đức phải nhân để trong cõi đời này có một xã hội đại đồng đạo đức.”

“Đó là mục đích Thượng Đế muốn cho loài người hiểu tận ý và hành tận sự, chớ giáo lý Cao Đài không nhất thiết chỉ bảo người đời đi tìm hạnh phúc trong cõi hư vô vĩnh cửu, chốn niết bàn cực lạc trong khi thân sanh còn nghèo đói bệnh tật, dốt nát, kỳ thị, rẽ chia, người bóc lột người trong cảnh mạnh được yếu

thua, bắt công xã hội. Nếu phần thân sanh hiện hữu như thế, chắc gì phần tâm linh được miễn tuệ siêu thoát đâu.”⁷

Tóm lại, Cao Đài quan niệm Đạo lập ra là để cứu rỗi Nhơn sinh, nghĩa là Thượng Đế mở ra con đường cho nhân loại trở về với Thượng Đế⁸. Nhưng con đường ấy được mở đầu ở ngay tự thân con người và kết quả sẽ nhận được ngay trong cõi đời. Bởi vì,

“Người sanh ra bởi Đạo, thì Đạo tức là người, thì người phải làm sáng cái Đạo, tức là người phải ra NGƯỜI để tự cứu cánh và ảnh hưởng đến vạn vật.”⁹

Như thế, nhân sinh quan Cao Đài nhất trí với vũ trụ quan Cao Đài ở điểm **nhân bản**. Nhân bản là bản chất chơn ngã của con người¹⁰. Nhân bản là tình cảm thiêng liêng mà Thượng Đế Chí Tôn đã dành cho mỗi con người¹¹ thể hiện ra bằng nhân tính hay là tình thương.

“Hiểu biết, hành động, phục vụ, phụng sự, mà không nằm trong nhân bản sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội. Nhân bản có sáng chói con người mới cảm thấy mình là con người. Dầu ở bất cứ lãnh vực hay hoàn cảnh quốc thổ nào đời sống tâm linh cũng phải tựa vào nhân bản. Có như vậy, đạo lý tôn giáo mới không rơi vào chỗ mông lung huyền ảo.”¹²

II. NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI ỨNG DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG NGÀY NAY

Đề tài đặt vấn đề mối quan hệ giữa Nhân sinh quan Cao Đài và bối cảnh xã hội nhân loại ngày nay hay sự ứng phó của Nhân sinh quan này với các vấn nạn của đời sống mới.

Hướng giải quyết vấn đề:

1. Khẳng định những điểm căn bản của Nhân sinh quan Cao Đài

Muốn ứng đối với các vấn nạn của thời đại, cần phải nêu bật những luận điểm phổ quát vừa có giá trị bất biến với không - thời gian vừa đối trị trực tiếp với các khủng hoảng của nhân loại thế giới.

Nhiều người đã nêu lên luận điểm Nhân Bản và Nhân Hòa.

Ai cũng nhìn nhận rằng đó là những điểm căn bản phổ quát. Nhưng vấn đề là nó sẽ đối trị với căn bệnh nào của thời đại và đối trị bằng cách nào. Người thời đại đang mất những giá trị nào thuộc về nhân bản và làm sao họ cảm nhận được nhân bản trong cuộc sống hằng ngày.

Nhân hòa là điều kiện của cuộc sống cộng đồng. Nhưng làm thế nào để thực hiện nhân hòa, trong khi có biết bao nguy cơ từ nội tâm đến ngoại cảnh luôn đe dọa phá vỡ nó. Có người nói phải có suy nghĩ ôn hòa. Đúng vậy, mọi hành động đều phát xuất từ tâm.

Nhưng suy nghĩ trên cơ sở nào? Phải trên sự phân tích đối tượng và hiện tượng, nghĩa là phải nắm được nguyên nhân thực sự của mọi hiện tượng thì mới có thái độ ôn hòa được. Đó chỉ mới là một phương cách nhỏ. Thế nhân hòa còn tùy thuộc vào sự giác ngộ chân lý của mỗi người, tức là tùy triết lý sống tức Nhân sinh quan của chủ thể và đối tượng. Nó không đơn giản là lối sống “dĩ hòa vi quý” mà là một Nhân sinh quan ứng dụng Vũ trụ quan, là một sự xác định giá trị con người giữa cuộc tiến hóa miên tục của vũ trụ.

Cũng có ý kiến đề xuất triển khai Nhân sinh quan Cao Đài bằng phương môn “Nho tông chuyên thể”. Nghĩa là thực hành đạo nhập thể của Nho tông bằng quá trình phát triển “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Vậy là lấy cá thể mỗi con người làm trung tâm hoàn thiện và lấy cộng đồng thi hành nghĩa vụ làm người, làm lý tưởng cho con người xã hội.

Thế là chiều kích của con người trong đời sống thực tiễn được mở rộng thành cuộc nhân sinh mà Đức Nhân làm gốc. Đức Trí làm sự tiến bộ; Nghĩa, Lễ Tín làm sự quân bình.

2. Xác minh quan điểm sống đạo

- Cần xác minh ngay quan điểm sống đạo tức là sống đời một cách tích cực. Đó là quan điểm nhập thể của Nhân sinh quan Cao Đài. Tức là chấp nhận cuộc

đời và sống một đời sống có ý nghĩa và hơn nữa, sống lạc quan.

- Chúng ta cũng đồng tình với một chương trình sống đạo có định hướng. Tức là cố gắng sắp xếp đường đi và mức đến của đời mình. Sống có định hướng là sống có ý thức hoàn toàn về cách sống có mục tiêu, có tự chủ, có quyết tâm phấn đấu để vươn lên, không để cuộc đời xô dạt về nơi vô định.

- Và khẳng định cái “đạo” trong cuộc sống là phát huy được giá trị tinh thần, tức là sự tiến hóa tâm linh. Bởi vì nó là giá trị vĩnh cửu lồng trong những giá trị tương đối. Tuy nhiên lẽ đạo hay lẽ sống không bao giờ triển chuyển theo hướng cực đoan mà luôn luôn quân bình không chấp trước ta người hay tâm vật.

- Nhưng tiến hóa tâm linh không phải là duy tâm bảo thủ. Ngược lại sống đạo phải rất tiến bộ và đại đồng hợp nhất.

Vậy nên, bên cạnh chiều sâu của giá trị tâm linh, sự sống đạo đòi hỏi chiều rộng của trí năng để đủ sức phụng sự, hiến dâng cho nhân sanh, cho lý tưởng cứu độ. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo có dạy: *“Giá trị trí năng phải luôn tiến kịp với thời đại thì mới dẫn dắt và lèo lái thời đại được”*.

Tóm lại sống đạo là sống đời với một ý thức sù mạng vi nhân rất ráo.

- Sau cùng, cần xác định thêm rằng, đối với quan điểm giáo lý Đại đạo, sống đạo không chỉ nhằm giải

quyết cuộc sống thế gian mà là tiền đề của cái sống xuất thế gian. Nên có thể nói sống đạo là phép giải của bài toán: **Con người tự thân + Con người xã hội + con người lý tưởng.**

Con người lý tưởng trong Đại Đạo là con người có chiều kích vũ trụ, con người “Thiên nhân hiệp nhất”, con người muôn thuở muôn phương cùng Trời là Một.

3. Để chuẩn bị cho nếp sống đạo như một ứng dụng của Nhân sinh quan Cao Đài như trên, đường lối giáo dục trí năng và giáo dục đạo đức phải đặt trên căn bản TỰ CHỦ SÁNG TẠO và NHÂN BẢN.

Nền giáo dục tự do khai phóng sẽ giúp cho con người phát huy được tiềm năng tự hữu, mới tiến hóa thật sự và đưa nhân loại lên nấc thang tiến hóa. Ngược lại là gò ép con người như nhai đi nhai lại những sản phẩm cũ kỹ của thế hệ trước một cách vô ý thức như chiếc máy ghi âm hay thu hình.

Nền giáo dục Nhân bản là nền giáo dục đào tạo con người, dạy làm người chứ không phải chỉ đào tạo một công cụ sản xuất. Thiếu giá trị nhân bản, con người không tìm thấy hạnh phúc giữa bao phương tiện vật chất hiện đại. Giáo dục chỉ đào tạo trí năng mà không đào tạo đức năng, không xây dựng được con người toàn diện thì không có Nhân sinh quan Cao Đài đúng nghĩa

Thế là trên chiều kích thế gian thực tiễn, đời sống con người là một thành phần của tổng thể sinh hoạt cộng đồng. Nhưng giá trị Nhân bản của mỗi tương quan tâm huyết giữa con người với gia tộc và dân tộc là sự hội tụ của truyền thống lâu đời, đã trở nên một mảng quan trọng trong cấu trúc đời sống con người bao gồm văn hóa - luân lý - tình cảm và nghĩa vụ, đóng góp vào sự nghiệp nhân loại những bản sắc muôn màu muôn vẻ, là tinh hoa nhiều đời của trăm ngàn thế hệ.

Vậy có thể nói nhân sinh quan Cao Đài vừa có chiều sâu tâm linh, chiều rộng thế gian vừa có đỉnh cao tiên hóa, vừa có chiều dài lịch sử.

Để kết luận, có thể nhận định rằng:

Đứng trước hiện trạng phá sản những giá trị con người.

Trước những phân hóa cùng cực của cộng đồng xã hội, cộng đồng nhân loại.

Trước sự mai một niềm tin nơi cứu cánh cao đẹp đánh mất đức tin nơi Thượng Đế.

Nhân sinh quan Cao Đài vẫn có những giá trị phổ quát để bảo vệ nhân vị, trọn tin nơi nhân năng và triển khai một cuộc sống nhân bản tiến bộ và tiên hóa không ngừng.

Nhân sinh quan Cao Đài luôn đánh thức sự hiện hữu của mỗi cá thể con người, để sống là sống đạo,

sống cho sứ mạng vì nhân mà cũng chính là cho sự thăng tiến của chính mình.

Nhân sinh quan Cao Đài qui chiếu vào con người tự thân - con người cộng đồng và con người lý tưởng.

Nhân sinh quan Cao Đài đòi hỏi giá trị vong ngã, giá trị hiệp nhứt, giá trị tâm linh.

Tất cả sẽ xuất phát từ chiều sâu Nhân bản và triển khai bằng thể Nhân Hòa mà vẫn luôn luôn tiến bộ ứng phó kịp thời với mọi vấn nạn của thời đại.

III. NHÂN SINH QUAN NHO GIÁO VÀ NSQ CAO ĐÀI TƯƠNG ĐỒNG

Dựa theo sách Đại Học và sách Trung Dung của Nho giáo trong 2 câu dưới đây, có thể suy ra Nhân sinh quan của Nho giáo:

Sách Đại Học viết: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ u chí thiện.*”

Đại Học nói: «Đạo của Đại Học là làm sáng thêm cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng ở chí thiện. Biết dừng thì sẽ định, định rồi sẽ tĩnh, tĩnh rồi sẽ an, an rồi sẽ suy nghĩ, suy nghĩ rồi sẽ đắc. Vật có gốc ngọn, việc có đầu cuối, biết thứ tự trước sau thì gần với đạo. (Đại Học và Trung Dung

Vietsciences- Phùng Hữu Lan- Lê Anh Minh dịch 20/08/2006)

Sách Trung Dung viết: “*Trung thứ vi Đạo bất viển. Thi chư kỹ nhi bất nguyện, diệc vật thi u nhân*”¹³(TD. 13)

“Trung thứ”chẳng cách xa Đạo (Đạo Trung Dung); “trung thứ”chính là suy lòng ta ra lòng người, "điều gì thực hiện cho bản thân mình mà mình không muốn, chớ đem việc ấy làm cho người”

Trung thứ:

- Trung 忠: lòng không thiên lệch (中: “bất thiên chi vị trung”, không thiên lệch đó là “trung”. Thêm chữ “tâm”心 thành chữ “trung”忠 là tâm không thiên lệch)

- Thứ 恕: gồm chữ “như”如 và chữ “tâm”心: là tâm giữ mức bình đẳng, hai bên đều như nhau, TA cũng như NGƯỜI, suy lòng ta ra (giống như) lòng người, suy lòng người ra (giống như) lòng ta; việc gì ta không muốn, chớ gia vào người, việc gì ta muốn cho mình thì cũng nghĩ cho người như thế để làm cho người. Trong sách Luận Ngữ, cư sĩ Đoàn Trung Còn giải thích "Thứ nghĩa là mình thương tưởng người như thương tưởng mình". Như vậy hai chữ Trung 忠 Thứ 恕 có nghĩa là hết lòng vì người như vì mình, "không thiên lệch". Đây cũng chính là tâm không phân biệt. (Tinh yêu trong Khổng giáo: http://www.trovebenxua.com/page53#note_3_4) 1974)

Dưới đây là bảng tóm lược Nhân sinh quan Nho giáo cho thấy có những điểm tương đồng đặc biệt với Nhân sinh quan Cao Đài.

Nho tông	Cương lĩnh	Diễn giải ra xã hội = Nhân sinh quan
_Minh minh đức _Chí thiện	Phục hồi nhân bản (xây dựng con người chính danh)	Phát triển văn hóa- Phát huy giá trị nhân văn trong mọi lĩnh vực - Đào tạo, giáo dục toàn diện
_Tân dân _Trung thứ (13)	Tạo thế nhân hòa (nhân bản-an lạc- tiến bộ) Xã hội đại đồng	Xây dựng xã hội đạo đức văn minh Hợp tác, tương trợ giữa các cộng đồng và các dân tộc

Trung dung (Trung đạo)	Tâm vật bình hành (Cải thiện nhân sinh - Tiến hóa tâm linh)	Quân bình đời sống vật chất - đời sống tinh thần & sinh hoạt tâm linh
----------------------------------	---	---

¹ Đại Thừa Chơn Giáo, 1950, tr.154.

² Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1. Tòa Thánh Tây Ninh, 1973. tr.34.

³ Đại Thừa Chơn Giáo, 1950, tr.154.

⁴ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1. Tòa Thánh Tây Ninh, 1973. tr.105.

⁵ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1. Tòa Thánh Tây Ninh, 1973. tr.94.

⁶ Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q1. 1963. tr.116.

⁷ Vĩnh Nguyên Tự, 03.01 Giáp Dần (25.01.1974).

⁸ "Thượng Đế Chí Tôn đã mở con đường cho nhân loại trở về với Thượng Đế: Con người cho thiệt con người". (Đức Lê Đại Tiên, TGST, 1972-73, tr.38)

⁹ Đức Lê Đại Tiên, TGST, 1972-73, tr.38.

¹⁰ Đức Lê Đại Tiên, TGST, 1970-71, tr.28.

¹¹ Sđd, tr.25.

¹² Sđd, tr.24.

¹³ Sách Trung Dung viết: "Trung thứ vi Đạo bất viễn. Thi chư kỹ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân"(TD. 13)

VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO TRONG SỨ MẠNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN

Xưa nay, người đời thường cho rằng tôn giáo là những hệ thống tín ngưỡng hay giáo thuyết chủ yếu hướng dẫn tín hữu sùng bái thần linh, gây ra mặc cảm tội lỗi, hoặc kỳ vọng hoang đường.

Điều đó chỉ đúng với lối tu mê tín, không tự tin vào khả năng tự hữu để hoàn thiện bản thân và tìm thấy hạnh phúc đời mình.

Thật ra, các bậc Giáo tổ là những vị đã trải nghiệm chân lý về giá trị thực của con người. Đức tin của các đấng ấy là sự khám phá những nguyên lý tương quan, tương đồng giữa con người và thiên nhiên trời đất. Và hơn nữa, trực nhận chân lý phổ quát nhất không ở đâu xa ngoài nhân thân là tiêu vũ trụ có giá trị “tối linh” giữa muôn loài vạn vật, nhờ đó thực hiện con đường giải thoát tâm linh.

Đạo Đức Kinh, Ch. 33, có viết:

*“Tri nhân giả trí, tự tri giả minh;
Thắng nhân hữu lực,
Tự thắng giả cường.
Tri túc giả phú; cường hành giả hữu chí.
Bất thất kỳ sở giả cử;*

Tử nhi bất vong giả thọ.”

Nghĩa:

Biết người là khôn, biết mình là sáng.

Thắng người là kẻ có sức,

tự thắng là kẻ mạnh.

Biết đủ là giàu, cố gắng là người có chí.

Không đánh mất điểm tựa, sẽ vững bền.

Chết mà không hết, thế là thọ.

Xem ra, lý tưởng Nhân bản đã được Đức Lão Tử là một hóa thân của Đức Thái Thượng Lão Quân nêu lên cách đây hơn 2.500 năm.

Giáo lý các tôn giáo ra đời trong thời đó hoặc sau này đều có phần nhập thế và xuất thế. Người chưa hiểu đạo, trong phần nhập thế thì đi tìm những lý thuyết viễn vong, bỏ hình theo bóng; phần xuất thế lại mê tín dị đoan, không tìm thấy con đường tiến hóa tâm linh đích thực. Nào hay đâu chiếc chìa khóa giải quyết cuộc đời và mở cửa đạo đã có sẵn trong chính con người mình. Đó là cái “kỳ sở” mà Đức Lão Tử viết trong câu “bất thất kỳ sở giả cử”, cái điểm tựa bền chặt mãi, tức Nhân bản, chỉ có con người sáng suốt, giác ngộ, mới biết phát huy đầy đủ nhân tính từ đó để sống đúng giá trị con người đích thật, con người đúng nghĩa. Ngược lại là tự đánh mất “gốc người” của mình.

Vậy làm sao phục hồi Nhân bản?

Là những người có tín ngưỡng, chúng ta hãy thử tìm chiếc chìa khóa Nhân bản trong các tôn giáo.

Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh hết sức rực rỡ. Đáng lẽ từ khi loài người tiến hóa thành homosapiens đến bây giờ, toàn thế giới phải đang được tận hưởng trong hòa bình những thành quả của nền văn minh có lịch sử hàng triệu năm này.

Nhưng nghịch lý thay, con người vừa đang sống với những tiện nghi hiện đại, lại vừa dùng những phương tiện hiện đại khác để tàn sát lẫn nhau! Càng khốc liệt hơn nữa, có những cuộc tàn sát đến mức diệt chủng!

Hình như các giáo chủ đã tiên đoán những ác nghiệp do tâm địa của con người, nên từ Thượng cổ, tôn giáo đã ra đời. Đến Trung cổ nhiều tôn giáo với những giáo thuyết cao siêu hay thực tiễn, tiếp tục giáo hóa nhân sanh làm người chân chính. Nhưng cái gì vào tay con người một thời gian rồi cũng bị biến đổi, nhiều thành phần tín đồ dần dần đánh mất chơn truyền. Giữa các giáo phái đã xảy ra kỳ thị đến mức hận thù và chiến tranh!

Thế nên, người ta lại cảm thấy lo ngại vai trò của tôn giáo; người cực đoan thì bài xích thẳng thừng, kẻ ôn hòa chỉ muốn làm người “ngoại đạo”. Không thỏa mãn với những tôn giáo truyền thống, xã hội nảy sinh ngày càng nhiều giáo phái. Xét ra mỗi giáo phái là

một biểu hiện phức tạp của tâm thức con người: cuồng tín, thác loạn, cực đoan, bất mãn, tuyệt vọng....

Đứng trước thảm trạng trên, nhiều chủ thuyết ra đời, muốn nêu lên một lý tưởng chung cho nhân thế. Đối với tôn giáo, có những đề xuất xây dựng một tôn giáo duy nhất đáp ứng khát vọng mọi dân tộc về đời sống xã hội an lạc và đời sống tâm linh cao đẹp.

Đại sư Vivekananda¹, nhà hiền triết Ấn Độ nổi tiếng với triết lý Venanda, chủ trương thực hiện một tôn giáo phổ quát cho toàn nhân loại: “Sống đạo là trải nghiệm Chân lý siêu việt chung cho toàn nhân loại”²

Gần đây Đức Đạt Lai Lạt Ma lại có một phát biểu “phá chấp” hơn nữa:

“Tôi tin tưởng rằng, ở mọi tầng lớp xã hội, trong mọi gia đình, quốc gia hay cộng đồng quốc tế, chiếc

¹ *Svā mī Vivekā nanda* (Bengali: [□□□□□□ □□□□□□□□□□](#) Shami Bibekanondo; [tiếng Anh: Swami Vivekananda](#)), tên khai sinh là **Narendranath Dutta** (Nôrendronath Dotto) ([12 tháng 1, 1863](#) - [4 tháng 7, 1902](#)) là một trong những lãnh tụ tinh thần nổi tiếng nhất và có ảnh hưởng nhất của triết lý [Vedanta](#). Ông là đại đệ tử của [Ramakrishna Paramahansa](#) và là người sáng lập ra [Ramakrishna Math](#) và [Ramakrishna Mission](#). Nhiều người xem ông là thần tượng cho lòng nhiệt tình, ảnh hưởng tích cực lên lớp trẻ, tầm nhìn thoáng về các vấn đề xã hội, và vô số bài giảng và bài nói chuyện về triết lý [Vedanta](#).

² One of the most significant contributions of Swami Vivekananda to the modern world is his interpretation of religion as a universal experience of transcendent Reality, common to all humanity (**Vivekananda's contributions to World Culture**-<http://www.belurmath.org/swamivivekananda.htm# World Culture>)

chìa khóa mở ra một thế giới tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn là tấm lòng trắc ẩn sâu xa của con người. Không nhất thiết phải thuộc về tín ngưỡng hay niềm tin vào một ý thức hệ để có được tấm lòng ấy. Điều quan trọng là phát huy tính nhân bản càng sâu rộng càng tốt.”³

Thật ra triết lý của các nhà hiền triết trên, xét cho cùng là sự đề xuất một cuộc vận động phục hưng những giá trị nhân bản chơn truyền của các tôn giáo lớn trước đây.

Bước vào Kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ của Đại Đạo, Đức Thượng Đế khai sáng Đạo Cao Đài chính là nhằm vào cứu cánh Nhân Bản đó, như thánh ngôn của Đức Thái Thượng Đạo Tổ mà toàn đạo đang cử hành đại lễ Kỷ niệm Khánh đản của Ngài vào ngày hôm nay:

“Chư môn sanh hiện tại là hình bóng của người đã qua. Tất cả đều Thiên ân sứ mạng, tùy tài đức tùy khả năng mà sử dụng. Không vì có muôn xe sản nghiệp, hoặc lão thông kinh điển ngàn pho mới thực hiện được đạo lý để độ đời, cũng không bởi chất phát thật thà, ít oi mà mặc cảm là không hành được cái đạo. Đã học đạo, hành đạo, tất biết đạo hằng có

³ “I believe that at all levels of society, whether that involves our family, nation or the international community, the key to a better, happier world is greater compassion. It is not necessary to become religious, or to believe in an ideology to bring this about. The important thing is to develop our basic human qualities as much as we can.”

trong vạn vật. Vạn vật sinh tồn trong lý đạo. Những phương pháp, phương châm, bí quyết để con người được biết rõ chính mình và biết sống trong lý đạo để bảo trì nhân bản trên xã hội nhân loại này đều tóm vào một ý nghĩa của mùa xuân, bởi xuân là mùa lập lại qua cuộc sanh trưởng thâm tàng, biết hòa dịu để lưu hành trưởng dưỡng.”⁴

I. GIÁ TRỊ NHÂN BẢN CỦA CÁC ĐẠO GIÁO

A- ĐẠO LÃO

Trước hết, xin giới thiệu tính nhân văn của Đạo Lão qua Đạo Đức Kinh (ĐĐK) của Đức Lão Tử.

Đạo Đức Kinh là một học thuyết triết học mà các học giả kim cổ Đông Tây đều rất bái phục về vũ trụ luận và đạo đức luận. Đặc điểm của học thuyết là không đề cập các giáo điều hay tín ngưỡng, mà chủ yếu dạy cho con người lối sống tự chủ phù hợp với qui luật vũ trụ. Tính tích cực của Đạo Đức Kinh là ứng dụng các nguyên lý vận hành của Đạo (vũ trụ) để phát huy thành Đức, tức là thực hành các nguyên tắc trị thân (cá nhân con người) và trị thế (xã hội nhân loại).

ĐĐK khẳng định Con người là một chủ thể lớn trong trời đất, trong đó mối tương quan giữa người với trời đất là cái Đạo Tự Nhiên: “Cố đạo đại, thiên

⁴ Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, mừng 4 tháng 1 Ất Mão (14-2-1975)

đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.”(ĐĐK.Ch.25)
(Cho nên đạo lớn, trời lớn, đất lớn, người cũng lớn. Trong vũ trụ có bốn cái lớn mà người là một. Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước đạo, đạo bắt chước tự nhiên. - Nguyễn Hiến Lê [NHL] dịch)

Lão Tử chú trọng cách xử thế vô tư, hòa hợp, bao dung với mọi người: “Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín.”(ĐĐK.Ch.49)
(Thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình. Thánh nhân tốt với người tốt, tốt cả với người không tốt, nhờ vậy mà mọi người đều hóa ra tốt; tin người đáng tin mà tin cả những người không đáng tin, nhờ vậy mà mọi người đều hóa ra đáng tin. _NHL.dịch)

B- ĐẠO PHẬT

Đạo Phật thường nhắc đến tuyên ngôn bất hủ của Đức Thế Tôn Thích Ca: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”. Nếu hiểu đó là câu nói tự tôn của Ngài thì thật là sai lầm. Cái “ngã” ở đây chính là “con người lớn” mà Đức Lão Tử đã đề cập. Đó là con người đang mang cái Đạo nội tại, là bất cứ ai làm người đều là một chủ thể đáng được đề cao, suy tôn; là đối

tượng cần phải chú trọng phát huy bản thể tức là khả năng tự tiến hóa và tác động vào cuộc tiến hóa của mọi người. Nói cách khác, “cái ngã độc tôn” là đầu mối duy nhất để phăng ra chân lý tự do tự chủ của con người trong trời đất.

Chỉ với một câu nói đó cũng đủ xác định giá trị nhân văn của Phật đạo.

C- ĐẠO KHỔNG

Tính nhân văn rõ nét hơn cả đạo Lão và đạo Phật, đạo Khổng khiến chúng ta có cảm nhận rất gần gũi với con người trong đời sống thực tiễn. Rốt ráo nhất là lý luận về đức Nhân trong sách Luận Ngữ.

Luận Ngữ IV:02: “Nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân”(Người có đức nhân vui lòng làm điều nhân, người thông minh sáng suốt biết rằng đức nhân có lợi cho mình và cho người nên làm điều nhân.- NHL dịch)

Luận Ngữ X:08 “Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.”(Người sĩ có chí và người có đức nhân không cầu sống mà làm hại điều nhân, mà có khi hi sinh tính mạng để làm điều nhân.- NHL dịch)

Nghiên cứu học thuyết nhân văn Nho giáo cổ điển, giáo sư Đỗ Duy Minh đại học Haward viết:

“... Khổng Tử tìm thấy Đạo trong các tiềm năng nội tại của con người được định nghĩa từ góc độ vũ

trụ nhân sinh luận....Sự tập trung vào tính chất quan trọng hàng đầu và tính đa diện phong phú của khái niệm NHÂN 仁 trong Luận Ngữ là một biến cố vĩ đại trong vũ trụ biểu tượng của tư duy Trung Quốc thời cổ [...].Niềm tin của Khổng Tử vào khả năng hoàn thiện (perfectibility) trong bản tính nhân loại thông qua sự tự nỗ lực, như một câu trả lời cho những khuynh hướng phi nhân trong thời đại lịch sử đang bủa vây ông. Niềm tin đó hướng dẫn toàn bộ năng lực của ông vào việc chuyển hóa thế giới nhân loại từ bên trong. Thái độ tập trung này đặt căn bản trên niềm xác tín rằng giá trị tối hậu của tồn tại nhân sinh nằm kề sát bên cạnh con người và ước muốn đạt đến nhân tính sẽ dẫn đến sức mạnh cần thiết cho việc hiện thực hóa.”⁵

D- ĐẠO KI-TÔ

Mặc dầu khác hơn Nho Thích Lão (mà giáo thuyết được đánh giá là những học thuyết triết học hơn là tôn giáo độc thần hay đa thần), Ki-Tô giáo vẫn có tính nhân văn rất sâu sắc: đề cao con người vì con người và Chúa là một, con người là phản ảnh của Thiên Chúa.

Thánh Paul đã viết: *“Anh em chẳng biết thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Linh, đáng ngự trong*

⁵ Triết giáo đông phương nxb Đại học quốc gia TP. HCM,Đạo,Học, và Chính trị trong học thuyết nhân văn Nho giáo cổ điển-Đỗ Duy Minh/Đại học Harvard-Dương Ngọc Dũng dịch chú, tr. 242-243.

anh em sao?”⁶ Thánh Augustine viết trong tập Tụ thú: “Con đã tìm Chúa ở ngoài con, nên đã không gặp Chúa của lòng con.”⁷

II. SỨ MẠNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ (ĐĐTKPĐ)

Sau các tôn giáo lớn kể trên, vào đầu thế kỷ XX, giữa những biến động trên thế giới, trải qua thế giới chiến tranh thứ nhất, và thế giới chiến tranh thứ hai và bao nhiêu biểu hiện sa sút đạo đức dẫn đến sự phá sản mọi giá trị nhân bản trong xã hội loài người, ĐĐTKPĐ được khai minh. Dưới danh hiệu phổ cập là “Đạo Cao Đài”, thế nhân lại đơn giản cho rằng ĐĐTKPĐ là một tôn giáo “bản địa” đã xuất hiện như nhiều tôn giáo khác trong lịch sử. Có khác chăng, chỉ thêm vào tính “trào lưu xã hội”(sic), tính “cởi mở”, tính dân tộc, tính tổng hợp...! Để định chính nhận định hời hợt đó, Cao Đài đã có thông điệp:

*Ngươi những tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương.⁸*

Tuy nhiên, sứ mạng hoằng dương Đại Đạo vô cùng nhiều khê giữa thời đại hỗn tạp này. Và trước

⁶ Cor. 3, 16 và I Cor. 6, 19.

⁷ Quaerebam Te foris a me, et non inveniebam Deum cordis mei. - Cuốn VI, Chương I (Cf. Ps. 72, 26).

⁸ Vạn Hạnh Thiền Sư, TLTD, 07-3-Giáp Dần, 30-3-1974

hết, người Cao Đài phải thông suốt ý nghĩa hai chữ Đại Đạo.

Đại Đạo không có nghĩa là tôn giáo lớn, mà vì muốn chỉ cái Đạo bao dung tất cả, vượt trên mọi đối đãi nhị nguyên, là đường lối trở về nhất nguyên Bản thể nên gọi là Đại Đạo.

Vậy, Đại Đạo hoàng dương trong đối tượng nào và ở đâu để vượt lên những hạn chế của tôn giáo, để có giá trị phổ quát trên toàn xã hội nhân loại đang mang vô vàn bản sắc?

- Giáo lý Đại Đạo đã trả lời: Không có đối tượng nào và ở đâu khác hơn là chính trong lòng người: *“Tâm lòng của nhân loại mới chính là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh tạo thế an bình cho nhân loại.”*⁹

Đó cũng là chân lý mà Lão Tử Đạo Đức Kinh đã viết: *“Cố Đạo đại, thiên đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kỳ nhất yên”*[ĐĐK.Ch.25] (Cho nên Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, người cũng lớn. Trong vũ trụ có bốn cái lớn mà người là một.)

Vậy, muốn giải quyết cuộc diện nhân loại ngày nay phải thực hiện sứ mạng Đại Đạo. Và sứ mạng Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ chính là sứ mạng làm Người đúng nghĩa “Người lớn” (nhân [diệc] đại).

⁹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974)

Thánh giáo Cao Đài viết: *“Con người hiện giờ đã mất quá nhiều điểm tựa của tâm linh. Niềm tin của con người đang sụp đổ, các căn bản nhân tính của con người đã xa lìa, chính vì vậy, thế nhân hòa phải tạo lập lại các giá trị nhân bản, đưa con người trở về với đời sống hợp nhân tính đơn thuần; hiểu biết hành động phục vụ, phụng sự mà không nằm trong nhân bản sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội. Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người. Dầu ở bất cứ lãnh vực hay hoàn cảnh quốc thổ nào, đời sống tâm linh càng phải tựa vào nhân bản. Có như vậy, đạo lý, tôn giáo mới không rơi vào chỗ mông lung huyền ảo.”*¹⁰

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do đích thân đức Thượng Đế Chí Tôn khai sáng, nhưng giáo lý Đại Đạo lại đề cao giá trị nhân bản của con người đích thật, dạy con người đi tìm Thượng Đế đích thực trong tâm khảm bằng chính Nhân bản của mình. Thánh giáo viết:

“Này chư hiền! Thượng Đế không ngự trên vật thể vô tri, mà trái lại Thượng Đế ngự trong tâm tháp ngà của tâm hồn nhân loại. Hình thể Đạo chỉ mượn đó để thể hiện thánh Thể Chí Tôn tại thế.

“Thượng Đế không là một hình bóng của thần tượng, nhơn tượng hay vật tượng. Chính biểu tượng

¹⁰ Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 rạng Rằm tháng 2 Canh Tuất (21-3-70)

Thiên Nhân cũng chỉ là tạm mượn để gọi gắm chân lý trong một cụ thể chủ quan mà thôi. Chính vì vậy, kiến tạo hình thể Đạo có được giá trị cùng chăng là phải có nhân tâm làm chứng thị.

“Giá trị của nhân sanh giác ngộ sẽ định vị cho hình thể đạo của từng địa phương.”¹¹

Và Đức Thái Thượng Đạo Tổ, nhân dịp dạy Đạo vào đầu mùa Xuân năm Ất Mão đã dạy rất cặn kẽ sứ mạng phục hồi Nhân bản của các Tôn giáo nói riêng, của toàn nhân loại nói chung:

“Nếu toàn thể những người được đứng trong khuôn viên tôn giáo đạo đức, đều đồng lòng hòa hợp lại trong tinh thần vô có, vô chấp, vô ngã, vô công, vô danh thì có lo chi không giải được sự công nghiệp của chúng sanh, đem lại thanh bình an lạc chung cho thế giới nhân loại.”¹²

KẾT LUẬN

Vai trò của tôn giáo muốn xứng đáng là một thực thể cứu độ nhân loại, phải thực hiện cho kỳ được cuộc phục hưng sứ mạng vi nhân của con người bằng cách phục hồi những giá trị Nhân bản để chính con người tự hoàn thiện và hoàn thiện xã hội. Những người tự

¹¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan PTGL, 15-01 Giáp Dần, 06-02-1974.

¹² Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Minh Lý Thánh Hộ i, Tuấ t thời, mừng 4 tháng 1 Ất Mão (14-2-1975)

chọn một con đường để quyết tâm hoàn thành sứ mạng ấy, dù theo hay không theo tôn giáo nào, cũng là những người đồng hành trên đường Đại Đạo.

Nên thánh ngôn Đức Diêu Trì Kim Mẫu từng nhắn nhủ con cái của Ngài trên thế giới ngày nay rằng:

“Kìa con! Đời đang loạn lạc, người người mong vọng hòa bình, tôn giáo đang chia rẽ, tín đồ đạo hữu mong vọng hiệp nhất, mà hòa bình do nơi đâu hỡi con? Hòa bình hay hiệp nhất, Đức Thượng Đế đã ban cho mỗi con từ khi mới đến trần gian. Con hãy tìm đem ra mà sử dụng. Tâm con hòa bình, thế giới sẽ hòa bình, tâm con hiệp nhất, tôn giáo sẽ hiệp nhất. Các thứ ấy con không thể cầu ở tha lực tha nhân mà có đâu con!”¹³

*“Cõi hậu thiên, thân sanh vào đó,
Điểm tiên thiên sẵn có nơi thân;
Là mầm sống là nguyên thần,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của Người.”¹⁴*

¹³ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Thất Bình Hòa, Tý thời 14 rạng Rằm tháng 8 Canh Tuất (14-9-70)

¹⁴ Đức Diêu Trì kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 13 tháng 8 Kỷ Mùi (3-10-1979)

CON NGƯỜI VÀ VŨ TRỤ

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ có giảng diễn cho bài thi như sau:

*Thiên cơ ví lọt mắt phàm nhân,
Độ thế cần chi nhọc Lão Quân;
Một Đạo vô vi bày vạn pháp,
Nguồn đầu ai giữ được thiên chân.¹*

Thật vậy, thiên cơ vô cùng bí nhiệm, người đời tìm hiểu thiên cơ phải nhờ sự soi sáng của thần tiên mới trực nhận được phần nào. Mà thiên cơ là máy trời vận hành vũ trụ, trong đó có con người, đương nhiên con người có nhiều mối tương quan cùng vũ trụ trong sự sống và sự tiến hóa.

Thế nên, ngày nay, khi nói đến con người, người ta đã cảm thấy nói đến một đối tượng, một đề tài hết sức phức tạp. Nào là sinh học, y học, tâm lý học, xã hội học, nhân văn học, thần học, phân tâm học, triết học... Bao nhiêu khoa học, nhiều ngành nghiên cứu về con người mà vẫn tồn tại biết bao điều kỳ bí về con người chưa khám phá hết được.

¹ CQPTGL,15.02. K. Mùi; 12.3.1979

Còn vũ trụ thì bao la không bờ bến, các ngành thiên văn, vũ trụ học ngày nay đã tiến bộ vượt bậc nhưng nhân loại chỉ mới mô tả được thái dương hệ, khảo sát các ngân hà và đặt chân lên vệ tinh mặt trăng của địa cầu như một cái vẫy đuôi của một con cá trong biển cả mà thôi.

Nhưng điều kỳ lạ là cái sinh vật nhỏ bé này từ ngàn xưa đến ngàn sau không bao giờ ngớt cảm nhận có một sự gắn gũi mật thiết giữa bản thân với vũ trụ, không ngớt tìm hiểu mối tương quan với vũ trụ, không ngớt đối chiếu con người với vũ trụ để tìm ra một nguyên lý chung, những qui luật chung của sự sinh thành, hiện hữu và tiến hóa của vũ trụ và con người.

Thế nên, cách đây trên 2.500 năm Đức Lão Tử đã nói “Trời lớn, đất lớn, người cũng lớn”²

Và Trang Tử viết: “Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất”. Nghĩa là: Trời đất với ta cùng sanh, vạn vật cùng ta làm một.

Tại sao thời thượng cổ chưa có dụng cụ đo đạc từ vĩ mô đến vi mô mà các Ngài đã phát biểu những câu so sánh đầy tự hào cho con người một cách quả quyết như vậy?

² ĐĐK. Ch.25

Thế là từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim, các nhà hiền triết, cá nhà đạo học, các khoa học gia đua nhau tìm hiểu ẩn ý của các Ngài và sáng tác ra vô số kinh điển, sách vở về mối tương quan giữa con người và vũ trụ.

Nhưng gần gũi với chúng ta nhất là nhận thức của một nhà vật lý học, giáo sư vật lý nổi tiếng tại các viện nghiên cứu lừng lẫy ở Mỹ và Anh. Gs Fritjof Capra (sinh 1939), tác giả quyển “The Tao of physics” (Đạo của vật lý) xuất bản năm 1982. Ông viết:

“Một buổi chiều hè nọ, ngồi trên bãi biển, nhìn những đợt sóng đến và cảm thấy nhịp điệu của hơi thở mình, bỗng nhiên tôi ý thức toàn bộ vùng quanh tôi đang tham gia vào trong một vũ điệu vĩ đại của vũ trụ [...] Tôi “thấy” năng lượng tràn như thác đổ từ không gian xuống, trong đó bao nhiêu được hình thành, bao nhiêu hạt bị hủy diệt, trong một sức mạnh nhịp nhàng; tôi “thấy” nguyên tử của các nguyên tố và của cả thân tôi tham gia vào trong vũ điệu năng lượng này của vũ trụ...”³

I. VŨ TRỤ:

Những phát biểu trên đây của những nhà minh triết xa xưa và cận đại khiến chúng ta thấy rằng sự tìm

³ Fritjof Capra, Đạo của vật lý, Nguyễn Tường Bách dịch, tr.9

hiểu các nguyên lý của vũ trụ và con người, sự khám phá mối tương quan giữa con người và vũ trụ là chìa khóa mở đường tiến hóa cho nhân loại và mở rộng tầm kích của mỗi nhân sanh.

A.- Vũ trụ được bao hàm trong Bản thể:

Đây là nguyên lý tuyệt đối, tối thượng của vũ trụ. Không xác tín Bản thể không thể giải đáp mọi căn đề của vũ trụ vạn vật.

Bản thể này Đạo Lão gọi là Đạo, là Tiên Thiên, là Hư Vô, Vô Vi - Phật gọi là Chơn Như - Nho gọi là Thiên - Dịch gọi là Vô Cực.

Cao Đài gọi Bản thể đó là Hư Vô Chi Khí. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo viết: *“Đạo là gì? Đạo là Hư Vô Chi Khí, Đạo rất mầu nhiệm sâu kín cao siêu. Trước khi có Trời Đất đã có Đạo. Vậy Đạo đã tạo nên Càn Khôn Võ Trụ, hóa sanh vạn vật muôn loài. Muôn loài vạn vật phải thọ bảm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi mãi”*⁴

Vậy vũ trụ không phải là không gian trống rỗng mà tràn ngập một siêu thể vô hình tự hữu, hằng hữu có trước trời đất nên gọi là Khí Hư vô tiên thiên. Tuy không hình (Vô) mà lại có (Khí). Nhưng nếu Khí ấy chỉ như nước biển cả để cho muôn loài thủy vật bơi lội sinh sống trong đó thì chưa đủ gọi là Bản thể.

⁴ ĐTCG, 1950, tr.66.

Bản thể vừa là nguồn gốc của thể chất, vừa là siêu năng lượng, vừa là cơ nguyên hóa sanh, vừa là động năng tiến hóa. Nên vì vậy Bản thể còn được gọi là Đạo.

Trước nhứt, để hình dung cái “hữu” trong cái “vô” của Bản thể, và cái vô trong vật chất, chúng ta hãy tham khảo ý kiến nhà vật lý nguyên tử học.

Chúng ta đều biết đơn vị nhỏ nhất của vật chất là nguyên tử. Và ta lại lầm tưởng rằng nguyên tử là cái hữu tuyệt đối; không ngờ ngày nay khoa học khám phá rằng trong cái hữu cực nhỏ đó lại chứa cái vô rất bao la so với những hạt hạ nguyên tử đang vận động trong đó.

Giáo sư Frotjof Capra viết: *“Nguyên tử không hề là những hạt cứng chắc như người ta tưởng mà nó lại là một không gian rộng rãi, trong đó những hạt cực nhỏ gọi là electron chạy vòng xung quanh hạt nhân, chúng được nối với hạt nhân bằng điện lực. Nếu chúng ta cho nguyên tử lớn bằng giáo đường lớn nhất thế giới, giáo đường Peter tại Roma thì hạt nhân của nó vừa bằng hạt cát. Một hạt cát nằm giữa giáo đường và đầu đó xa xa trong giáo đường là đám bụi nhỏ đang tung vãi - như thế, ta hình dung ra hạt nhân và electron của một nguyên tử.”*⁵

⁵ Fritjof Capra, sách đã dẫn, tr.82-83

Quan trọng hơn nữa, Ông lại viết: *“Khi nghiên cứu sâu về vật chất, ta sẽ biết thiên nhiên không cho thấy những “hạt cơ bản” riêng lẻ, mà nó xuất hiện như tấm lưới phức tạp chứa toàn những mối liên hệ của những phân tử trong một toàn thể.”*

B.- Vũ trụ vận động biến dịch không ngừng để sinh hóa và tiến hóa:

Đức Khổng Tử đứng bên giòng sông từng thốt lên:

“Chảy trôi như thế suốt đêm ngày!”

Cũng với dòng sông, triết gia Hy Lạp Héraclite (trước công nguyên) lại nói:

“Không ai vào được cùng một dòng sông hai lần...mọi sự phân tán rồi lại hội hiệp”

Đó là hiện tượng thiên nhiên biến đổi không ngừng mà kiếp sống và cuộc đời của con người cũng không lúc nào cố định.

Ôn Như Hầu than rằng:

*“Lò cừ nung nấu sự đời,
Bức tranh vân cầu, vẽ người tang thương.”*

Nguyễn Công Trứ cũng cảm nhận tính phù du của thế gian:

“Ôi nhân sinh là thế đấy,

Như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao.”

Nhưng các hiền triết Thánh nhân nêu lên sự biến dịch của đất trời hay lẽ vô thường của vạn hữu không phải để bi quan thối chí mà để chỉ dẫn cho thế nhân cái đạo lý bất biến trong vũ trụ và thường hằng trong con người. Như nhận định trong Thánh ngôn sau đây:

*“Đời diễn biến do nhân với ngã,
Đạo trường lưu chan cả thế gian;
Khấp trong cõi tạm dinh hoàn,
Nhơn nhơn vật vật ngập tràn ơn Xuân.
Biết thì hưởng vô ngân Tạo hóa,
Không phải đành nghiệp quả trả vay.”⁶*

Thế nên thực chất của vận động biến dịch không ngừng trong vũ trụ tuy có sinh có diệt, có ẩn có hiện nhưng là cái động của Đạo để tạo hóa vạn hữu và thúc đẩy vạn hữu tiến hóa.

*“Lý vô thể, Đạo lại vô hình
Hình thể là do Đạo phát sinh;
Nắm mối tương quan tìm Đạo lý,
Mới hay có nẻo đến hư linh”⁷*

Để hiểu rõ hơn thực chất của cuộc vận động của vũ trụ, ta hãy nghe các nhà vật lý mô tả sự vận động của thế giới hạ nguyên tử mà họ gọi là điệu múa của vũ trụ:

⁶ Giáo Tông Đại Đạo, 27.12 Mậu Ngũ, 1979

⁷ Đức Trần Hưng Đạo, MLTH, 02.02 Giáp dần - 1974

“Việc nghiên cứu thế giới hạ nguyên tử trong thế kỷ 20 đã phát hiện tính chất động nội tại của vật chất. Nó cho thấy, thành phần của nguyên tử, các hạt, đều là cơ cấu động [...], mỗi liên hệ động mà trong đó các hạt cứ tạo thành và phân hủy vô tận qua những cấu trúc năng lượng. Các hạt tương tác sinh ra những cấu trúc ổn định, chính các cấu trúc đó xây dựng nên thế giới vật chất, rồi thế giới vật chất cũng không nằm yên, nó vận động tuần hoàn. Toàn bộ vũ trụ cứ thế mãi mãi lao vào trong hoạt động và vận hành vô tận, trong điệu múa vĩ mô của năng lượng.”⁸

Phát hiện trên của vật lý học hiện đại khiến ta phải nhớ lại nhận định tương tự của Đức Lão Tử:

*Đạo sanh ra vật, Thấp thoáng mập mờ,
Thấp thoáng mập mờ, Trong đó có hình.
Mập mờ thấp thoáng, Trong đó có vật.
Sâu xa tăm tối, Trong đó có tinh.
Tinh đó rất thực, Trong đó có tín”.*⁹

Cái tính chất mập mờ thấp thoáng đó chính là sự vận động tương tác của năng lượng vũ trụ, trong đó biến đổi khôn lường tạo thành hình, thành vật, thành tinh ba.

Đó chính là:

*“Ở trong chứa đựng máy hành tàng,
Một cõi thiên đàng, một thế gian,*

⁸ Fritjof Capra, sđd, tr.266

⁹ ĐKK, Ch.21

*Vạn hữu hữu vô tình bất đoạn,
 Thiên không không sắc lý tương quan.
 Âm dương động tác sinh sinh trưởng,
 Cơ ngẫu vận hành tạo tạo đoạn.
 Co duỗi màn trời, ai rõ biết,
 Để cùng vũ trụ định nhân gian.”¹⁰*

Chúng ta đã bàn về cuộc vận động sinh hóa trong vũ trụ, nhưng công năng vận hành tiến hóa của Bản thể vũ trụ mới là cứu cánh.

Nếu trong vũ trụ chỉ có sanh hóa mà không có tiến hóa thì sự hiện hữu của vũ trụ vạn vật không có ý nghĩa, và có tiến hóa không ngừng vì vũ trụ vận hành theo qui luật tuần hoàn, chu nhi phục thi.

Thế nên đạo học đã lý giải rằng vũ trụ vạn vật nhất thể, sinh hóa từ nhứt nguyên, tiến hóa đến qui nguyên. Tóm tắt trong câu “Nhứt bản tán vạn thù, vạn thù qui nhứt bản.”

Qui nguyên là đỉnh cao tuyệt đối của con đường tiến hóa vì “Nguyên” đó là Bản thể vĩnh cửu toàn thiện, toàn tri, toàn năng, biến hóa vô cùng, vi diệu khôn lường.

Các hiền triết Thánh nhân nhận ra rằng cuộc vận hành của vũ trụ diễn tiến theo chu kỳ gồm hai giai đoạn phóng phát và qui hoàn được đánh dấu bằng một

¹⁰ Đạo Học Chí Nam, Minh Lý Thánh Hội, Tiết II - Vũ trụ và Con người

chuyển biến quan trọng làm đổi chiều gọi là phản phục. Phản là ngược lại, phục là quay về.

Nên Đạo Đức Kinh, chương 20 viết: “Phản giả đạo chi động”(Đạo động thì có phản).

Và Chương 16 viết:

*“Vạn vật tịnh tác,
Ngô dĩ quan phục,
Phù vật vân vân
Các phục qui kỳ căn
Thị vị phục mạng
Phục mạng viết thường”*

Nghĩa:

*“Vạn vật cũng đều sinh ra
Ta lại thấy nó trở về gốc,
Ôi! vạn vật trùng trùng,
Đều trở về cội rễ của nó,
Trở về cội rễ, gọi là “tịnh”,
Ấy là “phục mạng”
Phục mạng gọi là “Thường”.¹¹*

Thánh giáo Cao Đài cũng dạy cho nhân sanh luật phản phục đó của Tạo Hóa để ứng dụng đường tu giải thoát:

*“Kìa máy Tạo phát thâu luân động,
Cực âm rồi mầm sống hiển dương;
Phục sinh là Đạo hằng thường*

¹¹ Theo Nguyễn Duy Cần

Hằng thường trong cõi vô thường là đây”¹²

II. CON NGƯỜI

A. Con người là chứng nhân của quá trình tiến hóa của vũ trụ:

Nhà bác học Teillard de Chardin đã chứng minh rằng sự sống đánh dấu bước tiến vĩ đại của vũ trụ.

Vũ trụ đòi hỏi trái đất phải trải qua hai ngàn triệu năm mới có sự sống sơ khai xuất hiện và hai ngàn triệu năm nữa để có các sinh vật đơn bào, rồi năm trăm triệu năm sau mới phát sinh các sinh vật đại tế bào tức là thực vật và động vật.

T. Chardin cho rằng trong lịch trình tiến hóa của sinh vật có một tiềm năng gọi là năng lượng trí năng phát triển song song với năng lượng cơ học của sự sống.

Cho đến khi năng lượng trí năng bắt đầu hiển lộ là lúc đánh dấu điểm Nhơn hóa (point d’homonisation), tức thời điểm tính người nảy sinh trong sinh vật người nguyên thủy.¹³

Và ta cũng biết rằng các nhà nhân chủng học đã tính ra phải mất khoảng một triệu bốn trăm năm để

¹² Đức Vô Cực Từ Tôn, CQPTGL,1.12 Bính Thìn

¹³ T. De Chardin- La place de l’homme dans la nature, p. 84.

con người sơ khai đứng thẳng trên hai chân (homoérectus) trở thành người tinh khôn (homosapiens) cách đây 100.000 năm. Như thế có thể nói rằng sự hiện diện của con người ngày nay là một chứng nhân quá trình tiến hóa hết sức kỳ diệu và vinh quang của vũ trụ.

B.-Con người là một Tiểu vũ trụ:

Đặc biệt hơn nữa, con người không phải chỉ là sinh vật có trí khôn hơn muôn loài mà nhân thân còn được hình thành mô phỏng cơ cấu của trời đất, nên được xem như một Tiểu vũ trụ.

Đạo Lão cho rằng con người là Tiểu thiên địa. Tiên học tự điển, nơi chữ Nhân, Thiên có viết:

“Nhân thân là một tiểu thiên địa....Trời đất lấy 12 tháng làm một năm, nhân thân lấy 12 kinh làm một vòng. Trời đất có lục khí, nhân thân có lục phủ. Trời đất có ngũ hành, nhân thân có ngũ tạng. Trời đất có nhật nguyệt, nhân thân có hai mắt...”

Theo Huỳnh Đình nội cảnh, Tử hà chú trang 26 thì Trời có Tam thanh, thì người cũng có Tam đơn điền ứng với Tam Thanh:

- + Nê hoàn hay Thượng đơn điền là Ngọc thanh cung.
- + Giáng cung hay Trung đơn điền là Thượng thanh cung.

+ Đơn điền khí hải hay Hạ đơn điền là Thái thanh cung.

Nên Đức Di Lạc Thiên Tôn có bài thi:

*“Tinh TẠO Hóa ban đều muôn vật,
Trời với Người bầm chất giống in;
Trời thì có Nhật Nguyệt Tinh,
Người thì lại có đủ Tinh Khí Thần.
Trời đất có ngũ hành năm sắc,
Người tâm can phé đặt thận tỳ;
Huyền vi một máy huyền vi,
Luân luân chuyển chuyển chẳng khi nào ngừng”¹⁴*

Hay Đức Quan Thế Âm xác định thêm:

*“MÁY TẠO ấy sẵn dành nhân loại,
Một hình hài gồm thấy cơ quan;
Trời đại thiên địa tuần hoàn,
Người tiểu thiên địa chuyển luân cơ mầu.”¹⁵*

Và Đức Đông Phương Chưởng Quân đã dạy rõ phương pháp ứng dụng bộ máy nhân thân tiểu vũ trụ của người tu như sau:

“Này chư đệ! Chính chư đệ là vũ trụ thứ hai, trước mắt chư đệ thấy những gì, bộ óc suy tư những gì bên ngoài thì bên trong chư đệ đều có cả.

Người tu hành cốt yếu ở chỗ làm thế nào điều động được cơ cấu bản thể tự hữu hòa hợp với khí vận

¹⁴ Trúc Lâm Thiền Điện, 20.8. Ất Ty, 15.9.1965

¹⁵ Huân Cung đàn, 8.4. Ất Ty, 7.5.1965

của đất trời để hưởng thú tiêu dao tự tại riêng mình và giúp đời điểm tô vũ trụ cũng như trời đất đã phúc tải vạn vật trong cơ vận hành thời tiết sanh trưởng thâm tàng của vạn vật xinh tươi phát triển.”¹⁶

C.- Thiên nhân hiệp nhất:

Trên cơ sở Con người là một tiêu vũ trụ, con người có khả năng liên thông - hiệp nhất với Trời, với Thượng Đế Đại linh Quang và với các Đấng Thiêng Liêng. Đức Chí Tôn dạy:

*“Con biết con là ai đó chăng?
Con ôi, Lý Đạo ráng tâm phăng;
Con là không phải tâm phàm xác,
Con vốn Chơn Thần Thượng Đế ban.
Thầy với các con đồng nhứt lý,
Con cùng Thầy một khối linh quang,
Xác con tứ đại thân hình tạm,
Xác thể bộ đồ trẻ mặc hằng.”¹⁷*

Vậy cái yếu lý “Thiên nhân hiệp nhứt” được kết hợp bởi hai điều kiện siêu mầu mà Tạo Hóa đã đặt định nơi con người là:

- Chơn Thần Thượng Đế.
- Bộ máy Tiểu thiên địa.

¹⁶ ĐPCQ, VNT, 9.12 Quý Sửu, 30.12.1973

¹⁷ THHT, Q.I, tr.207

Bao nhiêu đó đủ cho con người làm một “Thiên hạ tối linh”.

Nên Thánh giáo có dạy:

“Con người khi hiểu thông đạo lý, tìm mấu chốt là cái chìa khóa liên hệ giữa người và Trời, thì con người sẽ tự tu tự tạo, tự lập, tự tiến cho mình trở nên hàng thần thánh tiên phật dễ dàng.”¹⁸

*“Chỗ tương hiệp Trời ta có một.
Lối giao thông tiên tục không hai;
Chơn như soi sáng thân này,
Đó là Đại Đạo trong ngoài trần gian.”¹⁹*

Đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên non hiệp nhứt chẳng những là đạo pháp để thực hành Thiên Đạo giải thoát mà còn là nguyên tắc để thực hiện sứ mạng xây dựng thế giới đại đồng và tiến hóa tâm linh cho non loại.

III.- SỨ MẠNG LÀM NGƯỜI VÀ SỨ MẠNG CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO:

A.- Sứ mạng làm người:

Nhìn lại địa vị tiến hóa của con người và mối tương quan giữa con người và vũ trụ, ta thấy then chốt của cơ đạo kỳ ba hay trọng tâm của công cuộc

¹⁸ Vạn Hạnh Thiền Sư, MLTH - 4.7.70

¹⁹ VHVS, MLTH, 03.5.69

khai minh Đại Đạo để thực hiện sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ đã được Đức Chí Tôn đặt vào Nhân vị.

Chính con người được giao sứ mạng tự cứu và cứu độ chúng sanh. Thượng Đế và các Đấng chỉ soi sáng cho con người tự biết mình, tự tin mình, tự ý thức sứ mạng làm người của mình.

Nên Thánh giáo viết: “Thượng Đế Chí Tôn đã mở con đường cho nhân loại trở về với Thượng Đế: Con người cho thiết con người”²⁰

Thật vậy, nhân vị, hết sức cao cả, nhân đức hết sức lớn lao nếu con người phát huy triệt để Nhân bản. Chí sĩ Trần Cao Vân (1866-1916), một nhà yêu nước lớn của dân tộc, đã bộc lộ khẩu khí kiêu hùng được làm người giữa trời đất.

*“Trời đất sinh ta có ý không?
Chưa sinh trời đất có ta trong;
Ta cùng trời đất ba ngôi sánh,
Trời đất in ta một chữ đồng.
Đất nứt ta ra trời chuyển động,
Ta thay trời mở đất mênh mông.
Trời che đất chở ta thông thả,
Trời, đất, ta đây đủ hóa công.”*²¹

Và Đức Thánh Trần Hưng Đạo đề cao cái Tâm đại đồng của con người.

²⁰ Lê Đại Tiên, 10.5. Nhâm Tý, 1972

²¹ Vịnh Tam Tài, Trần Cao Vân, Thân Thế và Sự Nghiệp, Tô Đình Cơ, Sở VH TT Bình Định xb, 1995, tr.56.

*Rằng ta là một cái ta chung,
Lớn rộng bao la ở khắp cùng;
Ta chẳng có ta mà vẫn có,
Có ta, ta cũng chỉ tâm trung.
Cái Tâm đó là cái đức lớn của con người vậy.*

Nên Cao Đài thường nêu lên sứ mạng vi nhơn trước rồi mới nói đến Sứ mạng Đại Thừa của người tu thiên đạo.

*“Bầu vũ trụ có dân có nước,
Chẳng riêng mình lưỡng phước hưởng duyên”²²*

Và:

*“Tình non đi với tình nhân loại,
Nghĩa nước chung nguồn nghĩa chúng sanh”²³*

B.- Sứ mạng con người Đại Đạo:

Nói đến nhân loại, nói đến chúng sanh thì người có ý thức sứ mạng phải đạt đến tầm vóc Con người Đại Đạo.

+ Ý thức sứ mạng đứng trước thời kỳ lịch sử hạ nguon của nhân loại đang diễn tiến là đối trị với căn bệnh đánh mất bản vị làm người, cá nhân đang tự hoại, tự vong thân; xã hội chà đạp lẫn nhau; dân tộc kỳ thị, các quốc gia xung đột đe dọa nhau, chiến tranh tàn sát.

²² Lê Đại Tiên, 14.3. Ất Ty, 1965

²³ Lê Đại Tiên, 10.5 Giáp dần, 1974

+ Phương thức cứu chữa là xây dựng lại Bản thể đại đồng nhân loại từ những hạt nhân là con người toàn diện về nhân sinh lẫn tâm linh, từ những cộng đồng phát huy văn hóa đạo đức, từ những quốc gia dân tộc văn minh trên nền tảng nhân bản.

Đó là những chất liệu phục sinh tánh mạng cho nhân loại bằng nguyên lý qui nguyên phản bản, đặt định con người vào qui đạo tiến hóa, qui chiếu nhân tâm về thiên tâm, phối kết tiểu ngã vào Đại ngã.

+ Vai trò của con người Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ là người sứ mạng lịch sử, đứng đứng vào vị trí trung chánh nơi điểm giao hội của trục năm ngang là sứ mạng vi nhân và trục thẳng đứng là Sứ mạng đại thừa. Nơi đó người sứ mạng sẽ thọ nhận được Quyền pháp của Đức Chí Tôn (đặc biệt của cơ cứu độ kỳ ba), làm tâm điểm vẽ nên một vòng tròn bao quát đại cuộc cứu thế.

IV.- KẾT LUẬN:

Sau khi tìm hiểu vũ trụ từ Bản thể đến cơ nguyên vận hành và cứu cánh tiến hóa.

Sau khi nhận định bản vị con người, mối tương quan giữa người với trời đất và sứ mạng của con người đích thực.

Nếu chúng ta suy gẫm liên hệ những trọng điểm nêu trên với giáo lý Đại Đạo, chúng ta thấy lý tưởng

mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không có gì khác hơn là:

+ Nhắc nhở cho nhân sanh nhận chân được giá trị con người là một tiểu vũ trụ có đủ quyền năng tiến hóa và hiệp nhất với đại vũ trụ.

+ Xây dựng con người sứ mạng là Con người Đại Đạo bằng chính Nhân bản, bằng chính Bản thể linh quang, bằng chính Chơn thần thụ bả trong con người.

+ Nhưng với một đặc ân hi hữu của cơ cứu độ hạ nguon là chính Đức Thượng Đế lâm trần ban trao quyền pháp để lập thành một mạng lưới đại thừa giác ngộ chúng sanh biết tự độ và độ tha.

*Đấng Tạo Hóa hữu tình là thế,
Kiếp con người hồ dễ dẫn đo;
Sống cùng un đúc một lò,
Kim thân này đã nên trò gì chằng?
“Trước đối cảnh vạn năng sinh biến,
Giữa vòm trời ẩn hiện sắc không;
Nào ai là Chủ nhơn ông,
Xuất huyền, nhập tảo phải thông mới là.
Vũ trụ ấy với ta vốn một,
Một mà hai không tột không cùng;
Hải hồ xuôi ngược thú chung,
Mảnh thân tứ đại vầy vùng trần la.
Thế âm dương có là không đấy,
Vỏ vạn thù tạm đấy rồi thay;*

*Tương quan vạn tượng phô bày,
 Quay về bản thể mới hay sự tình.
 Chơn tánh vốn viên minh diệu giác,
 Tâm linh này trực phát huyền đồng;
 Dù rằng vũ trụ mênh mông,
 Gom về nội tính suốt thông mọi đường.*”²⁴

Chú giải:

Nguồn đầu: Góc đầu tiên phóng phát linh quang vào vũ trụ, Tức Bản thể Đại linh quang. Thiên chân: Thiên tánh, chân ngã tức Tính Trời mà con người thọ bẩm.

Cơ ngẫu: Cơ: lẽ (dương) ; ngẫu: chẵn (âm) ; Cơ ngẫu vận hành: sự phối hợp âm dương để sinh hóa vận hành ;

Co duỗi: Co: thu lại ; duỗi: phát ra - Âm chỉ hai giai đoạn trong của chu kỳ vận hành của vũ trụ. Kim thân: pháp thân con người, là bộ máy tiêu thiên địa gồm đủ Thái cực - Âm dương - Ngũ hành và tam bửu Tinh Khí Thần.

Huyền tân: hay Huyền tân chi môn: Cửa sinh dương sinh âm, là gốc của trời đất hay Thái cực. Ở

²⁴ VHTS, MLTH, 24.4.Kỷ Dậu,1969

con người là khiếu Nê hoàn trong não bộ, nơi phối hợp âm dương (thần khí) trong phép tu luyện của đạo gia, là gốc gác căn cơ của tánh mạng. Huyền tần còn được gọi là Cốc thần. “Cốc thần bất tử thị vị huyền tần” (Lão tử-Đạo đức kinh) _ Câu này có ý nói phải thông đạo pháp.

CHÂN DUNG CON NGƯỜI

KỶ NGUYÊN MỚI

Trong quá trình lịch sử nhân loại song song với lịch sử các tôn giáo, loài người đã đi dần đến sự tổng hợp những truyền thống đạo đức, những nền giáo lý lâu đời để áp dụng vào đời sống sao cho có nhân nghĩa, có hạnh phúc và tiến hóa.

Con người thấm nhuần đạo lý, thể hiện được những phẩm chất cao đẹp trong lối sống, lối làm việc trong niềm tin, niềm hy vọng hằng ngày và trọn đời đã hình thành một chân dung chung của con người thời đại mình.

Nay, nhân loại sẽ bước sang kỷ nguyên mới của thiên niên kỷ kế tiếp. Đây là một khúc quanh vô cùng quan trọng do những dự báo thay đổi lớn lao từ tinh thần đến vật chất trong đời sống loài người.

Từ đà phát triển, tiến bộ cực kỳ nhanh chóng trên mọi lãnh vực liên quan trực tiếp đến sự sống, cách sống, cách làm việc của con người trong những thập niên cuối thế kỷ này, thế giới có đủ cơ sở để chuẩn bị đón nhận những thế hệ con người mới trong kỷ nguyên mới.

Chân dung con người mới của kỷ nguyên mới chắc hẳn chưa phai mờ những nét đẹp di truyền bao thế hệ của tổ tiên, nhưng cũng sẽ bộc lộ một tâm hồn trẻ trung, đầy sức sống và nhạy cảm với thời đại.

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA KỶ NGUYÊN MỚI

A. Các ưu thế

1. Khoa học kỹ thuật cực kỳ tiến bộ. Đời sống vật chất ngày càng cao. Mọi tiện nghi, phương tiện gia tăng chất lượng bội phần.

2. Công nghiệp phát triển, lối sống công nghiệp chiếm ưu thế. Mọi ngành làm việc hiệu quả hơn, chính xác hơn, lợi nhuận tầm cỡ quốc gia, quốc tế phát triển mạnh.

3. Tri thức hiện đại được tôn vinh làm thống soái.

4. Thông tin bùng nổ, văn hóa hội nhập, giao lưu nhanh chóng.

5. Tương quan giữa các quốc gia dân tộc ngày càng sâu sắc, rộng rãi và mạnh mẽ.

6. Tư tưởng Đông Tây hòa nhập; khuynh hướng phục hồi các giá trị đạo đức cổ truyền và đời sống tâm linh.

B. Các vấn nạn

1. Các vấn đề nhân quyền.
2. Các vấn đề đạo đức xã hội nhân loại; những hậu quả do các nhân sinh quan truyền thống bị lu mờ--- Stress.
 - Bạo lực
 - Trác táng
 - Ma túy.
3. Khủng hoảng kinh tế; nghèo đói
4. Chiến tranh tôn giáo, chiến tranh sắc tộc.
5. Khủng hoảng ý thức hệ, khủng hoảng tín ngưỡng, tôn giáo và đời sống tâm linh.

C. Các mẫu người lệch lạc con đẻ của thời đại:

1. Người hiện đại hóa bề ngoài, thiếu sáng tạo, vô ý thức.
2. Người mất định hướng trong kiến thức do thông tin tràn ngập.
3. Người máy móc, rô bô sống, khô khan tình cảm, mất nhân tính.
4. Người bụi đời, lang thang vô gia đình.
5. Người bị ảm ức và dồn nén, hoảng loạn.
6. Người ảo tưởng,; người cực đoan; người có khuynh hướng bạo lực.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP

Từ các vấn nạn và hệ quả nêu trên, kỹ nguyên mới phải có giải pháp cho các đối tượng:

. Người mất phương hướng và máy móc là loại người vong thân, vong bản.

. Người chỉ biết hưởng thụ, trụy lạc, người chọn lối sống hiện sinh, là loại người tự diệt.

. Người lý tưởng cực đoan, sẽ trở nên ảo tưởng, bi quan, hành động bạo lực hay rối loạn tâm thần.

A. Những biện pháp ngăn chặn

1. Phong trào phục hưng truyền thống dân tộc, về nguồn - quay lại nếp sống gia đình.

2. Xây dựng nền giáo dục toàn diện, vừa thực dụng vừa có bản chất nhân văn, khai phóng, sáng tạo.

3. Xây dựng ý thức hệ quân bình tinh thần vật chất, quân bình tâm linh và nhân sinh.

B. Những đóng góp của các tôn giáo

Các tôn giáo, vì mục tiêu cứu độ nhân sanh đương nhiên có trách nhiệm xây dựng lại con người chính danh, góp phần cùng các tổ chức nhà nước, các ngành chức năng quốc gia và quốc tế.

Trong những giải pháp nêu trên, điểm nào các tôn giáo cũng có khả năng tham gia. Nhưng trước hết các tôn giáo phải tự khẳng định sứ mạng phục hồi Nhân bản bằng các nguyên lý sau đây:

1. Con người là siêu sinh vật, là hạt nhân của vũ trụ.

- Nho giáo nói: “Nhân giả, kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí dã”

- Thiên địa chi đức: con người là kết quả sinh thành và bảo tồn của trời đất - Âm dương chi giao: tương hòa tương hợp quân bình âm dương. - Quỷ Thần chi hội: sự hội tụ của tình cảm-ly trí và tâm linh.

- Ngũ hành chi tú khí: kết tụ tinh hoa của vật chất.

2. Đời người là một giai đoạn tiến hóa, là một thời gian quý báu để tiến về viễn đích cao đẹp. Phải quý trọng và tận dụng đời người.

3. Sứ mạng làm người là hoàn thiện bản thân, hoàn thiện người khác và phụng sự xã hội.

4. Tôn giáo chân chính phải soi sáng nhân vị, bảo vệ nhân quyền, chỉ cho nhân loại mục tiêu tiến hóa tối thượng là Thượng Đế, là Niết Bàn chứ không mê hoặc con người làm kẻ nô lệ cho bất cứ một thần quyền nào.

III. VẬN DỤNG NHỮNG TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG VÀO CUỘC ĐÀO TẠO NHÂN CÁCH CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI:

1. Làm thế nào đạt được đức Nhân, đức Trí theo Nho giáo

a. Thời đại này thường coi trọng Trí, bỏ quên Nhân. Nhân là giá trị chủ yếu, quyết định địa vị làm người. Vậy phải đào tạo con người có đức Nhân.

Ngày nay, muốn dạy người tu thực hành đức Nhân như Khổng Tử nói “Nhân giả Nhân dã” hay phát huy tính thiện như Mạnh Tử nói “Nhân chi sơ tính bản thiện”, không thể dạy dùng trực giác mà nhận thức được.

Phải có các Khoa Đạo Đức học, xã hội học, phân tích kỹ tâm lý con người, bản chất con người, bản năng con người, cuộc sống con người để người học hiểu rõ chính mình và hiểu rõ người khác mới có thể triển khai Đức Nhân.

b. Muốn đào tạo người Trí cũng thế.

Ngày nay tri thức con người có đủ điều kiện để mở mang trên mọi lãnh vực.

Ngày cả ngòai trong nhà, người ta cũng có thể tìm hiểu, học hỏi mọi ngành, mọi sự kiện và vô số thông tin cập nhật trên toàn thế giới.

Nhưng vấn đề là cái TRÍ, cái BIẾT, rộng rãi ấy sẽ được dùng để làm gì. Nếu không thì những thứ trí thức đồ sộ kia cũng chỉ là một đồng sách vở ngổn ngang.

Xưa, Trang Tử nói: “Bất xuất hộ tri thiên hạ, bất khuy du kiến thiên địa”(Không ra khỏi nhà mà biết được xã hội; không nhìn qua khe cửa mà biết được trời đất)

Vậy cái biết của Thánh nhân là cái biết các nguyên lý chi phối con người và xã hội. Biết được các qui luật của trời đất. Đó là cái Biết căn cốt để vận dụng mọi cái biết khác sao cho ích hơn lợi vật. Đó là biết Đạo.

Một nền giáo dục tiên bộ phải vừa có khả năng trang bị đầy đủ, kịp thời mọi kiến thức cần thiết cho con người, vừa đào tạo được con người có định hướng tiên bộ và đạo đức. Đó là nền giáo dục có tính nhân văn đậm đà, có bản sắc văn hóa phong phú.

Do vậy, ngoài tri thức phong phú đa dạng, con người kỷ nguyên mới cần có khả năng tư duy nhất quán cho cứu cánh Tiến hóa nhân bản.

2. Có thể nào vận dụng chủ thuyết Lão Trang để chuyển hóa bản năng của con người thời đại?

Xưa nay các triết thuyết, giáo thuyết Đông Tây đều nhìn nhận trong mỗi người có hai tác năng chính chi phối đời sống vật chất lẫn tinh thần là:

- Bản năng (Dục)

- Lý trí (Lý)

Đó là hai đôi lực luôn luôn giằng co trong con người.

- Bản năng thắng thì con người nhiều dục vọng dễ dẫn tới tội lỗi.

- Lý trí thắng thì con người tự chủ mọi sinh hoạt theo cung cách được xã hội chấp nhận để tiến bộ.

- Nhưng đối với đại đa số người đời, không thể nói một cách tuyệt đối là “Thường vô dục” như Đạo đức Kinh để kèm chế bản năng hay “Tuyệt học vô ưu” để trở nên minh triết.

- Vậy có thể “thiểu tư quả dục”(ít riêng tây, giảm ham muốn) được chăng? Chữ “thiểu”, chữ “quả” ám chỉ giảm bớt, tự giới hạn, không quá đáng.

Thế thì phải chăng cái triết lý sống của con người thời đại là triết lý “Đạo thường” của người xưa để luôn giữ thế quân bình nơi bản thân và trong tương quan xã hội.

3. Mối quan hệ của con người thời đại với cộng đồng xã hội và cộng đồng nhân loại như thế nào

Ngày nay và hơn nữa trong kỷ nguyên mới, con người phải đứng vào cộng đồng, trở nên một thành tố trong tổng thể cộng đồng mới có thể phát triển được.

- Trong môi trường sản xuất, thị trường, kinh tế.
- Trong giao lưu văn hóa.
- Trong khoa học công nghệ.
- Trong ngôn ngữ
- Trong môi trường sống...

Rồi đây không còn ai, không còn quốc gia nào có thể vị kỷ riêng tây được nữa.

Vậy con người thời đại mới là người của các cộng đồng, người của muôn phương, hay “Đồng Nhân” theo ý nghĩa của Quẻ Dịch “Thiên Hỏa Đồng Nhân” vậy.

4. Đời sống tâm linh của con người kỷ nguyên mới như thế nào?

Hai chữ Tâm linh quá trừu tượng, quá bao quát, thuộc về nội tâm con người lẫn cả thế giới vô hình.

* Nhưng, nếu chúng ta đặt vấn đề thực tiễn hơn, thì sẽ thấy đời sống tâm linh có thể biểu hiện bằng nhiều mức độ một cách tự nhiên.

* Là Tình cảm thiêng liêng hướng về ông cha, tổ tiên, tổ quốc mà ai cũng có, bất luận là có tôn giáo hay không tôn giáo.

* Là quan năng minh triết: Quan năng này là kết quả của một quá trình rèn luyện có phương pháp và có cơ sở khoa học về sinh lý, tâm lý và đạo đức, được gọi là đạo học hay thiên học. Có hay không mang mặc các hình thức tôn giáo thì quá trình ấy vẫn đem đến kết quả minh triết nếu ta vẫn chấp hành nghiêm túc các phương pháp.

* Tín ngưỡng và Đức tin: Con người kỷ nguyên mới, có lẽ sẽ không nên đặt vấn đề đúng sai đối với tín ngưỡng và đức tin... Điều quan trọng là phải nhớ rằng:

Những tôn giáo chân chính, những bậc Giáo Tổ và Thánh hiền xưa nay không hề dạy con người phủ nhận giá trị làm người và kiếp người. Các Ngài dạy giác ngộ cái Đạo tự thân để hành Đạo ấy, trở nên hoàn thiện.

Không có sự tiến hóa nào mà không có quá trình chuyển hóa gian khổ. Đó là qui luật của vũ trụ. Ngược lại người không có tín ngưỡng không phải là người tội lỗi,. Hơn nữa họ vẫn có thể làm nên những sự nghiệp vĩ vang theo một lý tưởng trong sáng và cao thượng. Lý tưởng ấy chính là Đức tin của họ.

IV. NHỮNG NÉT LỚN CỦA CHÂN DUNG CON NGƯỜI KỶ NGUYÊN MỚI

1. Đức Nhân Xã Hội Hóa

Đức Nhân là giá trị nhân bản muôn thuở của con người từ nghìn xưa đến nghìn sau.

Đức Nhân con người kỷ nguyên mới không phải chỉ là lòng trắc ẩn, lòng thương hại, là cái gì mình không muốn thì không làm cho người khác.

Đức Nhân thời đại này là Đức Nhân Xã Hội Hóa, là thiện chí cải thiện con người, cải thiện xã hội để mỗi người đều có thể sống xứng đáng với cương vị làm người của mình.

(Ví dụ:

- Ca sĩ Luciano Pavarotti trước đây được Phó Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc khen là “người dùng giọng ca của mình làm sứ giả hòa bình”.

- Gương nhân ái của Mẹ Theresa mất ở Ấn Độ năm 1997.

- Ví dụ chương trình xóa đói giảm nghèo của các tổ chức từ thiện phi chính phủ trên thế giới.)

Thế nên Thánh giáo có dạy:

*Vào cõi đời bảo sanh nhân nghĩa,
Cùng mọi người gieo tía tình thương;
Biết rằng thế sự vô thường,*

Phải dùng cái đạo hằng thường dưỡng nuôi.¹

2. Đức trí toàn diện và nhất quán với định hướng xây dựng tiến bộ

Kỷ nguyên mới sẽ cung cấp cho con người vô số kiến thức. Nhưng kiến thức toàn diện không phải là tri thức đa tạp, hỗn độn mà nó phải xác định được các nguyên lý để ứng dụng sao cho con người phát huy được nhân văn, nhân tính, đạt được cuộc sống an lạc - tiến bộ.

(Ví dụ: một số nước như Singapore, Nhật xây dựng nền giáo dục tổng hợp tinh hoa Nho giáo với khoa học công nghệ hiện đại, đã đào tạo được những thế hệ công dân có năng lực xây dựng đất nước rất hiệu quả.

(Ví dụ nhà bác học Jaques Cousteau của Pháp)

(Một ví dụ ứng dụng tri thức phiến diện: Sự kiện đem kỹ thuật sinh sản vô tính áp dụng cho người là trái đạo lý.)

Nên Thiêng liêng từng nói:

*Nào Kim Cổ Đông Tây đủ mặt,
Dù dở hay chưa chắc ai toàn;
Chi bằng hợp trí mưu toan,*

¹ Đức Đông Phương Chương Quản 15.6.C.Thân

Họa may thấy được vinh quang thanh bình.²

3. Nhân cách Bình Hòa, không cực đoan, không suy thoái

Khoa học đã chứng minh qui luật quân bình hay cân bằng là điều kiện tồn tại và ổn định của vạn vật vũ trụ. Như Sách Trung Dung có viết:

“Trung dã giả, thiên địa chi đại bản dã, Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã”.

Bởi vậy kỷ nguyên mới không chấp nhận những con người cực đoan bất cứ trong trạng thái sinh hoạt nào.

- Người quá theo lý trí sẽ trở nên khắc nghiệt.
- Người quá thiên tình cảm sẽ trở nên mềm yếu.
- Người tự tôn bản sắc sẽ trở nên kỳ thị, thù nghịch.
- Người lý tưởng cực đoan sẽ trở nên phát xít. - Người tín ngưỡng cực đoan sẽ trở nên cuồng tín.

Một thảm trạng điển hình là cuộc hôn nhân giữa đôi trai gái của hai sắc tộc khác nhau tại Pakistan (Kanwar Ahsam và Riffat Afridi) đã bị kết án và thậm chí chú rể đã bị mưu sát bằng 3 phát súng!

² Đạo Học Chí Nam

Còn biết bao thảm cảnh do tính cách cực đoan của con người trong gia đình, trong xã hội và trên thế giới. Nên có Thánh giáo:

*Tâm mất hẳn quân bình lẽ sống,
Còn biết đâu nòi giống thân yêu;
Quốc phong luân lý đổ xiêu,
Đạo người như đã biến tiêu bao giờ!³*

4. Tính đại đồng hợp tác đa phương

Ngày nay “đại đồng” skhông còn là một chủ thuyết hay giáo thuyết mang tính chất đạo đức truyền thống, tính nhân đạo đơn thuần mà nó đã trở nên qui luật tồn tại và phát triển.

Đại đồng không chỉ là vị tha, là tình thương vô phân biệt mà còn là phương cách cộng tồn trong xã hội và trên thế giới.

Con người kỷ nguyên mới nếu không có tinh thần hợp tác là tự mình cô lập, sẽ tụt hậu và mất khả năng phát triển.

Ví dụ trong y thuật, thầy thuốc luôn luôn phải hợp tác với nhiều bộ phận: sinh học, hóa học, dược học, phân tâm học mới chữa khỏi được bệnh của một bệnh nhân nhứt định nào đó.

³ Đạo Học Chí Nam

Như thế, nếu không hợp tác với cộng đồng thì không tránh khỏi thất bại...

*Đời là nơi rộng mây tiến hóa,
Người vào đời chọn ngã chánh trung;
Thế gian góp mặt thư hùng,
Điểm tô non nước, vẫy vùng rộng mây.⁴*

5. Tôn trọng và phát huy nhân bản

Nhân bản là tình cảm thiêng liêng gắn bó giữa con người với những gì, những ai trong chiều dài lịch sử, un đúc nên con người mình, tạo thành một chủ thể “Người” với đầy đủ các bản sắc nhân văn của gia đình, dân tộc và nhân loại.

Nhân bản cũng là khả năng góp phần sáng tạo xây dựng những sự nghiệp có giá trị, chân thiện mỹ cho dân tộc, cho nhân loại.

Con người thiếu tình cảm thiêng liêng nói trên thì trở nên lạc lõng, máy móc, như đứa con hoang của xã hội.

Con người không phát huy được Nhân bản, không dựa vào Nhân bản để đi đến phản kháng lại xã hội, thù nghịch nhân loại, trở nên kẻ nổi loạn, kẻ ngược đãi người khác, kẻ diệt chủng...

⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi, 14.2. C.Thân

Người nên người là chủ lấy thân; Người xứng người đứng trong hoàn vũ, Người là muôm mặt cân phân, Lý tình gồm đủ, hình thần câu diêu.⁵

* * *

Để kết luận, xin nêu hai ý kiến của Triết gia BERTRAND RUSSELL về tương lai nhân loại.⁶

1. Điều bi thảm nhất cho nhân loại là (nếu như không bị tiêu diệt do thế chiến thứ ba) Nhân loại sẽ bị “đội ngũ hóa” nghĩa là đời sống nhân loại sẽ bị công thức hóa, không còn tự do, không còn khả năng sáng tạo nữa...

Một đời sống như thế sẽ trở nên cứng nhắc, chai lì, cố định, không còn sinh khí.

Niềm hy vọng của nhân loại ở tương lai là biết từ bỏ hay giảm bớt dục vọng để phục vụ cho cái thiện.

Triết gia B. Russel đề lại một thông điệp cho nhân loại rằng:

“Nhờ tri thức của quý vị, quý vị có những khả năng mà trước kia nhân loại không có. Quý vị có thể dùng những khả năng đó cho cái thiện cũng như cái ác.

⁵ Đạo Học Chí Nam

⁶ B.Russel sinh năm 1872 ở Anh, mất năm 1970, là triết gia được xem là "chiến sĩ Hòa Bình" và "triết gia Nhân bản nhất của nhân loại". Ông mất lúc trên bàn viết còn dang dở bài báo chống chiến tranh Việt Nam

“Quý vị sẽ dùng nó cho cái thiện, nếu quý vị nhận định được tính huynh đệ của mọi người, nếu quý vị hiểu được rằng hết thảy chúng ta có thể sung sướng chung với nhau hoặc khổ sở chung với nhau...”

Và Ông B.Russel cho rằng một nền giáo dục thông minh sẽ giúp cho con người nhận định được điều đó.

Hai ý kiến trên của B.Russell khiến cho chúng ta thấy chân dung của con người kỷ nguyên mới theo ước mơ của ông là con người văn minh, hồn nhiên và hướng thiện.

Có điều ông là một người rất bài xích tôn giáo mà lại hy vọng có một nền giáo dục lý tưởng để đem lại cho nhân loại cuộc sống hồn nhiên và đầy thiện tính đó.

Vậy các tôn giáo nhân bản hãy đáp lời ông rằng chính tôn giáo sẽ góp phần rất lớn cho nền giáo dục đó, nếu không nói rằng chính sứ mạng tôn giáo sẽ làm nảy nở cái mầm sống trong tâm hồn nhân loại mà Đức Diêu Trì Kim Mẫu gọi là:

*Là mầm sống, là nguyên thân,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.*

Và Đức Thái Thượng Đạo Tổ gọi là: Căn, là Mạng.

*Phù vật vân vân, các qui kỳ căn, Qui căn viết tịnh,
tịnh viết phục mạng, Phục mạng viết thường⁷.*

Tạm dịch:

*Dãy đầy muôn vật khắp nơi,
Vân xoay mỗi mỗi về nơi gốc lành.
Gốc lành là chỗ tịnh yên,
Yên rồi mới được, mới nên mạng trời.
Mạng trời bền vững muôn đời!*

CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

Vào đêm Rằm tháng 10 Giáp Dần (28.11.1974), nhằm ngày kỷ niệm đại lễ Khai Minh Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã được đặc ân của Đức Chí Tôn giáng lâm dạy Đạo.

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG, Thầy các con. Thầy mừng các con. Hôm nay các con hội hiệp cùng nhau thiết lễ Khai Minh Đại Đạo, Thầy cùng chư Phật Tiên giáng trần ban hồng ân cho các con.

THI

Chan rưới hồng ân trở gội nhuần,

⁷ Đạo Đức Kinh - Chương 16

*Tu thân hành đạo độ sanh d
Cho nên chút phận nơi trần thế,
Trở lại Thiên Cung hợp điểm thân.*

Thầy ban ơn, miễn lễ các con đồng an tọa nghe
Thầy dạy:

Hỡi các con!

THI BÀI

*Thầy mừng thấy các con hội hiệp,
Cùng vui ngày giao tiếp Đạo khai;
Nam phương mở rộng Cao Đài,
Trường thi Đại Đạo hồng khai hội này.
Cơ phục thi vẫn xoay diễn biến,
Luật tuân hườn luân chuyển không ngừng;
Dặn con từ lúc đầu xuân,
Hè sang tu mãi, đông quân lại về.
Rải một cuộc giác mê nhân sự,
Đường trăm năm sanh tử luân hồi;
Tiến trình Thầy dặn khúc nôi,
Cao Đài Giáo Lý con ôi học hành. [...]*

* * *

*“Nam phương mở rộng Cao Đài,
Trường thi Đại Đạo hồng khai hội này.”*

Thầy mở ra trường thi Đại Đạo, đã chỉ rõ tiến trình hành đạo, lại dặn dò con cái phải cố gắng học hành giáo lý Cao Đài. Lòng Thầy từ bi vô lượng, mở

trường thi mà vẫn thường xuyên cung cấp cho bài vở, nhắc nhở sĩ tử học thi. Người học thi là người đạo Cao Đài, thi đậu trường Đại Đạo mới được phát bằng hay chứng chỉ Con Người Đại Đạo.

Vậy hôm nay, nhân ngày kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo, để vâng lời thánh huấn của Thầy, chúng ta hãy cùng ôn học đề tài “Con người Đại Đạo”.

I. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI

Trước khi vào chánh đề “Con người Đại Đạo”, chúng ta hãy định tâm, xem trong lãnh vực tôn giáo, hiện giờ chúng ta là ai? Câu trả lời đơn giản sẽ là: “mình là người đạo Cao Đài”. Thật vậy, đơn giản như người tín hữu Công giáo, như người tín đồ Phật giáo... Nhưng nghĩ thật kỹ, có phải chỉ đơn giản như thế không?

Khi nhập môn vào Đạo là tự nguyện bước qua ngưỡng cửa Cao Đài. Sự tự nguyện đó có nhiều nguyên nhân thúc đẩy. Do cha mẹ, ông bà hay quyến thuộc là người đạo Cao Đài. Do đi tìm một chỗ dựa tâm linh. Do có đức tin nơi Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Tất cả đều bình thường, và vẫn bình thường trong mọi sinh hoạt cúng kính, lễ lạc của

người giữ đạo. Nhưng có phải tất cả mọi người đều ý thức, đều nhớ rằng mình đã trở thành một phần tử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ? Mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một đại cuộc phi thường, kỳ diệu trên tất cả những gì phi thường kỳ diệu trên thế gian, từ thiên thượng đến thiên hạ, từ quá khứ đến vị lai.

Phần tử này không phải là một hạt cát trong bãi cát, một hạt lúa trong đám lúa, hay một con người bình thường sanh ra trong thời hiện đại. Nếu con người này đã tự đặt mình vào Tam kỳ Phổ Độ bằng giác ngộ thật sự thì sẽ trở thành một con tin của Thượng Đế Cao Đài, hay hơn nữa có thể trở thành “một thiêng liêng” tại thế.

Nên Đức Đông Phương Chương Quân đã xác nhận cái giá trị quý báu hi hữu của người đạo Cao Đài như sau:

“Nhớ rằng mỗi một đơn vị nhơn sanh đều có Thượng Đế và phép nhiệm màu nơi nội tại. Rán công phu tu dưỡng để sớm thị hiện sự nhiệm màu đó trước sự tự cứu và cứu tha nhân.

Thứ nữa, Bàn Đạo gợi ý sau đây để chư hiền đệ muội hãnh diện và giữ mình. Vì sự quan trọng đó trong vạn hữu chúng sanh mà được sanh làm người là rất quý; làm người sớm giác ngộ là cái quý thứ hai;

Trong hàng Đạo hữu ý thức được Đạo là cơ cứu rồi tự cứu cứu tha đó là cái quý thứ ba;

Trải qua mấy mươi năm tao loạn còn sống sót và giữ Đạo được đến ngày nay là cái quý thứ tư;

Học được Đạo pháp chọn tu để thoát thai thành hóa là cái quý thứ năm; Trong biến pháp mệnh mông mà gặp Thầy gặp bạn dắt dìu, đó là cái quý thứ sáu;

Trong khi khắp nơi điên đảo dao động chẳng dám nói lời Đạo công khai, những ngày sóc vọng không dám tới Thánh đường, trong bản tự khai lý lịch không dám ghi mình là tín hữu Cao Đài, trong lúc đó chư hiền đệ hiền muội đầy đủ các điều kiện để tu học hành Đạo là cái quý thứ bảy;

Giờ đây chỉ còn ý chí tâm tư can trường cố gắng chấp trì Đạo pháp đến ngày viên mãn là cái quý thứ tám mà cũng là cái quý chót vậy.”

Học lời dạy trên đây, hẳn nhiên ai cũng hãnh diện với những cái quý đã kể, nhưng cần nhấn mạnh những chữ “nhớ rằng” và “ý thức được”. Vì “nếu quên rằng” và “không ý thức được” thì còn có những gì để hãnh diện?

Trở lại ý thức “người con tin của Thượng Đế”, có phải chỉ các bậc hướng đạo hay chức sắc thiên phong mới được xem là người con tin của Thượng Đế? _ Nếu đã là người đạo Cao Đài đúng nghĩa, thì ai cũng trở thành con tin của Thượng Đế cả. Thật vậy, làm “con tin” này rất đơn giản:

*“Người tín hữu Cao Đài phải hiểu,
Bón phạt mình lo liệu trước tiên;*

*Gia trung thê tử chỉ truyền,
Rồi ra khắp cả xóm giềng giáo dân.”⁸*

“Như vậy thì người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác.”⁹

Nếu đã giác ngộ đúng mức, thì người đạo Cao Đài bình thường cũng trở nên người sứ mạng, như lời Đức mẹ dạy: *“Các con tiếp tục siêng tu siêng học giúp đỡ người đời, làm sáng điểm đạo tụi hữu của họ. Đó là sứ mạng Thiên ân chấp trì quyền pháp của con đó vậy.”¹⁰*

Ngược lại: *“Nay gặp thời kỳ ân xá mở rộng pháp môn, Thiêng liêng chống con thuyền đưa người vượt qua bi nạn, nếu ai không giác ngộ thì khó sang đời thánh đức và khó vào cõi an lạc.”¹¹*

Nói tóm lại, để làm người đạo Cao Đài đúng nghĩa, thật đơn giản mà cũng rất vinh diệu, hơn nữa mặc nhiên mang lấy sứ mạng rất đặc biệt trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này như thánh ngôn của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo: *“Người Đạo Cao Đài là gương*

⁸ Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 21 tháng 6 Kỷ Dậu (3/7/1969)

⁹ Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời 26 tháng 8 Nhâm Tý (3.10.72)

¹⁰ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 13 tháng 8 Kỷ Mùi (3-10-1979)

¹¹ Bảo pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 01 Tháng 05 Đinh Tỵ (17-061977)

mẫu, là chiếc đò, là nhịp cầu đưa khách từ bến mê sang bên giác, là điện đài thu phát động năng thúc đẩy sự thông hiệp giáo lý, là tính chất của Tạo Hóa kết hợp với sự thương yêu cho toàn diện thế giới nhơn loài.”¹²

II. CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

1. Khái niệm con người Đại Đạo

Trong bộ thánh giáo Cơ Quan, kể từ khi mới thành lập, lần đầu tiên Ôn Trên sử dụng cụm từ “con người Đại Đạo” vào năm 1972 do Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân dạy tại Chí Thiện Đàn về “Minh đức trong con người Đại Đạo.”¹³

Lần thứ hai, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhắc đến khái niệm con người Đại Đạo vào năm 1980:

*“Quá khứ, hiện tại, vị lai, dòng sông muôn ngõ rồi cũng quy về biển cả. Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả là bản thể vô biên. Ai chưa ở vào chủ vị đó là chưa đạt đến sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo”.*¹⁴

¹² Ngọc Minh Đài, Tuất thời Rằm tháng 7 Canh Tuất (16.8.1970)

¹³ Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời 26 tháng 8 Nhâm Tý (3.10.72)

¹⁴ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 9 giờ Rằm tháng 4 Canh Thân (28.5.1980)

Đọc kỹ thánh giáo trong hai lần này, chúng ta thấy Ôn Trên bắt đầu nâng ý thức về người đạo Cao Đài lên nhận thức về con người Đại Đạo.

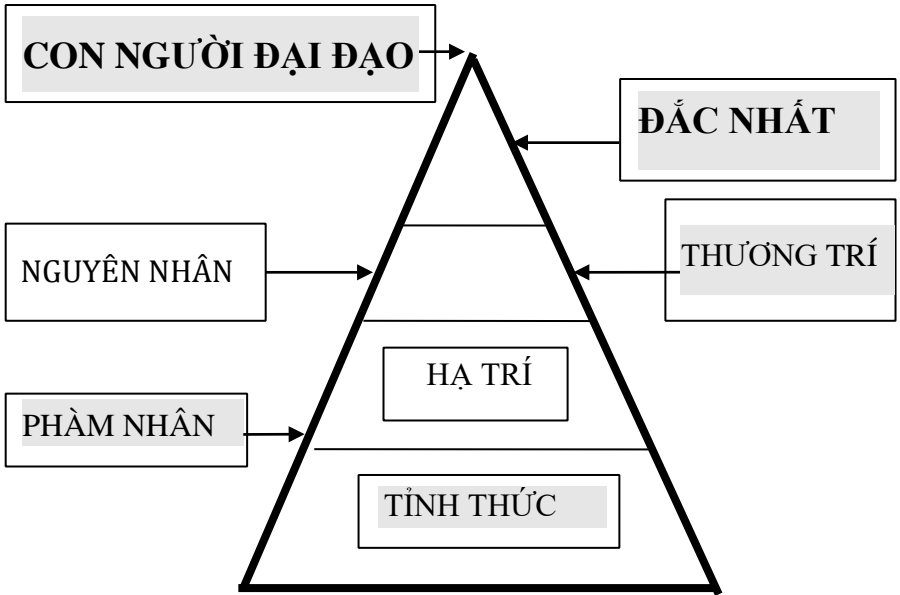
Lần đầu, không phải ngẫu nhiên Đức Hiệp Thiên Đại Đế nói đến con người Đại Đạo khi dạy về cương lĩnh “Minh đức” trong sách Đại Học của Nho tông. Theo Nho gia, Minh đức là cái đức sáng nơi nội tâm con người. Cái đức sáng ấy không đơn thuần là trí thông minh, mà là lương tâm, lương tri hay hơn nữa là thiên tâm. Nên trước khi dạy về Minh đức, Ngài mở ra một tiền đề như sau:

“Trước khi nhìn rõ hơn về Minh Đức, cũng nên có một cái nhìn sơ qua về Đại Đạo, hơn nữa con người Đại Đạo. Đã biết Đạo là cái gì bất khả ngôn khả thuyết, nhưng nó hiện hữu mọi nơi, mọi thời mà mang cho quần sinh một sức sống miên trường không hư mất từ đời này sang đời nọ, từ nơi này sang nơi khác, để thị hiện cái đức sinh tồn của Tạo Hóa bằng tình thương Thượng Đế, bằng sự hỗ tương lẫn nhau trong cơ sinh tồn dưỡng dục và tiến hóa.”

Trong cái nhìn về Đại Đạo trên đây của Đức Quan Thánh Đế Quân, chúng ta thấy đã hàm ý về đức tính con người Đại Đạo là *“thị hiện cái đức sinh tồn của Tạo Hóa bằng tình thương Thượng Đế, bằng sự hỗ tương lẫn nhau trong cơ sinh tồn dưỡng dục và tiến hóa.”* Đây cũng chính là ý nghĩa của nguyên văn câu *“Đại học chi đạo tại minh minh đức”* trong sách Đại học. “Minh đức” là “đức sinh tồn” tiềm ẩn nơi mỗi con

người; và “minh Minh đức” là thể hiện, phát động cái đức ấy thành tình thương, thành hành động tương thân tương ái giữa mọi người để cùng tiến hóa.

Lần thứ hai, Đức Giáo Tông cho ta khái niệm sứ mạng của con người Đại Đạo là “sứ mạng thiên ân”. “Thiên ân” có nghĩa thọ nhận ân Trời, nên sứ mạng thiên ân còn được gọi là “sứ mạng thể thiên hành hóa”, tức thay Trời hành đạo, giáo hóa nhân sanh. Nhưng muốn trở nên bậc thiên ân, phải đứng vào “chủ vị” của con người Đại Đạo. Chủ vị đó là “biển cả”, là “bản thể vô biên”, tức là đứng trên vị trí của tâm vô phân biệt, tâm đại đồng, mang bản chất của bản thể đại đồng dân tộc, hơn nữa, bản thể đại đồng nhân loại. Đó chỉ mới là cái TÂM, còn cái ĐỨC của con người Đại Đạo đứng vào chủ vị ấy chính là “sứ mạng cứu độ kỳ ba”. Và hơn nữa, “sứ mạng cứu độ kỳ ba trong Quyền pháp Đạo”. Vì phải ở trong Quyền pháp Đạo mới duy trì được thiên ân.



Sơ đồ vị trí của con người Đại Đạo

Phát họa sơ đồ tổng thể các tầng lớp tâm thể con người hoàn chỉnh, chúng ta sẽ thấy rõ hơn chỗ đứng của con người Đại Đạo:

Trước hết, Con Người Đại Đạo phải là một Nguyên nhân; đó là người đạt đến Thượng trí tức cái Chơn tri làm chủ mọi tri thức (hạ trí) và tỉnh thức. Kế đến, Nguyên nhân ấy thọ bảm tinh thần đặc nhất của tâm linh (thuộc cõi Bồ đề)¹⁵ để sử dụng chơn tri của thượng trí mà thi hành sứ mạng.

¹⁵ cõi bồ đề: plan bouddique (theo Thông Thiên Học)

Như thế bản chất của người thiên ân sứ mạng là bản chất Đại Đạo, là tình bác ái bao dung tất cả khiến người sứ mạng hành động vô tư, hiệp nhất được mọi đối tượng trên từng nấc thang tiến lên lý tưởng chân thiện mỹ của loài người. Chỉ có bản chất Đại Đạo mới hóa giải được mọi đổ vỡ phân ly hận thù trong lòng nhân thế gây ra biết bao sóng gió phũ phàng cho cuộc đời. *Nên “hoài bão sau cùng của sự rạn nứt tinh thần nhân loại cũng nhắm vào chất nhựa tình thương phát nguyên từ nguồn sống đạo vô biên.”*¹⁶

2. Sứ mạng con người Đại Đạo

Khái niệm về CNĐĐ và vị trí của CNĐĐ đã phần nào gợi ý cho chúng ta về sứ mạng này. Để hiểu rõ hơn nữa, cần nghiên ngẫm thêm những thánh huấn đặt trọng tâm vào “sứ mạng Thiên ân quyền pháp”

a)_ Sứ mạng con người Đại Đạo là đem lại nguồn an lạc vĩnh cửu cho nhân sanh. Muốn thế, chính người sứ mạng trước nhất phải tìm thấy nguồn an lạc vô tư vô chấp trong nội tâm, như lời dạy của Đức Mẹ:

“Kỳ hạ nguơn cộng nghiệp, các con phải thấy ân phước mà đừng để kẻ khác nhắc nhở. Tình Vô Cực rất bao la, nhưng Thiên luật công bình không mảy lợt. Mẹ mong muốn các con nam nữ đã được nhận lấy sứ mạng Thiên ân quyền pháp đem lại nguồn an lạc vĩnh cửu cho nhân sanh. Các con hãy khai nguồn an lạc

¹⁶ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiền Điện, 08-04 Tân Hợi (02-05-1971); Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr.214.

riêng con cho thông suốt, đừng để vướng bận hoàn cảnh đa diện bên ngoài mới chóng thành công.”¹⁷

Khi đạt được niềm lạc đạo ấy rồi thì người con tin của Thượng Đế sẽ tự ý thức trách nhiệm trước nhân sanh. Vì “đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức.”¹⁸ Đó là điều kiện mà Đức Mẹ gọi là “phải khai nhập được Đạo ở chính mình rồi mới được sứ mạng Thiên ân.”¹⁹

b)_ Sứ mạng con người Đại Đạo là “sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo”

Sứ mạng kỳ ba: nói một cách khái quát, sứ mạng kỳ ba là sứ mạng Qui Nguyên. Tam giáo-Vạn giáo qui nguyên về Đại Đạo. Con người qui nguyên về Nhân bản. Đạo pháp qui Tâm. Nhân loại qui nguyên về Bản thể đại đồng. Tất cả đều hướng về cứu cánh Thượng Đế.

¹⁷ Đức Vô Cực Từ Tôn

¹⁸ Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 13 tháng 8 Kỷ Mùi (3-10-1979)

¹⁹ “Các con phải khai nhập được Đạo ở chính mình rồi mới được sứ mạng Thiên ân, thì do theo đạo tự nhiên đó mà tu tiến. Các con đừng bao giờ để một vọng niệm thường tình làm áp đảo lòng con bởi những bất mãn bất bình lật vật rồi con sanh ra tư tưởng ngược lại Thiên cơ. Các con phải nhận lấy sứ mạng của mình trong giai đoạn này trước nhất. Có như thế thì dòng Thiên ân sứ mạng đối với các con sẽ là một dòng cam lồ len chảy vào khắp tâm thần trí não của các con. Chừng đó Thiên ân sứ mạng mới thật sự hoàn thành, các con mới lèo lái được thuyền từ qua bến giác và chính con cũng đã đứng bên bờ giác hóa rồi vậy”. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợi thời, Rằm 4 Kỷ Mùi (10-5-1979).

Quyền pháp Đạo: là Thiên cơ, Thiên luật, Thiên điều để gìn giữ Chánh pháp Đại Đạo mà khi Khai Đạo, Đức Chí Tôn ban xuống trong Pháp Chánh Truyền và Nhân sanh dâng lên trong Tân Luật. Quyền pháp là khả năng chuyển đưa thiên lý và tình thương đến mọi đối tượng của sứ mạng. Tóm lại Quyền pháp đạo là đường lối thực hiện Cơ cứu độ đúng theo Thánh ý Thiên cơ trong Tam Kỳ Phổ Độ.

c) Sứ mạng con người Đại Đạo là sứ mạng Thiên nhân hiệp nhất.

Như Ôn Trên đã dạy trên đây, bản thân người sứ mạng phải đặc nhất, đặc Đạo rồi mới nhận được quyền pháp.

Có quyền pháp rồi mới vận hành thiên lý vào vạn giáo, vạn pháp, vạn loại để đồng hội nhập vào Cơ cứu độ kỳ ba. Vì như thánh huấn của Đức Đông Phương Chưởng Quản đã dạy: “Nhớ rằng mỗi một đơn vị nhơn sanh đều có Thượng Đế và phép nhiệm màu nơi nội tại. Rán công phu tu dưỡng để sớm thị hiện sự nhiệm màu đó trước sự tự cứu và cứu tha nhân.”

Tóm lại, công năng của con người Đại Đạo là cầu nối giữa Trời (Thiên thượng) và Người (Thiên hạ), làm cho Thiên hạ hiệp nhất được với Thiên thượng, vạn linh hiệp với Chí linh mới đủ sức hoàn thành Cơ cứu độ.

4. Chứng đặc của con người Đại Đạo

Chúng ta đã thấy con người Đại Đạo là Nguyên nhân đặc nhất, thường là những trang sử mạng thiên ân quyền pháp. Không phải tìm kiếm đâu xa, cứ nhìn lại những tấm gương tiền bối gần gũi chúng ta nhất thuở sanh tiền, rồi đọc lại những dòng khẩu khí và tâm tư của các Ngài gọi lại chúng ta sau khi trở về ngôi vị cũ, chúng ta sẽ nghiệm thấy chỗ chứng đắc của con người Đại Đạo.

Xin đơn cử Ngài Cố Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương tiên vị Quảng Đức Chơn Tiên bày tỏ sự đặc nhất đặc đạo của Ngài qua các đoạn thi bài sau:

*“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đôn rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc đờc ta;
Ngoài trời THƯỢNG ĐẾ bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là CHỈ TÔN.*

.....
*Quyền pháp vốn trung tim vũ trụ,
Vạn sanh đều có đủ pháp quyền;
Tình thương sự sống vô biên,
Cùng chung THƯỢNG ĐẾ không riêng đờc nào
Biết sống đạo gìn câu Trung Đạo,
Ở hay về hoài bão như xưa;
Ai ơi! sứ mạng Đại Thừa,
Trọn đời gồng gánh chưa vừa chưa ụng.”²⁰*

²⁰ Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, mùng 7 tháng 6 Tân Dậu (8.7.1981)

IV. CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO và SỰ KIẾN LỊCH SỬ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

Giữa thời mạt pháp, Đức Chí Tôn Khai Đạo không phải chỉ để mở ra một tôn giáo mới, thật ra để soi sáng lại nguồn gốc của Chân Thiện Mỹ, nguồn sinh lực hóa sanh dưỡng dục chúng sanh. Nên Khai Đạo tức là Khai minh Đại Đạo. Đối với vạn giáo, Khai minh Đại Đạo có ý nghĩa phục hưng chân truyền của các đấng Giáo tổ để hướng dẫn nhân sanh tín đồ sống lại đời sống tâm linh hướng thượng.

Đối với con người Đại Đạo, Khai minh Đại Đạo là làm sáng tỏ cái Đạo tự hữu trong nội tâm để có khả năng đánh thức điểm Đạo huyền nhiệm của mọi người. Nhờ đó, từ một con người Đại Đạo sẽ có thêm trăm ngàn người Đại Đạo, tất cả hợp thành ánh đuốc tâm linh xóa tan màn đêm u tối của dục vọng, chia rẽ, hận thù...

Với những con người Đại Đạo trong các tôn giáo, các tôn giáo sẽ hợp thành “thực thể Đạo cứu thế” có năng lực cứu độ siêu màu vượt trên mọi dị biệt sắc tướng hay giáo điều kinh điển.

Trong đại lễ Khai minh Đại Đạo, sau khi Đức Chí Tôn tấn phong các phẩm chức sắc, những người dự lễ đã trải qua một cuộc thử thách đức tin trầm trọng. Tiếp theo là một thử thách nữa về tinh thần hy sinh phụng sự Đạo, cứu độ nhân sanh. Ngay trong buổi lễ Khai Đạo, Đức Chí Tôn giảng lâm hỏi những ai sẽ tự

nguyện đi truyền Đạo ra Trung Bắc. Trong hoàn cảnh thời đó, nước nhà chưa độc lập, nhân dân còn nghèo đói, giao thông cách trở, nhất là hai miền Trung, Bắc Kỳ. Quả là Thầy vừa muốn thử thách đức tin và chí hy sinh vừa muốn dạy cho con cái Ngài bài học của Con người Đại Đạo. Nghĩa là người nào đã được lập vị vào hàng môn đồ hướng đạo của Thầy, đương nhiên đã thọ Thiên ân và mặc nhiên phải lãnh lấy sứ mạng Đại Đạo. Đó là “Qui ước” của con người Đại Đạo.

Thế nên Khai minh Đại Đạo không chỉ là Khai Đạo bằng một cuộc lễ, tại một địa điểm, trong một thời điểm nhất định. Cái dấu ấn của Rằm tháng 10 năm Bính Dần đã mở ra đại cuộc Khai minh Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ cho mỗi con người, mỗi tôn giáo, mỗi dân tộc và toàn cả thế giới nhân loại vô giới hạn không gian thời gian. Cho nên con người Đại Đạo còn được gọi là con người muôn thuở muôn phương.

V. KẾT LUẬN

Đề kết luận, có lẽ câu thánh ngôn của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã đơn cử trên đây là một đức kết súc tích nhất để mọi người tín hữu Cao Đài ghi nhớ và rèn luyện trở nên Con Người Đại Đạo:

“Quá khứ, hiện tại, vị lai, dòng sông muôn ngời cũng quy về biển cả. Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả là bản thể vô biên. Ai chưa

ở vào chủ vị đó là chưa đạt đến sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo.” Hơn nữa, Đức Chí Tôn cũng từng ưu ái nhắc nhở con cái của Ngài:

*“Nơi bất biến hằng sanh tâm Đạo,
Lòng đảo điên khó bảo kim thân;
Ngoài ra bốn phạm vi nhân,
Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ...”*²¹

²¹ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Rằm tháng 10 Giáp Dần (28.11.1974)

NGHĨ VỀ Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI

Theo Tự Điển Tiếng Việt (1991) của Viện Ngôn Ngữ Hà Nội, Ý thức hệ được định nghĩa như sau: “Ý thức hệ là hệ thống tư tưởng và quan điểm thường phản ánh quyền lợi cơ bản khác nhau của các giai cấp, các tầng lớp xã hội.” Theo “The American Heritage Illustrated Encyclopedic Dictionary”: “Ý thức hệ là phần trọng tâm hay chính yếu của tư tưởng, phản ánh các nhu cầu và nguyện vọng của cá nhân, tập thể hay một nền văn hóa.” “Ý thức hệ là một hệ thống học thuyết hay tín ngưỡng làm nền tảng cho một hệ thống chính trị, kinh tế hay các hệ thống khác.”¹ (Ideology: The body of ideas reflecting the social needs and aspirations of an individual, group, class, or culture. A set of doctrines or beliefs that form the basis of a political, economic, or other system.)

Tổng hợp những định nghĩa “ý thức hệ” nêu trên, có thể đề ra định nghĩa “Ý thức hệ Cao Đài” như sau:

Ý thức hệ Cao Đài là trọng tâm tư tưởng của hệ thống giáo thuyết Cao Đài. Đó là một hệ tư tưởng và quan điểm, đúc kết từ đức tin, lý tưởng và ý thức sứ mạng Cao Đài, được đặt trên nền tảng vũ

¹ The American Heritage Illustrated Encyclopedic Dictionary.

trụ quan và nhân sinh quan, thể hiện mục đích, tôn chỉ, và lập trường của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, làm nguyên tắc chỉ đạo cho sự sống đạo, hành đạo và thi hành sứ mạng của người tín đồ Đại Đạo trong công cuộc cứu thế kỳ ba.

Ý thức hệ Cao Đài cũng chính là ý thức hệ Đại Đạo. Thật vậy, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

“Ý thức hệ chơn chính Đại Đạo đã quá sáng tỏ, làm chói mắt cả thế nhân; rồi nhân thế lại tưởng tượng rằng chân lý của Đại Đạo chỉ là ánh sáng trong tâm mắt hạn hẹp, hay tưởng tượng quần quanh của riêng mình mới thật đáng thương. Cao Đài không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài.”²

Quả thật tư tưởng Cao Đài, giáo lý Đại Đạo đã lập thành một Ý thức hệ hết sức sáng tỏ. Ý thức hệ này đặt trên nền tảng một đức tin đạt đạo, một lý tưởng viên dung phổ quát, một sứ mạng đại thừa.

1. Đức tin đạt đạo có nghĩa là một đức tin đặt trên những nguyên lý bất diệt của vũ trụ, phù hợp với những quy luật sinh hóa và tiến hóa của vạn vật, phù hợp với nhân vị nhân năng và mối tương quan giữa Người và vũ trụ, giữa Người và vạn vật, giữa Người và Trời. Đó là một đức tin hết sức nhân bản và khai phóng loài người.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974)

2. Lý tưởng viên dung phổ quát là một lý tưởng không mông lung ảo vọng, đặt quyền năng con người vào tâm kích vũ trụ nhưng không rời bỏ mục tiêu hoàn thiện hóa thế gian. Lý tưởng ấy muốn đổi thay cuộc diện nhân loại, nhưng trước tiên đòi hỏi ý thức sứ mạng làm người và phát huy tiềm năng nhân bản, đạo đức dân tộc. Nhất là ý thức sứ mạng dân tộc được chọn.

Đó là một lý tưởng phổ quát vì là lý tưởng Đại Đạo, không khép kín trong một tôn giáo hay các tôn giáo, trong dân tộc này hay dân tộc khác, ngược lại, nhằm khai phóng trí năng và tâm linh thuộc về bản thể đại đồng đạt đến minh triết, chân tri để cuối cùng phối kết với Đạo với Đại Ngã.

3. Với đức tin và lý tưởng nêu trên, hàng con tin của Thượng Đế sẽ thọ nhận sứ mạng đại thừa. Đó là sứ mạng của con người đã “khải nhập được Đạo” bằng chánh pháp thiên đạo, đồng thời tự nguyện đương kham cơ cứu độ Kỳ Ba trong quyền pháp được ban trao.

Nói một cách khái quát hơn nữa, ý thức hệ Cao Đài đã chỉ ra hai nguyên tắc trọng yếu cho cơ đạo và cho người hành đạo là:

* QUY NHẤT

* VI NHÂN

Quy nhất: thực hiện công cuộc hiệp nhất và quy nguyên tất cả những gì đã xa rời bản chất thuần chơn hay công năng tiến hóa của một chủ thể hay của những cộng đồng nhân sanh. Tức là tái tạo-bảo tồn sau thời kỳ phân hóa-đào thải.

Đức Chí Tôn có dạy:

*“Càn Khôn trẻ muốn chung cư thất,
Thiên địa con toan động tác thành;
Ngưỡng cửa viên dung là chữ nhất,
Không tìm sao thấy ở hình danh?”³*

Vi nhân: Công cuộc cứu độ Kỳ Ba nhất thiết khắc trị căn bệnh vong bản, vong thân, đánh mất lòng nhân ái, bỏ quên cương vị làm người chân chính. Tóm lại là phục hồi nhân bản và phụng sự nhân sanh.

*“Vi nhân tử tài thành nhân vị,
Phật thánh tiên nhứt lý do hà;
Vô tư vô dục vô tà,
Từ bi bác ái trung hòa lợi sanh.”⁴*

Với ý thức hệ Cao Đài, tức ý thức hệ Đại Đạo, chúng ta càng khẳng định ý nghĩa mục đích của công cuộc khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

*“Người vẫn tưởng Cao Đài - tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương.”*

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-03 Tân Hợi (10-04-1971)

⁴ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, Tuất thời, 07-03 Giáp Dần (30-03-

CẦU NGUYỆN HÒA BÌNH

Trong đời sống tôn giáo hay trong đời thường, cầu nguyện là hiện tượng rất phổ biến. Vào các dịp lễ lớn, cầu nguyện thường được tổ chức rất trang trọng, nhất là trong giới sinh hoạt tâm linh. Hiểu đơn giản, cầu nguyện là khẩn thiết bày tỏ nguyện vọng của cá nhân hay tập thể trước một chủ thể có quyền lực siêu nhiên để cầu xin được giúp sức thực hiện.

Đặc biệt, trong khi bạo lực, chiến tranh ngày càng trở nên ác liệt khắp đó đây trên thế giới, đời sống an bình toàn cầu luôn luôn bị đe dọa; bên cạnh những cuộc vận động hòa bình của các nhà ngoại giao hay hội đoàn phi chính phủ, các tôn giáo, với đức tin và tấm lòng nhân ái cố hữu của mình, thường tổ chức những cuộc cầu nguyện hòa bình.

Đức Lão Tử từng dạy rằng:

Trong lúc tai biến động loạn xáo trộn trên hoàn cầu, là một cơ hội cho đạo hữu phát tâm, gieo tư tưởng sự sống tình thương đến những nơi có tai biến. Kết quả rất lớn mà tiến đạo rất mau. Tu một lúc cũng bằng tu trọn đời. Dầu tu trọn đời mà không gặp cơ duyên, cũng không bằng tu một ngày có cơ hội.”

*Ý động thì loạn sanh,
Tâm bình thì cảnh tịnh,
Sóng lặng thì nước trong,*

Thân tu thì quốc trị.”¹

Suy ngẫm thánh ý trên đây, nhân ngày lễ Khánh đản của Đức Thái Thượng Đạo Tổ hôm nay, được phép của Ban tổ chức, tôi xin hầu chuyện với quý vị đề tài “*Cầu nguyện hòa bình*”.

I. Ý nghĩa của sự cầu nguyện

1. Theo phật giáo

Cầu nguyện không thuộc lãnh địa của logic hay trí óc. Nó vượt lên trên những thứ đó. Cầu nguyện là một hành vi trong đó chúng ta biểu lộ những ước muốn khẩn thiết và mãnh liệt tự trong sâu thẳm của chúng ta và mong ước chúng được thành tựu. Đức Phật nhấn mạnh rằng, để nhận ra tính linh thánh của chúng ta - tức Phật tánh hay giác tánh - chúng ta phải tìm từ bên trong, không phải từ bên ngoài. (Charles Day - Thanh Hòa dịch)²

Cầu nguyện là một nhu cầu tinh thần của con người, một nhu cầu chính đáng. Trước hết là giải tỏa các ức chế tâm lý do áp lực của hoàn cảnh, của thất vọng trong tình cảm, những bức xúc trong các mối quan hệ xã hội.

¹ Trích thánh giáo Đức Đông Phương Lão Tổ tại Minh Lý Thánh Hội (không rõ thời gian)

² <http://www.giacngo.vn/tetkysuu2009/muaxuanvaphatgiao/2009/01/23/5E445B/>

Thứ đến, cầu nguyện là thể hiện các ước mơ, niềm hy vọng của con người.

Cầu nguyện là một biểu hiện của thiện tâm, nghĩa là khi một người chấp tay, cúi đầu trước bàn thờ phật, lòng của họ trở nên khiêm hạ, cái “Ta” trở nên nhỏ bé, lương tâm trở dậy và tâm hồn họ được bình yên.

Sự cầu nguyện trong đạo Phật còn là một pháp môn tu tập của người phật tử. Nhờ cầu nguyện mà nguyện lực của họ trở nên mạnh mẽ, niềm tin tăng trưởng, thiện nghiệp được phát huy, ác nghiệp được tiêu trừ.

Ý nghĩa của sự cầu nguyện là nâng cao đời sống tinh thần và củng cố niềm tin cho chính mình và tha nhân.³

2. Theo Cơ Đốc giáo

Lịch sử [Kinh Thánh] đã chứng minh quyền năng của sự cầu nguyện...Tên trộm cùng bị đóng đinh với Chúa Giê-xu cầu nguyện, thì Đức Chúa Giê-xu đã đoan chắc với anh ta rằng: “*Hôm nay ngươi sẽ được ở với ta trong nơi Thiên đàng*”(Lu-ca 23:43).⁴

Sự cầu nguyện bao giờ cũng là chìa khóa mở tung mọi cánh cửa huyền nhiệm!

³ <http://www.vietlyso.com/forums/showthread.php?t=13600>

⁴ <http://www.maiyeuem.net/vtopic126990.html>

Tuy nhiên, nếu con dân Chúa không cầu nguyện theo đúng ý Chúa, đừng mong một điều gì sẽ xảy ra!

Sự cầu nguyện đúng ý Chúa phải hội đủ các điều kiện đã nêu trong II Sử-ký 7:12-14⁵ (hạ mình, chí thành cầu nguyện, sám hối sửa lỗi), phải phát xuất từ đức tin thật.

3. Theo Cao Đài giáo

“Nhớ lại Thánh Khổng Tử xưa kia lúc lâm trọng bệnh, chư môn sanh xin phép lập đàn khấn đảo cầu thọ cho thầy, Đức Khổng Tử bảo rằng: Chính ta đã cầu đảo từ lâu rồi. Như vậy sự cầu nguyện không phải là một vấn đề tầm thường như tất cả những điều cầu nguyện đã nêu trên mà cần xét lại để tìm hiểu hai tiếng **Cầu Nguyện**.”

Cầu nguyện tức là tìm sự ước muốn, ước nguyện của chính mình. Muốn tìm cho đặng những điều ấy, phải thật tâm để tìm trong những giờ phút thiêng liêng hằng ngự giữa cuộc sống. Giờ phút thiêng liêng ấy luôn luôn đến với những tâm hồn vô tư minh chánh hằng nghĩ đến sự sống còn trong lẽ đạo. Những người ấy không ước vọng gì riêng tư cho cá nhân mình cả, vì họ rất thấu sự công bằng của Tạo Hóa...mà vấn đề

⁵ “Nếu dân Ta, dân vốn kêu cầu Danh Ta, mà biết hạ mình xuống khấn nguyện và tìm kiếm Nhan Ta, từ bỏ những con đường xấu xa mà trở lại, thì Ta, từ trời, Ta sẽ nghe và thứ tha tội lỗi nó và sẽ phục hưng xứ sở của nó.” Sự Cầu Nguyện đẹp ý Chúa
[tinlanhescondido.org/Documents/Dec%2002%](http://tinlanhescondido.org/Documents/Dec%2002%20)

cầu nguyện được kết thúc với bốn chữ “**công đức vô lượng**”⁶.

II. Phương pháp cầu nguyện

1. Chí tâm cầu nguyện

_ Cầu nguyện tập trung theo Cơ Đốc giáo

Trong khi cầu nguyện tập trung, chúng ta vượt qua các ý tưởng và hình ảnh, vượt qua các cảm quan, và vượt qua trí óc lý luận tới trung tâm của tâm hồn chúng ta nơi Chúa đang làm những việc kỳ diệu

Cầu nguyện tập trung là một hình thức cầu nguyện rất giản dị, rất trong sáng, thường thì không ra lời; đó là cách mở trái tim chúng ta cho Thánh Thần đến ngự trị trong chúng ta.

Phương Pháp: làm như lời Chúa phán: “Dừng lại một lát và nhận biết Ta là Thiên Chúa”(Thánh Vịnh 46:10).

_ Ngồi yên lặng, thoải mái và dễ chịu.

_ An nghỉ trong mong muốn và ao ước Chúa.

_ Di chuyển vào trung tâm sâu xa của bản thể chúng ta.

⁶ Minh Đức Đạo Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuá t thời, 15 tháng 11 Giáp Đà n (28.12.1974)

— Trong sự yên tĩnh, cố nhận thức được sự hiện diện của Chúa; hấp thụ tình yêu Chúa một cách an bình.⁷

2. Cầu nguyện và thiền

Chúng ta hãy trích lời của nhà sư Tây Tạng Yongey Mingyur Rinpoche từ cuốn sách *The Joy of Living* (Niềm Vui Sống) của ông.

“Không cần biết bạn thiền bao lâu, hay bạn đang sử dụng phương pháp nào, mọi pháp thiền Phật giáo sau rốt sẽ phát khởi tâm từ bi, dù bạn có nhận thức được nó hay không... Khi bạn quán chiếu tâm mình, tất cả những sai biệt ảo tưởng giữa bản thân bạn với những người khác sẽ tự động tan biến; và khi ấy lời nguyện cầu kinh điển về Tứ vô lượng tâm trở nên tự nhiên và miên mật như nhịp đập của con tim:

Nguyện cầu hết thấy chúng sinh được hạnh phúc và đầy đủ nhân duyên của hạnh phúc. (Tứ)

Nguyện cầu hết thấy chúng sinh thoát khỏi khổ não và những nguyên nhân đưa đến khổ não. (Bi)

Nguyện cầu hết thấy chúng sinh luôn sống trong yên vui không có khổ đau. (Hỷ)

Nguyện cầu hết thấy chúng sinh xa lìa tất cả chấp trước, oán ghét, an trú trong tịch tịnh. (Xả)

⁷ http://www.donghanh.org/cgi-bin/suyniem/vprint?file=/home/donghanh1/public_html/suyniem/vn/prayways.html&font=unicode#B3

3. Tâm thanh tịnh

“Nồi thống khổ điều linh của đồng loại như lửa cháy muôn xe. Phải cần đến nước trong tịnh thủy bình mới mong chữa được, dầu có gom hết sông, biển, rạch, ngòi, cũng không dập tắt được lửa dục của thế nhân. Nhưng mà tịnh thủy bình ở đâu bây giờ hỡi chư liệt vị? Nói đến tịnh thủy bình chắc hẳn chư liệt vị hiện diện đây đa số nếu không nói là hầu hết đều nghĩ đến ĐỨC BỒ TÁT QUAN ÂM mới có tịnh thủy bình. Như vậy ai đi cầu Đức Quan Âm Bồ Tát để được tịnh thủy bình hầu chế ngự lửa dục trần gian? Chắc hẳn phải có Tôn Ngô Không mới cầu viện được mà Tôn Ngô Không là gì? Ngô Không là giác ngộ, là gặp đặng, thấu đặng chỗ không. Tất cả mọi người đều có một Ngô Không ở trong lòng, nhưng không tôn nó lên thì nó ẩn mất. Bằng tôn Ngô Không lên tất nhiên sẽ có người đi cầu viện Bồ Tát lấy tịnh thủy bình cho mà rưới tắt lửa nghiệp lực dục vọng, lửa oan cừu của thế gian.”⁸

III. Hiệu quả của sự cầu nguyện

— Cao Đài: “Sự cầu nguyện tuy có nhiều hình thức và phương pháp cầu nguyện, nhưng nếu họp nhau lại tổ chức một buổi cầu nguyện chung, sẽ là một niệm lực hùng mạnh dâng lên không trung và bao trùm rãi

⁸ Minh Đức Đạo Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15 tháng 11 Giáp Dần (28.12.1974)

xuống khắp chốn để cảm hóa lòng người hướng về sự ước muốn thái hòa an lạc đó. Chư đệ muội không nguyện cho riêng mình để thể hiện tâm lòng vị tha, cầu cho thiên hạ thái hòa để thể hiện tâm lòng công bằng, không muốn cảnh chiến tranh đao binh khói lửa, người giết hại người do lòng tham vọng cuồng loạn dấy động đao binh. Nếu mỗi một người đều mong vọng an lạc thái hòa tức là không muốn đem sự tàn hại chết chóc đến cho kẻ khác. Nếu khối niệm lực ấy được liên tục dâng lên, tỏa ra bao trùm xuống khắp nơi sẽ ảnh hưởng rất lớn như vòi nước gấn búp sen quây cuồng trong không trung, phía dưới đó muôn loài hoa quả thảo mộc gọi nhần không ít. Mỗi việc làm đều có mỗi tác dụng, thí dụ như Thiêng Liêng dạy chư hiền nhập tịnh là để ngăn ngừa sự vọng động nội tâm và để cho lòng được ổn định thanh tịnh, trước là dưỡng sinh, sau là thông công cùng thượng giới.”⁹

*“Công đức tham thiên lớn biết bao,
Phước lành hồi hướng đến phương nao,
Chúng sanh trầm溺 nguyện ra khỏi,
Nhập được huyền môn ngộ đạo cao....”*

— Cơ Đốc giáo: “Thánh Đa Minh tâm tín rằng sau khi đã hàn huyền cầu nguyện lâu giờ với Chúa,

⁹ Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời ngày 22 tháng 4 Nhâm Tý (3-5-1972)

nhờ đó nhà giảng thuyết có thể soi sáng và đánh động tâm hồn thánh giá.”¹⁰

— Trong quyển “*Hiệu lực cầu nguyện và kinh người áo trắng*” của Thích Nhất Hạnh, tác giả luận giải nhiều câu chuyện cầu nguyện để chứng minh rằng, muốn cầu nguyện có hiệu lực phải có đủ 3 điều kiện: tự lực (năng lượng tình thương) - tha lực (ân điển đáng ta cầu nguyện)- cảm ứng (năng lễ sở lễ tánh không tịch - cảm ứng đạo giao nan tư nghi.)

IV. Cầu nguyện hòa bình

Hòa bình là ước vọng chung và tha thiết nhất của thế giới nhân loại. Đứng trước bao nhiêu tang thương chết chóc do chiến tranh gây ra từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, từ nước này sang nước khác, các tôn giáo không thể chỉ sống đạo bằng đức tin đơn thuần mà không động lòng trắc ẩn, động tâm từ ái...Thế nên, mục đích giác ngộ chúng sanh về tâm linh, phải song hành với cứu độ về nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc sống an lạc hòa bình hạnh phúc.

Thánh giáo Cao Đài có viết: “*Những người giác ngộ chính là những sứ giả hòa bình của Thượng Đế cho xuống thế gian ở cùng nơi khắp chốn trong các giai tầng xã hội thế nhân, các tôn giáo, để mưu cuộc hòa bình cho thế giới nhân loại. Ngọn đèn dầu nhỏ*

¹⁰ <http://www.cttdva.net/huynhdoan/caunguyen.htm>

đến đâu cũng đem ánh sáng đến cho đêm tối, từ đạo tâm cá nhân đến đạo tâm đại đồng, sẽ chuyển được thế cuộc hung tàn trở nên thánh thiện."¹¹

Các tôn giáo đã gặp nhau trong ý thức sứ mạng hòa bình đó, nên qua thông tin trong ngoài nước, chúng ta được biết nhiều cuộc cầu nguyện hòa bình được tổ chức liên tiếp trên thế giới.

Cơ Đốc giáo cầu nguyện hòa bình

VietNamnet:22:09' 25/12/2006 (GMT+7)

Giáo hoàng kêu gọi giải quyết các xung đột trên thế giới

Trong bài phát biểu "Urbi et Orbi" truyền thống bằng tiếng Latinh nhân dịp Giáng sinh hôm nay (25/12), Giáo hoàng Benedict XVI đã khẩn thiết yêu cầu một giải pháp cho các cuộc xung đột trên toàn thế giới.

¹¹ Đức QUAN ÂM BỒ TÁT, Minh Đức Tu Viện, Ngọ thời, 13 tháng 1 Ất Mão (23-2-75)



Ảnh trên:Giáo hoàng Benedict XVI cử hành lễ đón mừng Giáng sinh tại nhà thờ St.Peter Basilica, Vatican.

Khủng hoảng ở Trung Đông là chủ đề chính trong bức thông điệp của người đứng đầu Vatican.

Đức Giáo hoàng kêu gọi chấm dứt bạo lực đẫm máu ở Iraq, Lebanon, Sri Lanka cũng như các cuộc xung đột ở Darfur và nhiều nơi khác tại châu Phi.

Cũng giống như người tiền nhiệm - Giáo hoàng John Paul II, thông điệp ngày Giáng sinh năm nay là cơ hội để lãnh đạo Vatican xem xét lại những tiến triển cũng như bước thụt lùi của nhân loại.

Lãnh đạo các tôn giáo cầu nguyện hòa bình

-VietNamnet 22-10-2007: Lãnh đạo của các tôn giáo chính trên thế giới đã khai mạc hội nghị hòa bình thường niên giữa các đức tin tại Naples, Italia, hôm

21/10, với lời kêu gọi thành lập một tổ chức toàn cầu đoàn kết các đức tin của họ.



Giáo hoàng và các lãnh đạo tôn giáo khác.

Giáo trưởng Cơ đốc giáo chính thống Bartholomew I, Tổng giám mục của Canterbury Rowan Williams, Đại giáo trưởng Israel Yona Metzger và lãnh tụ Hội giáo của Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất Ibrahim Ezzedin nằm trong số các lãnh đạo tham gia hội nghị.

Chủ đề của hội nghị hòa bình năm nay là “Một thế giới không bạo lực: Các đức tin và nền văn hóa đối thoại”. Chương trình nghị sự cũng bao gồm các vấn đề AIDS, nhập cư, hoàn cảnh khó khăn của châu Phi và sự kiếm tìm hòa bình ở Trung Đông.

Phật giáo thế giới cầu nguyện hòa bình: Vesak 2008 tại Hà Nội VN

“Trong ngày Vesak thiêng liêng này, tất cả chúng ta, dù là Phật tử hay không Phật tử, hãy cùng nhau dành cho loài người lòng thương mến kính trọng bình đẳng, vượt khỏi những hận thù ganh ghét.

“Chúng ta sẽ cố gắng từng ngày để xây đắp lại thế giới này tươi đẹp hơn, cũng như hoàn thiện chính con người của mình tốt đẹp hơn. Với ý nghĩa đó, xin cho tôi được chúc tất cả các bạn một ngày Vesak rất hân hoan và an lạc.”(Ban Ki Moon (Tổng thư ký LHQ))

18:46' 15/05/2008 (GMT+7)VietNamnet:

- Một trong những nội dung thảo luận triển khai từ chủ đề chính của Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc (Vesak) 2008 đang diễn ra tại Hà Nội là vai trò của Phật giáo trong việc giải quyết xung đột và ngăn ngừa chiến tranh.



Tuyên bố Hà Nội là sự đóng góp của Phật giáo thế giới vào kho tàng tri thức của nhân loại và các giải pháp về vấn đề đời sống xã hội toàn cầu. “Phật giáo kêu gọi hành động vì sự tôn trọng và hòa hợp giữa các dân tộc cho dù có sự khác biệt về truyền thống và văn hóa. Chúng ta hy vọng về một tương lai tươi sáng của nhân loại”.

Cao Đài giáo cầu nguyện hòa bình

Như các tôn giáo bạn, mỗi dịp lễ trọng, các thánh sở Cao Đài đều cầu nguyện quốc thái dân an, thế giới hòa bình. Đặc biệt, vào tháng 11 năm Mậu Tý 2008 vừa qua, Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên đã tổ chức tái hiện lễ cầu nguyện hòa bình tại Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang, nhân kỷ niệm 38 năm Diễn đàn hòa bình và cầu nguyện hòa bình trên đài Ngưỡng thiên.



Đài Ngưỡng Thiên tại Thánh Tịnh Ngọc Sơn Quang
(Vĩnh Long)

Cuộc lễ cầu nguyện hòa bình trên Đài Ngưỡng thiên này được tổ chức theo nguyên lý “Thiên nhân hiệp nhất” của ĐĐTKPĐ.

Đài Ngưỡng thiên gồm 3 tầng, cao 9 thước; 2 tầng dưới hình Bát Quái (8 cạnh), tầng trên hình vuông, tượng trưng Tứ Tượng sinh Bát Quái theo Dịch lý.

Khi hành lễ, đồng nhi ở tầng dưới đọc 3 lần bài kinh Cầu Nguyện Hòa Bình, một chúc sắc Hiệp

Thiên Đài sẽ đánh từng tiếng trống Lô âm ở tầng 2, các đại hồng chung tầng dưới sẽ đồng loạt đánh theo. Trong khi đó, vị Chủ tọa Quán Hiệp Thiên Đài (hoặc Thượng Phẩm) và vị Thượng Sanh cùng các Chức sắc Trưởng Phái đoàn các Hội thánh, Tôn giáo bạn, ngài tịnh tọa ở tầng trên, các vị đại diện các Đoàn Thiên sứ hòa bình tịnh tọa ở tầng giữa, chung quanh có 36 đồng nhi cầm đèn hoa sen.

Đồng nhi đọc dứt 3 lần bài kinh Cầu nguyện hòa bình trong khoảng 45 phút, cuộc tịnh tọa của các Chức sắc và Đoàn Thiên sứ cũng vừa xong.

* * *

Chúng ta có tin tưởng rằng, trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà các vị chức sắc cao cấp và các vị “thiên sứ” tịnh tọa trong Đài ngưỡng thiên, có thể tạo ra một nguồn năng lực nào làm chuyển biến cuộc diện nhân sanh từ loạn thành trị, từ chên tranh ra hòa bình? Dĩ nhiên nguồn năng lực đó không thể làm sắt thép của tất cả các loại vũ khí tan chảy thành nước, hay chặn đứng ngay những hành động bạo lực bất cứ nơi đâu!

Có một câu nói nổi tiếng tại một phiên họp Hội Đồng Liên Hiệp Quốc: “Chiến tranh hay hòa bình đều phát sinh từ tâm con người.”Thánh giáo Cao Đài lại viết:

“Tâm lòng của nhân loại mới chính là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh, tạo thế an bình cho nhân loại.”¹²

Vậy, công năng tịnh tọa hay thiền định của chư tịnh sĩ, thiền sư, bằng nguyện lực của mình, sẽ đem lại hiệu quả chuyển biến thế cuộc do tác động vào tâm địa con người. Tuy tọa thiền là bất động, nhưng thần khí châu lưu trong nội thể sẽ tạo ra nguồn năng lượng tỏa rộng trong không gian, nối kết với năng lượng vô hình trong vũ trụ thành sức mạnh siêu mẫu ảnh hưởng đến thế nhân. Dĩ nhiên ảnh hưởng mạnh hay yếu tùy thuộc trình độ tu chứng của mỗi hành giả. Nên Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Người sanh trong trời đất cũng do đạo mà linh hơn vạn vật... Nếu người đời biết sống trong lý đạo cũng như cá sống trong nước thì từ sự phát tiết ở trung tâm vô cực kia sẽ sáng chói, nên con người tự thông thấu cùng tâm linh vũ trụ mà tác năng công dụng ấy tạo nên cuộc thái bình an lạc cho thế gian.”¹³

Hội Thông Thiên Học cũng nhận định về quyền năng tư tưởng con người:

“Tư tưởng là quyền năng giúp cho chúng ta biết được thế giới xung quanh mình và những người khác.

¹² Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất Thời, Rằm tháng Giêng giáp Dần (6.2.74)

¹³ ĐPCQ. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Tuất thời, mùng 01 tháng 12 Đinh Tỵ (09.01.1978)

Và do tư tưởng của mình, chúng ta ảnh hưởng tới thế giới theo chiều hướng tốt hay chiều hướng xấu.”

Trong Đại Đạo, Đức Lão Tổ còn nêu lên hiệu quả cứu độ của thiên định đối với kiếp nạn của chúng sanh, đồng thời là cơ hội tự độ tinh tấn:

“Công phu thiên định, tịnh tu ở chùa chiền, tịnh thất, đạo tràng.. v. v. có một công năng rất linh diệu. Kẻ phàm phu đến đó hấp khí thiên, đánh lui ý tà, được khỏe vui, cảm khoái mà tỉnh ngộ.”

V. Kết luận

Công cuộc xây dựng hòa bình thế giới, quyền và nghĩa vụ không phải của riêng ai. Khoa học, văn hóa, kinh tế, chính trị đều phải nhắm mục đích hòa bình, để hòa bình không chỉ là tuyên ngôn, là nguyện vọng. Các giải Nobel hàng năm đã nói lên điều này. Nhưng chúng ta không quên sứ mạng hòa bình của tôn giáo.

Nếu chúng ta hình dung trên mặt phẳng thế giới, khoa học, kinh tế, chính trị làm thành một trục ngang, có sứ mạng đem lại đời sống an lạc tiên bộ cho nhân sanh; và trục dọc gồm các ngành văn hóa, nghệ thuật, triết học, tư tưởng Đông Tây có sứ mạng đem lại đời sống tinh thần thăng hoa vô vàn bản sắc chân thiện mỹ. Hai trục sẽ giao nhau, làm chỗ đứng của con người văn minh tại trung tâm giao hội. Bây giờ con người sẽ hướng lên, phát sinh trong tâm hồn một nhu cầu tâm linh. Và đời sống tâm linh của loài người sẽ

hình thành trục thứ ba thẳng đứng, đặt con người vào không gian ba chiều. Từ đây con người sẽ cảm thấy mình có tầm kích mở rộng, nếu không nói là tầm kích vũ trụ.

Đài Ngưỡng Thiên Ngọc Sơn Quang trên đây là biểu tượng của trục thẳng đứng nói trên, vô hình trung bày tỏ nguyên lý Thiên Nhân Hiệp Nhất của ĐĐTKPĐ, cũng là cứu cánh hướng thượng của các tôn giáo nhằm hoàn hảo hóa con người một cách toàn diện về nhân sinh lẫn tâm linh để đủ khả năng làm sứ giả hòa bình trên thế giới.

Nếu dụng công năng tịnh tọa chuyển thân lực cầu hòa bình, thì mỗi tịnh viên là một Đài ngưỡng thiên. Và nếu trên thế giới có vô số “đài ngưỡng Thiên” thu gọn đó, giờ khắc nào cũng dâng lên không gian tư tưởng và ý chí hòa bình, thì hòa bình sẽ đến không cần một tiếng súng, một viên đạn, một bạo lực đấu tranh hay những lời kêu gọi khẩn thiết nào cả!

Rằm tháng 2 năm Kỷ Sửu.

CHƯƠNG HAI

Đường lối hành đạo

TÂM VẬT BÌNH HÀNH

Thông thường, khi muốn nói đến một tổng thể bao gồm tất cả Trời đất vạn vật, chúng ta dùng danh từ vũ trụ hay càn khôn thế giới. Nhưng “vũ trụ” và “càn khôn” chỉ gợi cho ta hình ảnh lớn rộng vô cùng, vô biên của không gian mà không nêu lên được chủ thể chứng thực cái vô cùng, vô biên đó. Đạo gia bèn dùng hai chữ Tâm Vật để chỉ sự biến hiện khôn lường của vạn vật vạn sự trong trạng huống vừa chủ quan, vừa khách quan.

Tâm là chủ thể, vật là khách thể; nói nôm na, Tâm vật vừa ám chỉ vũ trụ, vừa xác minh có “con người” chứng minh sự hiện hữu của vũ trụ. Nhưng đề tài hôm nay không những chỉ muốn nói đến tính cách hiện hữu tương đối đó mà còn tiến lên một bước đề cập đến đường lối, thái độ xử sự, ứng hóa cho tâm cho vật theo lẽ đạo tự nhiên. Đó là phương châm Tâm Vật Bình Hành.

I. Ý NGHĨA HAI CHỮ TÂM - VẬT

1. Tâm là gì?

*“Muốn nói không, thật không hằng hữu
 Nói có thì thật hữu chơn thường
 Ở Trời làm chủ âm dương
 Nơi người, nhơn nghĩa kỹ cương pháp quyền.
 Rất hồn hồn thiêng liêng trong sáng,
 Cả hiển vi vô gián thái hòa,
 Ngại khi tâm ấy vọng tà
 Gây nên xáo trộn, ta bà đảo điên.
 Thường răn đe tâm viên ý mã
 Khả ngăn phòng phước họa không nơi
 Xưa nay tôn giáo dạy đời
 Đọa siêu bởi đó, khuyên người tu tâm.”¹*

2. Vật là gì?

Những gì thuộc về hữu vi gọi là vật.

Cái bàn, cái ghế là vật, cây cỏ, núi sông là vật, thân thể chúng ta là vật.

Sự sống cũng là vật, cuộc đời là vật, các sự kiện xảy ra trong cuộc sống, các môi tương quan giữa người và người cũng là vật.

Bản chất của vật là vô thường, nay còn mai mất.

¹ Bác Nhã Thiên Sư-Minh Lý Đạo

Hình thức của vật muôn màu muôn vẻ phức tạp, biến đổi khôn lường. Nó quấy phá cho tâm điên đảo, nó lôi cuốn cho tâm si mê. Mà nó cũng đánh dấu sự tồn tại của cuộc sống, sự tiến bộ của con người; nó mặc nhiên làm bằng chứng cho cái hữu trong cái không (vô) muôn đời. - Nhà Phật gọi vật là Pháp đối với Tâm hay Đạo. Kinh Kim Cang viết rằng:

*Nhứt thiết hữu vi pháp
Nhu mộng uyển, bào ảnh.
Nhu lộ, diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là:

*Hết thấy pháp nào thuộc hữu vi
Chiêm bao, bọt, bóng, đối ra chi
Nhu luồng điện chớp, Sương đầu cỏ,
Phải xét cho rành như thế ni.*

3. Tương quan giữa tâm và vật

Tâm là ngã, là ta, làm chủ ở trong.

Vật là cái ngoài ta, cái mà ta nghe, ta thấy, ta đụng chạm, ta nhận thức, ta biết nó có.

Vạn vật có hay không cũng do Tâm. Vật có đó mà nếu tâm không phóng đến vật thành thức thì vật kể như không có.

Dưỡng Chơn Tập có viết: “*Mình quên mình thì vật kia tự nhiên mất dạng. Vật tuy đầy ở trước mặt mà thường coi như không vậy*”.

*“Chỉ giữ vô tâm cùng mọi vật
Sợ gì mọi vật phủ vây mình”*

Và:

*“Chơn thường tu ứng vật
Ứng vật bất khả mê”.*

Lại viết: các sự vật trong thiên hạ, tự có cái đạo lý minh tinh (yên lặng) trong đó, không nên để một mảy tư ý xen vào.

Cho nên nói: thiên hạ có tướng gì, có lo gì? Bởi có mà quân tử gặp việc, thì làm rồi việc chớ không sanh sự; tùy vật mà cấp cho vật chớ không để ý tới vật.

*“Muôn việc thành do một cái tâm,
Tâm cho mình mãi chớ u trầm;
Tâm linh ví tựa cơ trời đất
Vận chuyển hồng trần quá thậm thâm.”²*

II. TÂM VẬT BÌNH HÀNH

1. Tâm vật bình hành trong nội thân con người

Thân tâm con người là một thể thống nhất Tâm vật. Hai thực tại này sinh hoạt hòa hài thì con người

² Vạn Hạnh Thiền Sư, MLTH 6.12.69

sống an nhiên; nếu một bên có sự bất trắc hay thái quá bất cập thì bên kia phải chịu hậu quả tệ hại. - Tâm phát giận thì tim đập nhanh, bắp thịt co rút, mắt trợn trừng, nói to tiếng, khoa tay, múa chân.

Tâm sâu não, thì ăn không tiêu, ngủ không yên, người hao mòn, lao phổi, đau dạ dày... *“Tâm có định rồi thân mới an, Tâm còn điên đảo ắt nguy nàn.”*

Ngược lại, thân thể có khỏe mạnh, tâm linh mới sáng suốt...

Vậy nơi bản thân con người không thể chấp nhận một lối sống cực đoan. Muốn sống an nhiên trọn một kiếp người thì không thể quá khắc khổ, hủy hoại xác thân, cũng không thể hưởng thụ quá mức, bỏ mặc tinh thần u tối, trí năng mờ mịt, tâm linh hôn trầm.

2. Tâm vật bình hành trong đời sống xã hội

Bên ngoài phạm vi nội thân, vật chính là cuộc sống, là sinh kế và bổn phận đối với gia đình, xã hội. Vậy tâm vật ở phạm vi này là tâm linh và nhân sinh.

Thánh giáo dạy: *“Tâm linh là chủ sử thân mình của tứ chi ngũ quan. Nếu tâm linh mờ tối không được luyện trau thì đời sống của con người chỉ là công cụ cho vật chất, thì thật là uổng phí. Thế nên các tôn giáo từ xưa chú trọng về phần tâm linh trước nhất.*

“Về nhân sinh cuộc sống gắn liền với thiên chức, gia đình, xã hội, nước non. Phải làm mới có mà ăn, phải dệt mới có mà mặc, phải hoạt động mới có mà

sống, mà ở. Là nhân sinh không ai chối bỏ được điều này.

“Tuy nhiên nếu tâm linh mờ đục thì cuộc sống nhân sinh thường hay lằm lạc, xáo trộn trật tự kỷ cương để gây nên những trái oan hận thù, vì sống, ăn, mặc, ở. Thế nên con người phải biết giữ được mức độ quân bình cho chính bản thân; là tâm linh phải lo luyện trau cho thanh thoát, đừng để thất tình lục dục bao vây. Có thể mới hòa vào xã hội nhân sinh để sống một cuộc sống có ý nghĩa siêu nhiên hơn. Khi con người tự thấy lòng bác ái vị tha nảy nở là biết sống đời sống tề vật của Trang Chu hay bình đẳng quan của Thích giáo. Tâm linh và nhân sinh không thể tách rời mà phải luôn luôn gắn liền với nhau nhịp nhàng sinh động vô kỷ, vô công, vô cầu, vô danh, tự khắc sẽ hòa mình vào đại thể mà hưởng thú thiên nhiên (mà dự Yến Bàn đào).”³

3. Tâm vật bình hành trong thiên đạo đại thừa

Chiếc chìa khóa để bước qua ngưỡng cửa thiên đạo đại thừa là “Phá chấp”. Sự phá chấp đầu tiên và quan trọng là phá cái chấp ngã. Nếu còn chấp ngã là còn vì mình, còn muốn cho mình, còn ham cho mình, còn lo cho mình, còn phiền hà những gì không thuận lợi cho mình. Thế là tâm chưa giải thoát. Muốn cho tâm giải thoát tất phải vô ngã.

³ Vân Hương Thánh Mẫu - Cơ Quan PTGL 14.8.Bính Thìn, 7.9.1976

Nhưng không thể bỏ ngã bằng cách bỏ tất cả thực tế hiện hữu của thế giới chúng sanh, không thể phủ nhận định luật sinh tồn và tiến hóa của Tạo Hóa. Không thể triệt tiêu những gì chi phối đến tự ngã mà phải hóa giải sự chi phối ấy ở nội tâm bằng tâm vô ngại. Có thể mới không vướng mắc từ cái chấp này đến cái chấp khác.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dạy người tu Thiên Đạo như sau:

“Bởi tự ngã nên không lìa được chấp ngã. Thế nên, người tu hành cần lưu tâm trước khi thọ Thiên Đạo Đại Thừa để giữ cho chính mình một cuộc sống thung dung tự tại, tự do, muốn sống cuộc sống tự tại, tự do người tu hành phải chuyên luyện một tâm vô ngại. Những tiến hóa, khai sinh, tổ hợp ly tán hay hoại diệt đều là vô nghĩa trước tâm vô ngại. Nếu tâm được vô ngại rồi, không biến, không hóa, không sinh, không diệt mà vẫn có tất cả...”

“Ý thức hệ ràng buộc con người với con người trong thế giới hiện hữu. Dầu muốn hay không muốn thì tâm vật vẫn song hành. Lìa vật không có tâm, bỏ tâm không có vật”.

“Thế nên sứ mạng đại thừa, là thực tiễn cứu cánh vạn khổ chúng sanh, hòa mình trong xã hội nhân loại. Thế dụng ứng hiện hình danh công cụ, tâm vật bình hành. Tất cả đều hoàn hảo trong một cuộc sống ung dung tự do, tự tại.

“Những ai giác ngộ tu trì đã có nguyên nhân từ trước, mang vào mình sứ mạng đại thừa để thực hành Thiên đạo, tất phải chấp nhận vào cõi bà sa thế giới. Chấp nhận trong mọi hoàn cảnh, tắm khúc sông đục, đi vào truông vắng với bọn tì phu. Chấp nhận để hành Thiên đạo, đúng Thiên lý hợp Thiên cơ.”⁴

III. TỪ TÂM VẬT BÌNH HÀNH ĐẾN ĐẠO THỜI TRUNG

Phá chấp - lìa tự ngã - Tâm vô ngại là phương châm sống đạo tự nhiên của người tu thiên đạo. Và tất cả đường lối sống đạo đó nhắm một mục đích là thực hành sứ mạng đại thừa.

Đã đành sứ mạng đại thừa là phải hòa quang hống tục để cứu độ chúng sanh; nhưng cuộc diện của chúng sanh của xã hội loài người nhưt là thời đại cực kỳ biến động này, luôn luôn bất định, luôn luôn phức tạp đi đến chỗ hỗn loạn.

Vậy người sứ mạng sẽ bình hành Tâm vật như thế nào?

Lấy cái lẽ không biến đổi nào để hành sự, ứng hóa giữa những muôn ngàn biến đổi đang diễn tiến kia?

⁴ Quán Thế Âm Bồ Tát, Rằm.7.Đinh Ty, 29.8.1977

Đó là Đạo thời Trung.

Thời là nối tiếp nhau, là vắn xoay.

Trung là cái cốt tủy không thay đổi để hành động vừa đúng đạo lý, vừa hợp với cái thời hiện tại (vừa xoay vắn đến).

Ví dụ như Dịch có 64 quẻ, không có quẻ nào giống quẻ nào, mà hợp lại, nối tiếp nhau thành một chu kỳ, biến hóa. Nơi mỗi quẻ là mỗi thời kỳ, mỗi trạng huống hay tình cảnh mà người quân tử phải giải quyết sao cho bảo tồn được cương vị mình, sao cho đạt được thiên thời địa lợi nhơn hòa, tức là làm sao cho thành công theo chánh đạo.

Vậy người lãnh lấy sứ mạng Tam Kỳ Phò Độ “tâm phải kiên trì chuyên nhất đúng đạo hợp thời để thực hiện việc trước tiên là tạo thế nhơn hòa.” Đó là:

*“Chuyển nhơn dục loạn thành thế trị,
Hoằng đạo cơ chơn lý hiển dương
Quân bình tâm vật kỹ cương
Thần hình cụ diêu tứ phương cộng đồng.”*⁵

Vậy muốn có thế nhơn hòa là mục đích của Tam Kỳ Phò Độ, người sứ mạng phải phát huy cái đức tâm vật bình hành một cách thời trung.

“Thời trung là một cuộc vận chuyển vắn xoay tạo dựng trong thời đó.”

⁵ Huấn từ Đứ Chí Tôn, CQPTGL

“Thế thì ai vận chuyển vắn xoay tạo dựng trong thời này.” Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đáp: *“Thượng Đế và Con người hay Thiên lý và Nhân tâm nếu thiếu một trong hai thì cuộc đời sẽ đi đến cơ hủy diệt.”*⁶

Đó chính là nguyên tắc “bình hành” của người sứ mạng ngày nay vậy.

KẾT LUẬN

Khai Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn xác lập nền Đại Đạo theo tôn chỉ qui nguyên, đó là cái đích điểm mà tất cả vạn vật chúng sanh đều được hưởng ơn cứu độ, bởi vạn vật chúng sanh đều nằm trong yếu lý “Thiên địa vạn vật nhất thể”.

Thế nên sứ mạng kỳ ba là đại cuộc cuối cùng tận độ quần sinh, là thiên cơ được Đức Từ Phụ ban trao cho các hàng sứ giả trong cõi thiêng liêng cũng như trong cõi thế gian với qui mô hi hữu lập thành thế thiên nhơn hiệp nhất.

Thế Thiên nhơn hiệp nhất giải quyết cuộc diện nhân loại không phải chỉ trong lãnh vực tâm linh mà còn an bày cho cuộc sống nhân sinh. Người sứ mạng không được thiên chấp ở Tâm hay Vật mà tác động phải song hành nhưt quán.

⁶ CQPTGL, 5.10.1963

*“Trong thế pháp mở đàng chánh pháp,
Xa cái tâm pháp vật đều không
Đại Đạo bất nhị pháp môn
Là nơi cực lạc Chí Tôn trị vì.”⁷*

⁷ Vạn Hạnh Thiền Sư, MLTH, 12.9.1970

ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI

“Đạo phụng sự đời” hay “Đạo cứu Đời” là vấn đề sanh tử của các tôn giáo. Tôn giáo có giải thích được vai trò phụng sự đời và thể hiện được sự phụng sự ấy, tôn giáo mới tồn tại. Nếu không, tôn giáo chỉ còn là những nghi thức phiền phức mà luật đào thải sẽ loại khỏi nếp sống nhân sinh.

Để giải quyết vấn đề sanh tử này, chúng ta phải quán định xem Đạo là đâu, Đời là đâu, tác động của Đạo vào Đời như thế nào, nhằm chủ đích gì, và tôn giáo ta đang nghiên cứu chủ trương hành đạo ra sao để đạt được chủ đích ấy.

I. ĐẠO LÀ ĐÂU, ĐỜI LÀ ĐÂU

1. Đạo mà phụng sự được đời ấy là **đạo pháp**. Đó là phần hiện thực của đạo môn lung huyền nhiệm. *“Đạo là khả năng tâm linh “Thiên phú” cho bất cứ cá nhân nào trong xã hội. Pháp là tùy hoàn cảnh, tùy cá nhân mà con người ấy phổ diễn tổ chức và phổ bày trước ánh sáng một vấn đề gì trong tập thể nhân sinh.”*¹

¹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư - Đạo học chỉ nam

Vận hành đạo hay sử dụng **Đạo pháp** là vận dụng khả năng tâm linh để tác động vào tâm linh tha nhân và phục vụ cho nhân sinh.

Đạo pháp nơi đây có một vai trò vô cùng rộng lớn trong vũ trụ và thâm nhập trong mọi vật thể tế vi. Vì đạo pháp là một phạm trù đứng giữa nhân sinh và đạo pháp có những mối tương quan tương hiệp chặt chẽ linh động để biến hóa và tiến hóa trong qui luật của vũ trụ liên kết bất đoạn từ vô đến hữu và từ quá khứ, hiện tại đến tương lai.

Tóm lại, Đạo pháp là **cái dụng** của Đạo điều hòa vũ trụ và nhân sinh.

2. Đời là nhân sinh (Nhân sinh là Đời)

Đời là sinh hoạt chung của con người bao gồm hai địa hạt tinh thần và vật chất.

Con người vốn là sinh vật minh linh, tiến hóa đứng đầu vạn vật có quyền uy làm chủ muôn loài. Sự sống của con người tương quan mật thiết với vận hành của vũ trụ. Con người có ý thức về điểm linh quang tự hữu của mình thì đương nhiên có một địa vị rất lớn giữa vũ trụ. Thế nhưng nhân sinh vô cùng phức tạp. Sinh hoạt của nó đã phóng ra biết bao tư tưởng tạo thành những màng lưới tri thức khiến cho các cá thể vướng mắc vào, truyền nói bao đời làm cho quên mất bản thể diệu dụng của mình. Con người biết theo cái biết sẵn có và buồn vui theo cái buồn vui

thường tình. Thế là **không còn tự chủ được tinh thần**.

Rồi còn đời sống vật chất: Sự ăn, mặc, sự sống thường nhật khiến con người phải chen lấn, đấu tranh. Đầu tắt, mặt tối, con người chỉ còn thấy cái hiện hữu. Sự phật lòng đưa đến oán hận, sự giành giật đưa đến chiến tranh. Con người mãi xoay quanh vật chất trước mắt, cuộc sống bị đóng khung trong hiện tại của thời gian và cắt rời ra ngoài nhịp nhàng của vũ trụ không gian. Thế là **con người làm nô lệ cho vật chất** và sống ích kỉ riêng tây.

II. ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI

1. Ý thức làm chủ

Vậy Đạo phụng sự Đời như thế nào và nhằm chủ đích gì?

Người học Đạo nói “Đạo phụng sự Đời”chớ đâu nghĩ rằng sẽ ban cho đời một giáo thuyết cao siêu hay bố thí thật nhiều tiền của.

- Người Đời nghe như thế cũng đừng chờ Đạo xây dựng lâu dài hay kinh tài tế chúng.

- Không, “Đạo phụng sự Đời”không phải là dạy tay làm việc cung cấp văn hóa hay vật chất cho nhân sinh. Bởi chính con người giữa nhân sinh vốn có khả năng tự tồn, tự tiến rồi. Trời sinh ra con người với mình trần và hai bàn tay không nhưng con người đã

lớn lên và no ấm. Vậy thì còn đâu là “Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn”.

Thế nên “Đạo phụng sự Đời phải nhằm cứu cánh thức tỉnh vai trò làm chủ của con người, tức là giải thoát con người ra khỏi những ràng buộc tinh thần và vật chất cố hữu, tự tại tiến hóa, tự giác hành động trong ý thức liên hệ tam thể.

Do đó, tác dụng của Đạo pháp là đem con người trở lại địa vị làm chủ, làm chủ bản thân và làm chủ vạn hữu biến sinh.

a. Làm chủ bản thân

Đã gọi là bản thân tức thị là cái Ta. Thế mà xưa nay, oái oăm thay, có mấy ai làm chủ được mình. Bởi vì trong Ta cái Điểm Tiểu Linh Quang được vây bọc nhiều cấu thể từ nhục thể đến thất tình, lục dục, lục căn, lục thức, lục trần, tam thi, cửu cổ. Bao nhiêu thứ ấy tác động từng giây từng phút vào chủ thể là Tiểu Linh Quang. Nếu Tiểu Linh Quang không giữ được địa vị làm chủ thì bản thân sẽ tư tưởng và hành động theo sự sai khiến của các thể ấy. Mà tư tưởng là từ trong nông cạn của lục thức dựa trên biển ảo giai đoạn của lục trần. Mà hành động là hành động thấp hèn nhằm thỏa mãn thất tình, lục dục. Do đó, cuộc sống là cuộc sống thu hẹp cho cá thể, chia cách với tha nhân và đoán kỳ theo hiện tượng trước mắt. Con người sống cho cá thể nhưng đã đánh mất bản thể. Chính bản thể mới là cái vinh diệu cao quý nhất của

con người. Cái bản thể ấy là điểm sáng trong bầu trời rạng rỡ của vũ trụ. Con người thọ nhận được nó vì con người sở hữu đầy đủ bản chất của vũ trụ. Do đó, gọi là con người, là đã sở định cái nhiệm vụ đương nhiên thúc đẩy sự tiến hóa của vạn loài và dưỡng dục quần sinh. Cho nên sống với bản thể là sống trong địa vị cao quý của mình vừa tiến hóa, vừa góp phần vào cuộc tiến hóa chung. Khi ấy, con người trở lại làm chủ tất cả các cấu thể của bản thân là cái guồng máy của tiểu vũ trụ để phục vụ cho sứ mạng vi nhơn. Thế nên Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy:

“Những cấu tử trong bản thể con người, nếu biết sử dụng nó, nó sẽ giúp ích rất nhiều cho người học đạo, hành đạo và đắc đạo. Chủ nhơn ông phải điều khiển, nắm qui luật, hướng dẫn chúng như người cầm lái con thuyền để đưa đến mục phiêu đã định. Nếu người cầm lái thuyền không vững, gặp sóng to gió lớn, thuyền sẽ xiêu dạt vào nơi vô định, có lúc sẽ bị đắm thuyền.”²

Và Đức Vạn Hạnh Thiên Sư cũng từng dạy:

“Cái chinh phục chiến thắng vĩ đại nhất, là cái chinh phục chiến thắng bản thể của con người. Đừng ham hồ nhìn những gì to tát ngoài kia. Thực sự những cái ấy đều chứa trong con người, mà chính con người

² Cao Đài Giáo Lý, Quý Sửu, 1973, tr.14, Đền Tây Thành Thánh Thất 15-4-1970

chẳng hay chẳng biết. Tự chủ được bản thể là tự chủ được thiên hạ. Chinh phục được con người hiện hữu.

*“Đời là thế cộng trù cũng thế,
Trở day rồi, dâu bể cũng rồi.”*

Con người càng vùng vẫy càng sa lầy, cho đến cuối cuộc đời nhìn lại thấy toàn là một chuỗi trở xoay đốn đở thụ động. Con người cảm thấy mỗi mết, chán nản và cũng không tìm thấy chút gì ý nghĩa trong cuộc sống.

Vậy thì Đạo pháp làm sao giải thoát con người khỏi xa lầy và tìm thấy ý nghĩa của kiếp vi nhơn.

Đạo pháp dạy rằng:

*“Dầu thế lộ gập ghình trở ngại,
Đã làm người lòng phải dạn lòng;
Cõi đời vạn hữu sắc không,
Chẳng chi tồn tại mà mong giữ gìn.
Có cái có trong tình Tạo Hóa
Không là không đạo cả hiện hành
Biết đường sanh diệt, diệt sanh,
Hườn nguyên bản bốn nhọc nhàn chi con”³*

Đó là Đạo pháp ban cho con người cái minh triết: “Mọi giả cảnh hữu hình hữu hoại, để nhận chân một thực thể trường tồn” hầu nắm lấy nó ứng biến với hình danh sắc tướng. Lúc ấy con người sẽ mượn cuộc đời làm lò tôi luyện chơn tánh để trở nên ngọn kiếm

³ Vô Cực Từ Tôn, Đàn Cơ Quan, 19-1-1977

thần vệt ngút vô minh xử thế cho sạch nợ nần quá khứ, sống vô ngại cho hạnh phúc hiện tiền, xây móng nền cho tương lai tiến hóa. Ấy là “tá giả luyện chơn”, không mê theo cái giả mà làm chủ nó, là chinh phục được vũ trụ trường tồn.

Đừng lo, cái không đáng lo, đừng nghĩ cái không đáng nghĩ. Hãy bước thẳng và nhìn vào Thiên Tâm bản thể”⁴

Như thế, chúng ta thấy rằng Đạo pháp thức tỉnh con người trở lại làm chủ bản thân chính là giải thoát con người khỏi vô minh để bản thể linh quang soi sáng. Con người sẽ trở nên tự do và sáng tạo. Con người lúc ấy mới sống hạnh phúc và tiến hóa, đồng thời góp phần vào hạnh phúc và tiến hóa của nhân loại.

b. Làm chủ vạn hữu

Con người đứng giữa thế gian là đứng giữa cuộc sinh diệt, biến hóa không ngừng. Bao nhiêu biến đổi vô tình là những lượn sóng thần lay động mãi chiếc thuyền nhân thế. Đó là luật tuần hoàn tự nhiên của trời đất, dù muốn dù không ai đã làm người đều thọ lãnh. Nay là nay còn mai mất, nay là gian khổ mưu sinh, nay là nhân tâm đen bạc. Ấy là thiên ma bách chiết khiến con người cười khóc ngổ ngang. Cố nắm giữ, lại luân hồi mất mát, cố tranh đua thì phiền não

⁴ Đạo Học Chí Nam, tiết II, mục 3, tr.24

chất chòng. Bởi quán xét nó, sử dụng nó cho cứu cánh. Do đó, Đức Chí Tôn đã phán: “*Vẫn biết thế gian là bể khổ sông mê, nhưng chính thế gian lại là một chốn học đường của muôn loài vạn vật. Nhờ học đường ấy mà muôn loài vạn vật mới mở mang trí hóa, sáng suốt tinh thần, để tiến bộ trên nấc thang cao thượng.*”⁵. Ấy là con người biết làm chủ vạn hữu, vạn tượng. Tức là:

*“Tâm linh bất động không mê muội,
Tánh hải huyền trâm đắc sở sanh
Mộng huyền vô thường nào tí gợn,
Lòng tay nắm trọn: sắc, thanh, danh.”*⁶


“Lòng tay nắm trọn: sắc, thanh, danh” thì hành giả là Chủ hơn ông “**độc lập nhi hành**”. Ngoại cảnh đã trở nên vô ngại với người thọ **đạo pháp**, hành giả hòa mình vào thế giới hiện hữu, **ứng biến Thế Đạo** bằng công cụ hình danh. Thế là tâm vật bình hành giải quyết cuộc nhân sinh. Hành giả ung dung, vào ra thế tục xây dựng đời Thánh đức.

Để tóm tắt tác động của Đạo pháp vào con người và nhân sinh, chúng tôi xin quý vị theo dõi sơ đồ sau đây:

ĐẠO PHÁP	
Bản Thân	Vạn Hữu (vạn tượng cuộc đời)

⁵ Đại Thừa Chơn Giáo, mục Tham thiền nhập định – tr.40

⁶ Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chỉ Nam, tiết III

Giải Thoát	Độc Lập nhi hành
Tự do + Sáng tạo	Thể dụng ứng biến-Tâm vật bình hành
Hành giả	Nhân sinh
	

2. Hệ luận về vai trò của Đạo pháp

Từ những ý thức về vai trò của Đạo pháp đối với Đời hay nhân sinh như trên chúng ta có thể rút ra những hệ luận chủ yếu sau đây:

a. Con người về vũ trụ

- Con người với vũ trụ vốn đồng một bản thể.
- Con người ý thức được tự thể của mình thì có được cái vinh diệu của vũ trụ đồng thời tự chủ góp phần vào cơ tiến hóa chung hay lá sứ mạng vi nhơn.
- Vận động được linh quang bản thể thực hiện được cái mốc nổi con người vào vũ trụ là đem đạo pháp vào mọi nhận thức và hành động của con người. Do đó, nếu nhận thức của con người về vũ trụ là khoa học thì mọi nghiên cứu và phát sinh sáng tạo của khoa học phải nằm trong quy luật của vũ trụ hay nằm trong Đạo pháp.

“Khoa học mà đi ngoài Đạo pháp sẽ đưa đến một tàn hại to tát cho tâm linh và đời sống nhân sinh.”⁷

Do đó, Đạo phụng sự Đời là dùng Đạo pháp bảo tồn sự tiến hóa của nhân loại. Sự

tiến hóa mặc nhiên đã có, Đạo pháp chẳng cần làm việc của thế nhân. Nhưng thế

nhân tiến đến chỗ sống hay chỗ chết là do nơi còn giữ lấy đạo pháp hay không.

b. Con người và nhân sinh

Con người ở giữa nhân sinh là ở giữa trường tiến hóa nhân sinh, là cuộc trui rèn để bước lên nấc thang cao hơn ở tương lai, đồng thời là môi trường phụng sự.

Ý thức như thế thì con người làm chủ cuộc đời, phá vỡ mọi ảo giác, vượt ra ngoài ngã chấp, đem bản thể hòa hợp sinh động vào nhân sinh.

Như thế, trước hết đạo pháp giải thoát cá thể con người ra khỏi con người nhỏ hẹp của nó nhưng lại đặt con người vào môi trường sống của nó. Vì Đạo pháp chỉ còn nguyên là Đạo pháp khi nào nó vẫn duy trì được sự sống toàn vẹn. Nghĩa là không phải nó chỉ biết đến tâm thức mà còn phải hoàn mỹ mọi hoạt động của đời sống xã hội. Có thể Đạo pháp mới là

⁷ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư - Đạo Học Chỉ Nam

chân lý luôn luôn thỏa ứng được mọi sinh hoạt chân chính của con người.

Khuyh hướng tự nhiên của con người đối với nhân sinh là chính trị. “Chính trị mà đi ngược lại Đạo pháp thì sẽ đưa đến sự bảo thủ ích kỷ và phân tranh. Tất cả mọi mưu lược, mọi sáng kiến phải nhằm mục đích ổn định sinh hoạt xã hội, phải dung hòa các giai tầng quốc gia dân tộc”(Vạn Hạnh Thiền Sư)

Vậy Đạo phụng sự Đời là giúp đời ổn định sinh hoạt con người trong trật tự. Trật tự vốn là biểu hiện của Đạo. Đại Đạo đem mọi đối tượng vào trật tự là hành pháp. Đời loạn hay trị là do có Đạo pháp hay không.

3. Con người và Đạo pháp

Đạo pháp là phương thuốc thần đối với nhân sinh. Nhưng không phải con người chỉ biết có Đạo pháp thuần túy và phé bỏ khoa học chính trị mà đạt đích. Phải hiểu Đạo pháp vốn tự nó đã bao gồm các lãnh vực trên. Đạo pháp là khoa học và chính trị tuyệt đối. Cho nên khoa học và chính trị chân chính tự nó là Đạo pháp đem đến tiến bộ và hạnh phúc cho nhân sinh.

Luyện mạng: là đem yếu lý Kiền Khôn của Trời đất mà vận hành nhân thân tiêu vũ trụ để giữ gìn và phát huy được thần khí là chơn mạng trường tồn, là năng lực dung thông vạn thể và phối kết với Hóa Công.

Đó là sống trong quy luật của vũ trụ và theo qui luật của vũ trụ mà định an thiên hạ. Ấy là:

*Vũ trụ bao la cái sắc không
Tạo nên vạn vật lẽ tương đồng;
Ba nghìn thế giới qui tam bửu,
Chín cõi ta bà hiệp nhất tông
Yếu lý Kiền Khôn cơ biến dịch
Nhiệm mầu Tạo Hóa thể dung thông
Kẻ Trời, vạch đất chi cho nhọc,
Cái, cái, người người vốn ở trong.*

III. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI VỀ “ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI”

Trên kia chúng tôi đã trình bày rằng: Đạo phụng sự Đời tức là Đạo pháp thức tỉnh vai trò làm chủ của con người. Làm chủ tức là đã tự do - Tự do tức là đã được giải thoát. Theo Đạo Cao Đài, đường lối giải thoát của người tu là Thiên Đạo. Thực hành Thiên Đạo trong xã hội là sứ mạng Đại Thừa. Vậy Đạo Cao Đài phụng sự đời là thi hành là **Sứ mạng Đại thừa**.

Sứ mạng Đại thừa là gì? - Là tự độ và độ tha. Tự độ là “*Tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc vĩnh cửu cho nhơn loại*”. Độ tha là: “*Khi nhận thức được chân lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo (trong một quốc gia) để khai phóng con đường **hồi sanh giác ngộ**.*”

1. Tự mình thể nghiệm trước là thực hành Thiên Đạo cho bản thân. **Đó là song tu Tánh Mạng.**

Tu Tánh là tự “giải thoát hết mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhơn, chấp pháp, chấp đạo, tất cả đều “không”. Nhờ thế con người sẽ an nhàn tự tại, sống trên nệm gấm chần êm mà xem như ngồi giữa cỏ bò uống nước suối trong. Ở vào nghịch cảnh mà bình tâm sáng suốt giải quyết mọi sự êm đẹp như rồng mây cá nước. Ấy là tự do tiêu sái và sáng tạo tuyệt vời là hạnh phúc giữa trần ai và an nhàn tiến hóa.

Giác ngộ Đạo pháp ấy là đem Đạo vào Đời, đem Tâm vào Vật, Thể dụng kết liên vận chuyển hình danh sắc tướng vào pháp luân mà cứu rỗi chúng sanh. Đó là Tâm Vật bình hành, người sứ mạng Đại thừa mượn thế ấy mà hòa mình vào xã hội nhân loại, sẽ thực hiện một cuộc sống ung dung, tự do, tự tại. (Thánh ngôn Đức Quan Thế Âm Bồ Tát)

2. Nhờ kết quả của song tu tánh mạng mà hành giả thực hành Thiên Đạo trong xã hội, tức là khai phóng con đường hồi sanh giác ngộ cho nhân sinh. Kết quả ấy chính là **Đạo pháp của người ngộ nhập huyền môn.**

Đạo pháp ấy “*Vất bỏ hết những thấy, nghe, hiểu, biết theo thế sự thường tình thì minh linh phát hiện, soi sáng tất cả chướng ngại trong pháp giới chúng*

sanh để phá tan màn đêm lục thức cho chúng sanh hồi đầu bĩ ngạn (thị ngạn). ”⁸

3. Còn đối với toàn thể tôn giáo Cao Đài, nếu tôn giáo này thực hành Thiên Đạo Đại Thừa, hay là Đạo phụng sự Đồi, thì tôn giáo này cũng phải ý thức như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Thái Bạch Kim Tinh:

*“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành **thực thể Đạo Cứu Thế** trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.... Ngòi gà trong quả trứng không là tròng trắng hay tròng đỏ. Quyền pháp mà Thầy đã ban không là Tôn giáo này hay Tôn giáo khác... Quyền pháp Đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể nhân loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người.. Muốn được vậy, chư đệ muội phải làm sao, làm thế nào để phát huy quyền pháp được đặt để”.*

Như thế, người Đạo Cao Đài trong khi phụng hành Thiên Đạo trong xã hội, vẫn luôn luôn nhớ rằng vừa phụng sự Đồi, vừa phát huy quyền pháp để thực hiện cái thực thể “Đạo cứu thế”bất phân tôn giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì mới có sức “Bảo sanh nhân nghĩa đại đồng”, giải

⁸ Thánh ngôn Đức Bồ Tát

quyết toàn diện cá thể con người và cứu rỗi toàn thể nhân loại (Do đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không riêng chỉ là Đạo Cao Đài).

4. Đạo phụng sự Đời trong khuôn khổ Quyền pháp như thế mới thực hiện được cái thế pháp mà chúng tôi tạm gọi là **“Thế pháp Đại Thừa”**.

Đã nhận thức sứ mạng Đại Thừa để phụng sự Đời, người tín hữu Cao Đài lại phải nhận thức rằng Sứ mạng Đại thừa là thực hành Quyền Pháp và nằm trong Quyền Pháp của Đức Chí Tôn.

a. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư giải nghĩa Quyền Pháp như sau:

“Quyền là hình thức thể hiện cái PHÁP trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân. Quyền pháp tương đồng, tác động con người và vạn vật, tha nhân và bản ngã. Có quyền không pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc làm u tối. Có Pháp ắt sẽ có quyền. Quyền pháp là khả năng giáo hóa.

*Như thế, mang Đạo vào Đời là thực hành Quyền pháp. Có thực hành quyền pháp là Đạo pháp mới không “bị rơi vào giả tưởng, rơi vào hư không; hoặc quẩn quanh trong bốn bức tường của tôn giáo, trong tín ngưỡng từ xưa tới nay”.*⁹

⁹ Vạn Hạnh Thiên Sư, Đạo Học Chí Nam

Và quyền pháp là tác động đồng loạt của Đạo pháp phát xuất từ Trung tâm vũ trụ thúc đẩy dây chuyền và chuyển tiếp từ cá thể này đến cá thể khác cho đến khi bao trùm tất cả quần sinh.

b. Thế nên người hành sứ mạng Đại thừa phải biết rằng mình là kẻ làm cái gạch nối giữa nhân sinh và Thượng Đế. Vẫn biết mình là “Thiên hạ tối linh” nhưng nếu cứ “độc thiện kỳ thân” thì chớ mong thọ nhận **quyền pháp** và chẳng bao giờ hành tròn Thiên Đạo. Do đó, đã đành có **sứ mạng** nhưng sứ mạng chỉ là quyền phóng ra từ pháp. Không có pháp thì không còn sứ mạng.

Thế Pháp Đại Thừa là gì? Là cái mạng lưới Đạo pháp tạo ra từ Đức Chí Tôn, tác động lên

mỗi cá thể nhân sinh. Một cá thể nhân sinh nào do đó giác ngộ, tiến hóa lên và tác động vào nhân sinh khác, cứ thế từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ Thượng Đế Chí Tôn cho đến Phật Tiên Thánh Thần, các giáo chủ, các sứ giả các bậc hướng đạo liên kết thành cái thể pháp tận độ quần linh mà giữa thời hạ ngươn này cái thể pháp ấy hiển lộ rõ ràng và được vận động mãnh liệt vô cùng. Ấy là vận dụng quyền pháp vậy.

IV. KẾT LUẬN

Với tất cả những ý thức về Sứ mạng Đại thừa, và khuôn khổ quyền pháp nói trên, người

tín hữu Cao Đài quán xét thế gian thì nhận định ngay rằng: Sống giữa nhân sinh chính là đang ở trong một trường thi công quả. Các nhiệm vụ làm người đương nhiên phải có, đường lối như thế nào thì nhắm Thiên Đạo mà đi, phương cách ra sao hãy dùng quyền pháp mà thực hiện. Đó là phương châm của bậc Thiên ân hướng đạo. Nếu đại chúng hóa ra thì ta có thể hiểu công quả theo Thiên Đạo là:

- *“Công quả xuất phát từ lòng tự giác, tự nguyện và thiết tha với nó, là nguồn sống của đời người, như cơm ăn nước uống, hơi thở, áo mặc, nhà ở và lương được trị bệnh.”*¹⁰

*“Một lời nói hữu ích sẽ cứu mạng người không cần đến quyền lực của cải, Một lời nói phải thời đúng lúc sẽ thay đổi một cuộc diện vĩ đại. Một cái nhìn sẽ gây được bao nhiêu thiện cảm, thành được đại sự.”*¹¹

Còn công quả trong quyền pháp là: *“Công quả không phân biệt, không ngăn cách vì giá trị hình thức của nó, và phải trường lưu bất tận. Có như vậy, việc làm mới được đến nơi, đến chốn, tôn chỉ và mục đích mới được đạt thành, gia đình mới được yên vui, quốc gia mới được phồn thịnh, nhân loại mới được thái hòa, mà nhứt là bản thân mới được yên ổn, chớ không phải vì ngoại cảnh thúc giục mà làm nhứt thời hay*

¹⁰ An Hòa Thánh Nữ

¹¹ Vạn Hạnh Thiền Sư

trong một giai đoạn nào đó chưa thể gọi là công quả.”¹²

Và công quả trong quyền pháp là “Đạo giúp đời không tách rời đức bác ái, tình thương cho thật thương yêu thì không luận là đối với giai cấp nào hoặc tổ chức nào, cũng như cá nhân nào... Tình thương không riêng đối với kẻ thông minh, mà còn thương luôn với kẻ ghét mình, để tìm cơ hội cảm hóa họ trở lại đường thiện lương chân chính.”¹³

Đó là công quả hay Đạo phụng sự Đời trong Thiên Đạo và trong Quyền Pháp. Thứ Đạo ấy, Quyền pháp ấy người tín hữu Cao Đài không phải tìm đâu ra mà hằng ngày vẫn gắn gũi trong bài kinh nhật tụng: “*Biển trần khổ vơi vơi trời nước....*”

Nam mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,

Vì đời nào ngại chông gai dữ lành.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh

Quyết đem hoằng giáo Đạo lành giáo dân.

Tam nguyện tha tội bản thân,

Khoan dung phá chấp cõi trần vô minh.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình,

¹² An Hòa Thánh Nữ, TGST 68-69, tr.67

¹³ Vạn Hạnh Thiền Sư, TGST 68-69, tr.224-232

*Tịnh tâm chế động muôn nghìn trái oan.
Ngũ nguyệt Thánh Thất bằng an
Hai ngày sóc vọng dâng đàn thuyết minh.
Trấn an tâm đạo nhân sinh
Vai trò un đức đức tin đạo đồng./.*

CHƯƠNG BA

Đạo - Đức tin

THỰC THỂ ĐẠO CỨU THẾ KỶ BA



Từ thuở hoang sơ của địa cầu, loài người đã trải qua nhiều nổi hãi hùng do biến động của thiên nhiên đất trời, nên nảy sinh tín ngưỡng mộc mạc, tôn thờ những sức mạnh vô hình. Dần dần theo đà phát triển của sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng đa thần xuất hiện. Từ đó, nhiều hình thức, nhiều nghi tiết bày tỏ đức tin đã hình thành đa tạp tùy theo tâm thức hướng về thần linh của mỗi bộ lạc, mỗi sắc tộc. Kỳ thị, mâu thuẫn, chiến tranh cũng phát sinh từ đó.

Rồi theo đà tiến hóa, văn minh, tín ngưỡng tâm linh cũng phát triển, định hình, tổ chức thành tôn giáo; tôn giáo của mỗi dân tộc có xuất xứ riêng, có giáo chủ và nền giáo lý đặc thù. Lịch sử càng lâu dài, tính đặc thù càng sâu sắc, dị biệt càng nặng nề gây ra đổ kỵ, phản bác lẫn nhau, dẫn đến, chiến tranh hay khủng bố...tạo nên bộ mặt đen tối của tôn giáo thế giới.

Tuy nhiên, đồng thời, tôn giáo đã chuyển từ tín ngưỡng đa thần đến độc thần, dần dần bỏ lại phía sau bối cảnh đa thần huyền hoặc. Một vị Thần tối cao bắt đầu ngự trị trong các đền thờ và trong đức tin của tín đồ. Với đức tin đó, các bậc lãnh giáo bắt đầu tìm thấy điểm đồng nhất trọng yếu, phổ quát giữa các tôn giáo độc thần. Đó là đức Jehovah, đức Allah, đức Ngọc Hoàng Thượng Đế... Nhưng những danh xưng ấy vẫn còn có thể bị phân biệt bằng nhận thức cá nhân hay giáo thuyết khác nhau.

Do đó, qua thần học và đạo học, người ta nhận thức những quyền năng siêu màu của các Đấng ấy mới phát hiện sự tương đồng thực sự giữa các tôn giáo chân chính. Nên, hàng tín hữu xung tụng các Ngài bằng các danh hiệu chung như Chí Tôn, Đại Từ Bi, Cha Lành, Tạo Hóa, Chúa Tể Càn Khôn, Thiên Đế, Chúa Cha...

Mỗi dân tộc một lịch sử, một phong tục tập quán, một dân tộc tính, cộng vào hệ thống kinh điển vào giáo lý mỗi tôn giáo, vào phương cách hành đạo, hành

lễ, khiến cho chỉ với đức tin đồng nhất nơi Đấng Tối Cao của cả nhân loại không thể xóa bỏ ranh giới giữa các tôn giáo. Từ đó, các vị Giáo chủ đề ra chủ thuyết “Huynh Đệ Đại Đồng”, và đi tìm đường lối xây dựng một Tôn giáo toàn cầu hay Phổ quát ngõ hầu cứu độ nhân loại.

Sau đây là trích dẫn bài diễn văn của Ông S.N.Goenka vào thứ ba, ngày 29 tháng 8 năm 2000 tại Đại sảnh đường Liên Hiệp Quốc cho những người tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên về Hòa bình Thế giới: *“Khi nào có bóng tối thì cần đến ánh sáng. Ngày nay, với rất nhiều đau thương gây ra bởi xung đột tàn khốc, chiến tranh và đổ máu, thế giới rất cần đến hòa bình và hòa hợp. Đây là một thử thách lớn lao cho những nhà lãnh đạo tôn giáo và tinh thần. Chúng ta hãy chấp nhận sự thử thách này...”* Khoảng 2300 năm trước đây Ashoka Đại đế trị vì một đế quốc trải rộng từ Afghanistan tới Bangleadesh. Trong thời gian trị vì, vị vua nhiều từ tâm này đã cho khắc nhiều châm ngôn vào bia đá, nói rằng mọi tín ngưỡng cần được tôn trọng; và kết quả là tín đồ của mọi truyền thống tâm linh cảm thấy được an toàn dưới sự trị vì của Ngài. Ngài đòi hỏi dân chúng phải sống một cuộc sống đạo đức, kính trọng cha mẹ và bậc trưởng thượng, và tránh sát sinh. Những lời của Ngài cho tới ngày nay vẫn còn phù hợp: “Ta không nên chỉ tôn vinh tôn giáo của mình và lên án tôn giáo của những người khác. Trái lại, ta phải tôn vinh những tôn giáo khác vì nhiều lý do khác nhau. Làm như vậy ta giúp

tôn giáo của mình phát triển đồng thời cũng giúp cho tôn giáo của người khác. Nếu làm ngược lại, ta đào hố tự chôn tôn giáo của mình và đồng thời cũng làm hại các tôn giáo khác.

Những ai tôn kính tôn giáo của mình và đả kích những tôn giáo khác có thể vì lòng tôn sùng tôn giáo của mình, nghĩ là, “Tôi sẽ làm tôn giáo của tôi được vinh quang”, nhưng hành động này làm tổn thương tôn giáo của người đó rất nhiều. Đồng thuận bao giờ cũng tốt. Mọi người hãy lắng nghe và sẵn sàng lắng nghe giáo lý của người khác. (Bia Đá số 12) (S.N. Goenka: Tâm linh phổ quát cho Hòa bình)

Nhưng, theo giáo lý Đại Đạo từ khi Đại Đạo TKPD khai minh, một tôn giáo mới thứ một ngàn lẻ một không phải là mục tiêu cuối cùng nhắm đến Đạo Cứu Thế cho thời đại này. Đó phải là một “Thực Thể Đạo Cứu Thế”. Nguyên nhân vì: “Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là “Đạo”, là “Tôn giáo cứu thế”. Vì lẽ đó Đại Từ Phụ mới ban quyền pháp. Quyền pháp là “Thầy”, là “Đạo”, là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh đức sau Hội Long Hoa.”

“Trong hiện tình nhân loại phân tranh chiến đấu, đó chính là sở vật thực tại đang biến dưỡng. Một là nếu như quả trứng không ngòì, thế giới này sẽ tự hủy diệt. Hai là nếu có điểm quyền pháp thì thế giới này sẽ tạo một thiên đàng thuần chánh. Con gà chỉ là con gà sau khi tự phá vỡ vỏ trứng. Thế giới này cũng thế. Hãy suy gẫm! Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng

Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo cứu thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy. Bản Đạo (Đức Lý Giáo Tông) đã nói: Quyền pháp là Thầy, là Đạo. Nhắc lại - Đạo chứ không là tôn giáo.

Nếu không làm được đông thành xuân, phạm tục thành Tiên Thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được quyền pháp đó. Quyền pháp đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể Nhơn loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cả thể con người.

Chư hiền đệ muội nên nhớ rằng: Nếu một quyền pháp, một phương thuốc trị dứt căn bệnh của dân tộc, giải thoát sự hủy diệt của dân tộc này thì sẽ giải thoát được sự hủy diệt cả thế giới. “Bảo sanh, nhân nghĩa, đại đồng”- Lý thuyết là một lẽ mà quyền pháp có hay không để thực thi là một điều khác. Như vậy, điều kiện bức thiết nhất để xây dựng “Thực thể đạo” thực tiễn cứu độ chúng sanh là chính mỗi tín đồ, mỗi tôn giáo phải thực hành tinh hoa của tôn giáo mình sao cho điểm Đạo nội tâm được sáng tỏ, tiếp nhận được Thượng Đế nội tại. Muốn vượt qua những vấn nạn thời đại, cũng là vấn nạn của tôn giáo nói chung, người hành giả, bậc lãnh đạo phải nhớ lời cảnh báo của Đức Chí Tôn: *“Từ thuở khai Thiên tịch Địa sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu đạo khai*

trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua, đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.”

“ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT CỦA VẠN LINH SANH CHÚNG”

Song song với lịch sử nhân loại, các tôn giáo lần lượt ra đời trên khắp thế giới do tín ngưỡng tự nhiên và đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người. Đối diện cuộc sống thực tế của thế gian trong những thời kỳ đen tối do chiến họa, thiên tai, thù hận, gây ra thống khổ cho nhân sanh, các bậc Giáo chủ động lòng từ bi, lập nên các giáo thuyết, truyền bá đạo lý hầu phục hồi lương tâm con người và chấn chỉnh kỷ cương xã hội.

Trước bao nhiêu nguy cơ đe dọa đời sống, con người đón nhận các tôn giáo như cứu tinh và suy tôn các Giáo chủ là Đấng cứu thế. Đó là lẽ đương nhiên, cũng là cơ hội để các tôn giáo cứu đời.

Tuy nhiên, với mặc cảm tội lỗi và tự ti trước thần quyền, người đời trở nên thụ động, tiêu cực, mãi lo cầu xin cứu độ mà vô tình đánh mất bản vị cao quý của mình trong trời đất. Thế nên, người tín hữu bình thường sẽ lần quần trong cái đạo nhất thời, không ý thức cái Đạo vĩnh cửu là con đường tiến hóa miên viễn của chúng sanh. Nên, đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn khai Đạo để chỉ cho chúng sanh con đường chánh đạo đó. Ngài dạy:

“Từ thuở khai Thiên tịch Địa sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua, đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.”¹

I. Đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay đạo khai trong cơ biến dịch đất trời

Suy ngẫm kỹ câu thánh ngôn trên của Đức Chí Tôn, chúng ta hiểu Thầy ám chỉ nhận thức thông thường của người đời về “đạo” tức là tôn giáo. Trong lịch sử nhân loại, tôn giáo đã xuất hiện vào nhiều thời kỳ và mục đích chung của các tôn giáo là “cứu thế”.

— Trước hết cần ôn lại định nghĩa tôn giáo là gì? Tôn giáo có rất nhiều định nghĩa, ở đây chúng ta định nghĩa theo hướng “tôn giáo cứu thế”. Cứu thế là cứu đời, cứu người đời ra khỏi cuộc sống đau khổ do nhiều nguyên nhân, nói chung là do đạo đức suy đồi. Vậy cứu đời là xây dựng lại một xã hội đạo đức bằng cách dạy con người sống có đạo đức.

¹ Ngọc Minh Đài, Tuất thời 29 tháng chạp Bính Ngọ (08-02-1967)

Thánh nhân lập giáo vì đời hỗn loạn, trị loạn bằng cách dạy con người gìn giữ tam cương ngũ thường, trị cái loạn của bản thân mình. Đó là cách cứu thế của đạo Nho.

Đức Phật lập đạo cứu khổ cho con người bằng cách dạy con người giác ngộ, diệt vô minh của bản tâm mình.

Đức Chúa mở đạo vì thế gian thiếu tình thương, đạo Chúa cứu thế bằng cách dạy con người đức hy sinh và đức tin nơi Thiên Chúa.

Do hoàn cảnh lịch sử xã hội, do đời sống thực tế có nhiều bất trắc khôn lường, con người xưa nay đón nhận các đạo giáo như cứu tinh đến an ủi tâm hồn và giải quyết nhu cầu tâm linh tại thế gian. Đó là lẽ đương nhiên tương đối mà con người hiểu đạo với trình độ tiến hóa hiện tiền của mình.

Bước qua Tam Kỳ Phổ Độ, sự xuất hiện một tôn giáo mới như đạo Cao Đài, nhân sanh đều nghĩ rằng đây là sự mở đạo cứu đời như nhiều đạo khác trước đây trong bối cảnh xã hội loạn lạc nhiều như ở đầu TK.20 tại Việt Nam. Nhưng điều ít ai biết được là:

*“Người những tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương!”²*

² Vạn Hạnh Thiền Sư, Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, Tuất thời, mùng 7 tháng 3 Giáp Dần (30.3.1974)

III. Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng.

Xưa nay hiểu đạo như trên không phải là sai, nhưng Thầy muốn nhân sanh hiểu đạo với ý nghĩa phổ quát hơn là đạo khai để đối trị những thời kỳ hỗn loạn hay đất trời biến dịch. Tuy các tôn giáo thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau nơi mỗi dân tộc, đất nước khác nhau, phong tục tập quán đa dạng, nhưng tựu trung đều nhằm giác ngộ tâm linh. Tâm linh là chỗ vượt ngoài đôi đũa, sắc phách hay không gian thời gian. Tâm linh đồng nhất nơi mỗi chúng sanh. Nhưng giác ngộ không chỉ để nhận chân lẽ biến dịch vô thường tại thế gian; giác ngộ để thấy và đi trên con đường tiến hóa. Con đường tiến hóa này là con đường duy nhất nên nó là Đạo.

Thế nào là con đường duy nhất? Chúng sanh căn trí vô lượng, tôn giáo gồm vạn giáo, làm sao để đi trên con đường duy nhất? Con đường duy nhất ấy bắt đầu từ đâu và đích điểm là nơi nào?

“Con đường duy nhất từ Thầy ban phát đến thế gian...”

Rõ ràng con đường này là con đường tiến hóa tâm linh. Vì Thầy là Bản thể tâm linh của vũ trụ, là Bản thể Đại Linh Quang. Thầy “ban phát” ở đây là ban phát điểm linh quang cho chúng sanh. Cho nên từ ngay mức “khởi hành”, chúng sanh đã có sự đồng nhất nơi tự thể. Bất cứ pháp môn tu tập nào muốn đạt

được cuộc tiến hóa tâm linh, phải vận dụng tự thể đồng nhất này có hiệu quả, vì không thể có tự thể nào khác hơn là tự thể do Thầy ban phát. Do đó con đường tiến hóa đích thực đương nhiên là con đường duy nhất. Kinh điển, pháp môn các tôn giáo gọi là Chánh đạo hay Chánh pháp. Vì chánh chỉ có một, còn tà thì vô số.

Tuy nhiên, Chánh đạo chỉ được xác minh khi nào nó dẫn đến cứu cánh “trở lại cùng Thầy”. Vì nếu nó xuất phát từ Bản thể đồng nhất, nó phải là con đường duy nhất, cuối cùng mới kết chung nơi Bản thể từ khởi thủy.

1. Chỉ còn một nghi vấn nêu lên: liệu có tôn giáo nào không chấp nhận sự hiện hữu của “Thầy”- Đức Chí Tôn Thương Đế - thì dựa vào đâu làm cứ điểm cho “con đường duy nhất”? _ Xin hãy an tâm, Thầy đã trả lời giúp chúng ta: “Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi!”. Như thế Thầy đã tự đồng nhất với Bản thể hư vô, và Bản thể hư vô lại đồng nhất với Đạo.

2. Lại hỏi: Có phải Đạo vừa là “con đường”, vừa là “Bản thể”? _ Thầy đã dạy tiếp: *“Nên chi, trong thời kỳ Hạ Nguơn, chính mình Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thân hồn những điểm linh quang Thầy đã cho đến trần gian trở về khối Đại linh quang.”*

Nghiên cứu thánh ngôn trên, chúng ta thấy Thầy đã dạy rất rõ ràng sự đồng nhất giữa “đường Đạo”(Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thể gian để dẫn dắt thấu hỏi những điểm linh quang Thầy đã cho đến trần gian) và “Bản thể”(trở về khối Đại linh quang)

Tóm lại, giáo lý Đại Đạo đã xác minh Bản thể của Vũ trụ vạn vật là Đại linh quang, hàm tàng Thượng Đế hữu ngã, Thương Đế vô ngã, Chúng sanh, Con đường tiến hóa tâm linh của chúng sanh. Nói chung là Đại Đạo.

IV. “Từ thể gian các con trở lại cùng Thầy” là Đắc Nhất

Theo thánh ngôn của Thầy, kết thúc con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng là “trở lại cùng Thầy”. Câu nói tuy đơn giản, nhưng nó đã hoàn thành một qui luật, từ đó chỉ ra Nguyên lý nhất quán toàn bộ Cơ Tiến hóa trường lưu của vũ trụ vạn vật mà các Đấng gọi là Thiên cơ. Đó là Nguyên lý Đắc Nhất hay “Được Một”

_ Khi Thầy gọi nhân sanh là “các con” tức đã nhìn nhận nhân sanh đồng một thể với Thầy._ Khi nói “trở lại” tức quay về nơi đã ra đi, vậy khởi thì, kết chung là Một _ “cùng Thầy” tức hiệp Một với Thầy.

Nguyên gốc là Thầy, cứu cánh cũng là Thầy, vậy Thầy là Duy nhất tối thượng vĩnh cửu.

— Bản thể Đại Linh Quang là Thầy, Thái cực hóa sanh là Thầy, “Thường thi thần giáo dĩ lợi sanh” là Thầy. Thầy là Bản thể, là Chủ thể sanh hóa dưỡng dục quần sanh. Thầy vừa Động, vừa Tĩnh, vừa sanh hóa, vừa làm cho tiến hóa. Tất cả đều thuộc về một Ngôi, Hữu Ngã là Thái Cực Thánh Hoàng, Vô Ngã là Đạo. Đạo hay Đại Đạo chỉ có Một.

Đức Vân Hạnh Thiền Sư dạy:

“Nầy chư đạo hữu! Tất cả các pháp biến hiện trên đời đều do vạn duyên mà khởi, từ cái to rộng bao la cho đến nhỏ như hạt vi trần cũng vẫn có nhân duyên để duyên để khởi sanh vạn pháp. Vì thế mà Đức Đạo Tổ Lão Quân chỉ dùng có hai chữ “Đắc nhất” để thành đạo. ĐỨC THÍCH CA NHƯ LAI chỉ dùng một câu “Phản Bản Hoàn Nguyên” để chứng kim thân chánh đẳng chánh giác. Hai bậc Đạo Tổ đã từng quán triệt chỗ hư linh để xả vạn duyên mà đắc pháp, đó cũng là thực sự chứng minh cho hậu thế tìm đường giải thoát “liễu tử siêu sinh.”³

Vậy Đắc Nhất hay Được Một cũng là Nguyên lý để thực hành con đường Phản bản hoàn nguyên, đồng thời là Nguyên lý của Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

— Về con đường Phản bản hoàn Nguyên, Thầy từng dạy:

³ Vân Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, mừng 7 tháng 5 Quý Sửu (07.06.1973)

“Các con, hay nói chung là nhân loại, những hột giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền tạo hóa, để lập thành cuộc ngự trị cõi thế gian, mà các con gọi là đời. Mọi sự vật trên đời, nguyên nhân là Lý, là Đại Đạo, là Thầy, là Cha chung của vạn loại. Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực.”⁴

Về Sứ mạng ĐĐTKPĐ, Chu Tiên Bối Lương Đài dạy:

*“Một ánh linh quang tỏa khắp cùng,
Khai Minh Đại Đạo gọi nhuần chung,
Soi đường chánh giáo kỳ ngươn hạ,
Mở lối tiên thiên buổi cuối cùng.
Đem mảnh can tràng làm đuốc tuệ,
Một dòng chơn lý định thời trung.
Dầu cho sứ mạng sau hay trước,
Hãy nhớ Thiên ân thuở chín trùng.”⁵*

V. Sứ mạng của vạn linh đang đi trên con đường duy nhất

1. Sáng suốt tìm hiểu lẽ sống còn

Hỡi các con! Hãy cố tìm sự sáng suốt Thầy đã ban cho mỗi trẻ từ Bạch Ngọc Kinh đến đây để suy đoán

⁴ Đức Chí Tôn, Minh Lý Thánh Hội, 9 tháng 1 Mậu Thân (07.02.1968)

⁵ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm 10 Kỷ Mùi (04.12.1979)

kiếp sanh tồn của con, và con nắm vững sự sáng suốt ấy để châu Thầy hằng bữa đang ngự trị nơi lòng con, thì dầu cho bao nhiêu biến trạng cũng không làm con lạc đạo xa Thầy. [...]

2. Sửa mình tu tâm luyện tánh

*Các con tìm đến với Thầy để học đạo như hiện trước đây các con sẽ về châu Thầy thì đạo ấy là Thầy và các con; các con cần nên sửa mình tu tâm luyện tánh, diệt hết lục dục thất tình, để yên lặng mà trông thấy đạo, mà hành đạo và trở lại Thầy, như Hạ Thu, Đông đã mãi là mùa Xuân đến với các con. [...]*⁶

3. Thương người và độ người

*“Thầy muốn thực hiện cho rõ lý đạo, Thầy phải nhờ nơi các con thay Thầy làm người đi trước để rước kẻ đến sau, và các con nên nhớ rằng: Nếu các con không thương được kẻ ghét mình thì khó mong gần gũi với Thầy, hay con còn hiểu đạo bằng một lời hiểu thường tình, ắt cũng phải trầm luân đọa lạc.”*⁷

4. Quay bánh xe Đại Thừa vào khắp chốn

Con ôi! Con hãy dành tất cả tình thương cho đồng loại. Hãy quên mình vì cứu độ. Quay bánh xe Đại Thừa vào khắp chốn, đừng buồn khi gặp những chướng ngại, có vào lửa đỏ mới vớt được người chết

⁶ Ngọc Minh Đài, sdd

⁷ Ngọc Minh Đài, sdd

đuổi, có hòa mình cùng nhân thế mới độ được thế nhân. Tùy khả năng, tùy duyên cứu độ, đó là đại lễ các con hiến dâng lên Mẹ mỗi độ Trung Thu.⁸

5. Dẫn thân cảm giềng mối đạo

*“Tu hành để giải xong tiền nghiệp,
Hầu nhẹ nhàng mà tiếp Thiên ân;
Thiên ân khi đã gọi nhuần,
Thênh thang thế lộ, thánh thần trợ duyên.
Khi dẫn thân cảm giềng mối Đạo,
Tức là đang gỡ tháo tiền khiên;
Tức là tạo bát nhã thuyền,
Rước đưa khách tục vượt miền vô minh.
Thì trước phải dọn mình chân chính,
Quyết một lòng tâm hạnh nêu gương;
Ngôn từ hòa ái dễ thương,
Đại nhân, đại lượng, dẫn đường tha nhân.”⁹*

6. Noi theo Trung Đạo

Con đường duy nhất trở về Thượng Đế hay Chánh Đạo phải là con đường không thiên lệch và bất biến. Không thiên lệch-bất biến chính là Đạo Trung Dung hay Trung Đạo Đức Mẹ dạy:

“Các Đấng GIÁO TỔ hằng mong cho các con được đạt lý đạo để hóa hồng chánh pháp cứu khổ

⁸ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13 tháng 8 Mậu Ngọ (14.9.1978)

⁹ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm 10 Kỷ Mùi (4-12-1979)

nhơn sanh. Con ôi! từ ngàn xưa các bậc GIÁO TỔ thành đạo trên phương pháp thời trung, tùy thời để qui phục nhơn tâm giáo dân vì thiện, không thái quá, không bất cập, chỉ nhắm vào trung đạo tạo thế quân bình cho xã hội nhơn loài.”¹⁰

*“Gìn lòng giữ dạ chớ phai mờ,
Trung đạo chặt gìn mối đạo cơ;
Đem hết tình thương cho mọi kẻ,
Điều Cung Từ Mẫu mãi mong chờ.”¹¹*

VI. Ý nghĩa công cuộc Khai minh Đại Đạo

Đoạn thánh ngôn trên đây đã nhấn mạnh tính chất đặc biệt của công cuộc khai Đạo thời Hạ ngươn này do chính Đức Chí Tôn chủ sử. Đã đành Đạo khai để cứu thế, nhưng lần này Đạo khai để chúng sanh chủ động tự cứu, chủ động hội nhập vào qui trình tiến hóa trong trời đất. Vì Thầy đã dạy rõ:

“Các con nghĩ kỳ mà xem, chẳng một điều chi gọi là huyền bí cả. Nhưng lẽ huyền bí thiên nhiên vẫn đến với các con, mà các con đang nương theo lẽ huyền bí ấy để sanh trưởng cõi trần. Thầy dạy như thế để các con hiểu thêm chữ Đạo nhiều hơn. Con ôi! Luật Thiên Điều sáng tỏ, máy Trời đất vận hành, nên Thầy đã

¹⁰ Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13 tháng 8 Mậu Ngọ (14.9.1978)

¹¹ Đức Giáo Tông và Đức Mẹ ,Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 20 tháng 11 Ất Tỵ (12.12.1965)

từng nói với các con: Sự thương yêu là cơ thể của Thầy.[...]

Hỡi các con! Hãy cố tìm sự sáng suốt Thầy đã ban cho mỗi trẻ từ Bạch Ngọc Kinh đến đây để suy đoán kiếp sanh tồn của con, và con nắm vững sự sáng suốt ấy để châu Thầy hằng bữa đang ngự trị nơi lòng con, thì dầu cho bao nhiêu biến trạng cũng không làm con lạc đạo xa Thầy.”¹²

Chúng ta hãy lắng lòng suy đoán kiếp sanh tồn của nhân sanh là gì? Nguyên nhân của sự sống và sự chết của con người là biết đi trên con đường tiến hóa duy nhất hay lạc bước ra ngoài do ngã nghiêng theo dục vọng. Thầy đã giải đáp cho chúng ta rằng:

“Sở dĩ nhân loại ngày nay đã chịu trong luật đào thải của Nguơn Hội xây vắn và luôn luôn biến thiên khổ lụy, nào cơ căn điều linh, nào thiên tai chiến họa. Con ơi! Từ Phụ vẫn là đức háo sanh, mà chính con lại tạo nên đường tận diệt. Bởi thế, Thầy phải đem hình thức Thánh Thể sắp bày nơi trần gian cũng như Thầy đã vạch rõ máy hành tàng vận chuyển sự sinh tồn của con ra trước mắt, để con tìm thấy sanh môn tử hộ, tìm thấy Thầy là các con, các con là Thầy, tất nhiên không phải cầu cạnh quyền thuật cao siêu hay tìm ở lý trí xa xôi, tạo nên những gì để cơ cấu chịu

¹² Ngọc Minh Đài, sđd

*đảo lộn, mà trần gian lại phải một phen luân chuyển
điều tàn.”¹³*

KẾT LUẬN

Đoạn thánh ngôn nêu trên như một thông điệp hi hữu trong lịch sử tôn giáo nhân loại, cho thấy Đức Chí Tôn Khai Minh Đại Đạo nhằm vừa soi sáng sự hiểu biết rất giới hạn của nhân sanh về vai trò của tôn giáo hay đạo cứu đời, vừa mở rộng tầm mắt của thế nhân trước ánh sáng Đại Đạo để chủ động tham gia vào cuộc vận hành của Thiên cơ (tức Đạo) trên qui trình tiến hóa.

Do đó, để giúp cho những người con tin của Thượng Đế nói riêng, cho nhân sanh nói chung, thấu hiểu vi ý của Thầy, Đức Vạn Hạnh Thiên Sư đã đặt vấn đề đức tin của người tín hữu Đại Đạo như sau:

“Bản Tăng muốn chư đạo hữu tự hỏi lại lòng có khi nào lưu tâm đến cái lý xác thực trong việc thờ kính chiêm bái hằng ngày hay chẵng? [...]

Bản Tăng phân như vậy là muốn cho chư đạo hữu hãy tĩnh sát nội tâm để tu hành cho đắc quả. Thời kỳ này ĐỨC HUYỀN KHUNG THƯỢNG ĐẾ tá danh CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT đến với nhân loại bằng chiếc đàn không dây, bằng chiếc địch không lỗ để tái tạo dinh hoàn lập thượng người

¹³ Ngọc Minh Đài, sđd

thánh đức. Chỉ có một Thiên Nhân trong sự sùng bái của dân tộc này dưới bản hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Như vậy thì tất cả những người Thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu nhắm vào hình thức nào, ảnh hưởng nào, để biết được Đấng mà chư Thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu đặt niềm tin trọn vẹn với bao sự hy sinh cao cả từ buổi sơ khai? Trước tầm mắt được họa lên bằng giấy bút, không có đem đến cho nhân loại chúng sinh một gương mẫu giá trị nào cụ thể như Thích Ca Phật Tổ, như Khổng Thánh Tiên Sư, như Gia Tô Giáo Chủ, chư Thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu vịn vào lý do nào để đặt trọn niềm tin hiện tại mà quên mình hành đạo, có phải chăng do huyền nhiệm trên ngọn linh cơ hay trong vị đồng tử? Nếu niềm tin đặt như thế thì chưa hẳn là niềm tin chân lý của người giác ngộ tu hành. [...]

Tóm lại, Bàn Tăng muốn bảo với chư liệt vị đạo hữu như thế này: Các hình thức phô bày trong vạn hữu, các pháp biến hiện ở trần gian đều do nhân duyên của mỗi con người cấu tạo. Cảnh và tâm là hai mà một, một mà muôn ngàn duyên nghiệp chúng tử hằng sa. Thì giờ đã điếm đúng với Thiên cơ, tất cả mọi cái giả sẽ trở về với vạn vật để chi phối mà tạo nhân duyên, còn lại, nếu người giác ngộ ắt nhận thấy cái thực để nắm giữ và dưỡng nuôi cho trở thành một hột giống trên cõi tối thượng Niết Bàn hay vào nơi vô sinh bất diệt. Đó mới chính thực là Đạo, là quyền

năng sở hữu của Tạo Hóa ban cho con người, và con người là một trong tam tài có thể huyền đồng thiên địa như LÃO TỬ, THÍCH CA.”¹⁴

Giải đáp được vấn đề, chúng ta sẽ ý thức rằng: Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là mở ra cho nhân sanh con đường Đại Đạo để bước thêm một bước tiếp theo Nhất kỳ và Nhị kỳ, cũng là bước vĩ đại sau cùng đưa vạn linh sanh chúng lần lượt Phản Bội hoàn Nguyên!

¹⁴ Trúc Lâm Thiền Điện, mừng 7 tháng 5 Quý Sửu (07.06.1973)

ĐỨC TIN

CỦA NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI TRONG

SINH HOẠT TÔN GIÁO

Đức tin Cao Đài xác minh vũ trụ tâm linh có những giai tầng tiếp diễn con đường tiến hóa của vạn hữu, mà sự thoát xác vĩnh viễn của con người là một chuyển biến thăng hoa siêu việt. Nếu tâm linh tại thế đã tiến hóa, chủ thể tâm linh xuất thế sẽ tiếp tục tiến hóa cao hơn.

Cứu cánh tiến hóa phải đạt đến tâm linh viên mãn. Và trong vũ trụ chỉ có một tâm linh viên mãn tuyệt đối là Thượng Đế.

Tuy nhiên, Thượng Đế mở cơ Phổ độ Tam kỳ không phải chỉ là một cuộc gieo rắc đức tin về sự hiện hữu của Thượng Đế, mà chủ yếu là để loài người biết được ý nghĩa sự hiện hữu của mình. Thượng Đế là tuyệt đích của cuộc tiến hóa giữa Càn khôn, nhưng Ngài không phủ định giá trị con người là chủ thể đang tiến hóa tại thế gian.

I. Định nghĩa:

Có thể mượn phép mượn thánh ngôn Đức Vân Hương Thánh Mẫu để định nghĩa đức tin Cao Đài như sau:

“Đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiêng Liêng qua linh cơ để giác ngộ khai mê, giúp tín hữu Cao Đài thức tỉnh tiến bước hành đạo phần bổn hoàn nguyên.”¹

Tác giả thư Hebrew trong Tân Ước viết, *“Đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đang trông mong, là bằng cứ (hoặc xác tín) của những điều mình chẳng xem thấy.”*(Hebrew 11.1)² Đức tin trong Cơ Đốc giáo là niềm xác tín vào sự hiện hữu của Thiên Chúa, đấng sáng tạo vũ trụ, và niềm tin vào ân điển cứu chuộc của Chúa Cơ Đốc, Con của Thiên Chúa hằng sống, đấng đã chết vì tội lỗi của nhân loại, mặc dù vẫn có thể tìm thấy một vài dị biệt trong các hệ tư tưởng khác nhau thuộc cộng đồng Cơ Đốc giáo.³

Đức tin theo Phật giáo đặt trọng tâm vào Đức Thế tôn Thích Ca - bậc đại giác, vị thầy của cả loài người và chư thiên - dựa vào chân lý của giáo pháp của Ngài và Tăng hội. Đức tin của Phật giáo là động lực thúc

¹ Trúc Lâm Thiền Điện, mừng 7 tháng 5 Quý Sửu (07.06.1973)

² Theo Wikipedia Encyclopedia, tiếng Việt

³ Sđd

đẩy phật tử tu tập hướng về mục đích giác ngộ và Niết Bàn.⁴

II. Đức tin Cao Đài trong Sử đạo

1. Thiên nhân hiện ra với Đức Ngô Minh Chiêu có ý nghĩa đặc biệt là Thượng Đế trực tiếp đem đức tin đến cho con người.

Người tín hữu Cao Đài thờ Thiên nhân với ý nghĩa đó là Tâm, là Thần của Thượng Đế mà khi cúng kính, tín hữu chiêm ngưỡng Thiên nhân để được hiệp Thần với Ngài hầu được tinh tấn trên đường hành đạo.

2. Nhóm Phò loan vâng lệnh Đức A Ằ Ằ Ằ làm lễ “Vọng thiên cầu đạo” có ý nghĩa đặc biệt là con người thể hiện đức tin trọn vẹn nơi Thượng Đế.⁵

Theo lệnh Đức A Ằ Ằ Ằ, tam vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang ra giữa trời làm lễ “Vọng thiên cầu đạo” vào đêm mùng 1-11-At Sửu (16-12-1925). Tam vị cầm 9 cây nhang vái rằng: “*Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh.*”

3. Chư Tiên Khai “khai tịch đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ”⁶ một cách hiên ngang, có ý nghĩa

⁴ Lược dịch theo Wikipedia encycckopedia English

⁵ Đọc thêm Lịch sử Đạo Cao Đài, quyển I – Khai Đạo, CQPTGLĐĐ, nxb.Tôn giáo, 2004.

đặc biệt là môn đệ Đức Cao Đài trọn tin nơi thiên cơ sẽ lập nền Tân tôn giáo của Tam kỳ phổ độ. Lời lẽ từ Khai Tịch tỏ ra có một đức tin vững vàng về sự ra đời của nền Tân tôn giáo theo thiên cơ, có đoạn sau:⁷

“Sài gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926

Thưa ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình báo cho ông biết những điều sau :.....

Những người ký tên dưới đây theo đuổi mục đích đưa loài người trở lại thời xa xưa hoà bình và hoà hợp. Nhờ đó, con người sẽ hướng tới một thời đại mới hạnh phúc khôn cùng. Nhân danh đa số những người Việt Nam đã tán đồng hoàn toàn sự những nghiên cứu này, có kèm danh sách đính kèm, những người có tên dưới đây hân hạnh tuyên bố cho ông hay rằng chúng tôi sẽ phổ truyền cho toàn thể loài người giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng trước rằng nền Tân tôn giáo này sẽ mang tới cho mọi chúng ta hoà bình và hoà hiệp, những người ký tên dưới đây yêu cầu ông hãy chánh thức tiếp nhận tuyên ngôn (lập đạo) của chúng tôi.

⁶ Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20 tháng 2 Quý Sửu (24.03.1973)

⁷ Trích một đoạn bản dịch bản gốc tiếng Pháp

Thưa ông Thống Đốc, xin ông ghi nhận những cảm tình trân trọng và chân thành của chúng tôi.”

4. Đại lễ Khai Đạo vào Rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) có ý nghĩa đặc biệt Thiên nhân hiệp nhất “khai minh Đại Đạo trước quốc dân bá tánh”⁸ thể hiện đức tin ra thực tướng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

5. Đó là đức tin Cao Đài trên những sự kiện lịch sử hữu hình; nhưng về mặt vô vi, tiến trình lập đạo được vận chuyển theo nguyên lý “Thái cực biến Lưỡng nghi thành Pháp”, cũng là một chứng lý cho đức tin, như thánh giáo Đức Đông Phương Chương Quán đã dạy:

“Ngô Văn Chiêu là một anh cả trong Thập Nhị Tông Đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số Thiên Nhân là con số 1, tượng trưng cho Ngôi Thái Cực. Kế đến lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là Nhựt Nguyệt Âm Dương. [Thiên phong nhị vị Đầu sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt -NV.]

Từ Thái Cực biến Lưỡng Nghi trở thành cái Pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái Pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng.”⁹

⁸ Đức Đông Phương Chương Quán, Sdd.

⁹ Đức Đông Phương Chương Quán, Sdd.

III. Đức tin của người tín hữu Cao Đài trong sinh hoạt tôn giáo hiện nay

Xin đơn cử một vài sinh hoạt điển hình mà những sự kiện tâm linh trong đó thể hiện đức tin của người tín hữu Cao Đài.

_ Hội Yến Bàn Đào Diêu Trì Cung:

Theo Sử Đạo, Đêm mồng 8 tháng 8 (25-9-1925), Đức AẤA giáng đàn, dạy ba vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang chuẩn bị thiết một lễ chay để cầu thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng lâm. Đức Phạm Hộ Pháp cho biết: *“Đức Chí Tôn ra lệnh, biểu làm một cái tiệc. Ngài dạy sắp đặt cái tiệc ấy để đãi Đấng vô hình. Đãi mười người (vị) Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương.”*

Theo truyền thống lịch sử trên, hằng năm các Hội Thánh, Thánh thất đều tổ chức Lễ Vía đức Diêu Trì và Hội Yến Bàn Đào vào Trung Thu, ngày rằm tháng 8. Thời Hạ Ngươn này, Đức Mẹ ban đặc ân cho mở Hội Yến Bàn Đào tại trần gian là một hình thức đem đến huyền nhiệm tâm linh cho con cái ý thức sự mạng Kỳ Ba. Nên Đức Vân Hương Thánh Mẫu vâng thánh ý Đức Mẹ dạy như sau: *“Này các em! năm nào cũng thế, ngoài những ngày lễ tết thường lệ vào những dịp khác, có lẽ Lễ Trung Thu và đặc biệt hơn nữa, trong Đại Đạo các em có Lễ Bàn Đào hiến dâng phẩm vật cho Đức Mẹ Vô Vi. Đó là một đặc điểm được xem rất quan trọng trên phương*

diện ý nghĩa tinh thần của nó. Vì cuộc lễ này thật sự nó là một dịp nhắc nhở cho các em gìn giữ đầy đủ những bảo vật Thiêng Liêng mà các em đã thọ nhận từ Diêu Cung nơi vô lượng kiếp.”¹⁰

_ Lễ Vía Đức Chí Tôn:

Toàn đạo Cao Đài tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hằng năm chọn ngày mừng 9 tháng Giêng tổ chức trọng thể Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, tục lệ gọi là Vía Trời.

Đức Chí Tôn tức Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ngài là Giáo chủ khai sáng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong lịch sử thành lập tôn giáo Cao Đài tại đất nước Việt Nam, nên toàn thể tín hữu Cao Đài một khi đã nhập môn đương nhiên có đức tin tuyệt đối nơi Đấng Chúa Tể Càn Khôn, đồng thời là Cha là Thầy của nhân loại. Từ thuở khai Đạo, Ngài đã minh thị:

NOEL 1925,

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế, viết Cao Đài Tiên Ông
Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương,
Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên;
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi, muôn tên giữ trọn biên.”¹¹*

¹⁰ Chơn Lý Đàn, 26 tháng 7 Tân Hợi (15.09.1971)

¹¹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.1, TT.Tây Ninh

Đức tin về sự cầu siêu rồi cho người tín hữu quy liễu

Triết lý của đạo Cao Đài cho rằng con người sống ở thế gian có thân xác và linh hồn, nên khi chết, không phải là hết, mà chỉ là cái thể xác hoại diệt, nhưng linh hồn thì vẫn tồn tại mãi mãi. Hay nói cách khác, chết chỉ là thay đổi trạng thái sống: Sống bằng thân xác hữu hình ở thế gian và sống bằng linh hồn, không hình thể ở cõi giới vô vi.

Sự sống của thể xác thì hữu hạn, nhưng sự sống của linh hồn mới thực sống vĩnh viễn, bất diệt. Vì thế, tôn chỉ của đạo Cao Đài là khi con người sống nơi thế gian, phải mượn thân xác hữu hình lo tu hành: Làm phải làm lành, lập công bồi đức để chuẩn bị một con đường trong cõi giới vô vi, cho linh hồn có một cuộc sống an nhàn, cực lạc.

Ngoài ra, để thực hiện đại ân xá kỳ ba, đạo Cao Đài còn có ban cho bí pháp Độ thăng và cầu rồi cho linh hồn được nhẹ nhàng thanh cao mà vào từng cõi giới mới. Muốn vậy, người tín đồ khi sống ở thế gian phải giữ giới luật Đạo, lập công bồi đức, và phải được vị chức sắc thọ truyền bửu pháp làm phép độ thăng cho và những người thân phải thành tâm cầu siêu cho linh hồn người chết.¹²

¹² Liên Thanh, <https://sites.google.com/site/thienchaucom/--kinh-cung-tuan-cuu>

Bài Kinh Khai Cứu đem lại đức tin siêu rỗi cho người quá vãng nếu biết thức tỉnh dứt bỏ tất cả dục vọng hay phiền não trần ai:

*Đã quá chín từng Trời đến vị,
Thần đặng an, Tinh, Khí cũng an.
Tầng Trời gắng bước lên thang,
Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.
Cõi thăm khổ đã vừa qua khỏi,
Quên trần ai mong mỗi Động Đào.
Ngó chi khổ hải sóng xao,
Đoạn tình yếm dục đặng vào cõi Thiên.
Giọt lụy của Cứu huyền dầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.
Nắm cây huệ kiếm gươm thần,
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.*

III. Người tín hữu Cao Đài phải giữ đạo, hành đạo với đức tin như thế nào?

1. Một đức tin trong sáng:

Vào Đạo để bắt đầu đời sống tâm linh tích cực trong cuộc sống nhân sinh chân chánh, chứ không phải để trốn đời hay tìm kiếm thế lực vô hình cho những nấc thang danh lợi. Ông Trơn dạy: “*Chư hiền đệ hiền muội đã ý thức được thiên đàng địa ngục là đâu. Có phải ở tận trên vòm trời sâu thẳm hay ở dưới đáy biển lòng đất sâu dày đó chăng? Tất cả thiên đàng hay địa ngục đều có tự trong con người chư đệ muội.*”

Nếu chư hiền đệ hiền muội biết hướng thượng, biết gìn thiên lương chơn tánh, biết trau dồi báu ngọc mâu ni, chư hiền đệ hiền muội sẽ có một cảnh thiên đàng trong nội tâm ngày ngày an lạc. Ngược lại, chư hiền đệ mãi tiến bước trên con đường đục vọng buông bắt những ảo ảnh phù hoa, làm sao tránh được cảnh buồn vui cười khóc, được mất nhục vinh? [...] Người tu hành không tìm đạo lý ở ngoài thân mà phải tìm ở nội tâm.”¹³

2. Một niềm tin sâu sắc về thời kỳ đại ân xá:

Nhập môn Cao Đài là là cơ hội hi hữu ngàn năm một thuở được bước vào môi trường đại ân xá kỳ ba, nên Ôn Trên thường dạy rằng: hữu duyên mới ngộ Đại Đạo TKPD. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn từng dạy:

“Hỡi này chư hiền đệ muội ôi! Tam Kỳ khai Đại Đạo, Tam Giáo Thánh Nhơn mở rộng cửa từ bi để gom ba nhánh về một cội. Trên Thượng Đế thi ân bố đức, dưới phật tiên kêu gọi chúng sanh đưa nguyên căn về bốn vị, rước hóa nhơn tránh cảnh luân hồi. [...]

Đã từ lâu, cơ quy nguyên rải gieo khắp chốn, tiếng thống nhứt lăm lăm vội giục, ngày vạn linh đại hội cũng gần, vậy Lão thử hỏi chư hiền, nếu không đủ đầy công đức thì làm sao được siêu phàm thoát tục;

¹³ Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản, Tuất thời, mùng 01 tháng 4 nhuận Giáp Dần (22.05.1974)

lấy chi để đảm bảo chơn linh sau khi lìa xác. Phương chi, kỳ Hạ nguơn mặt kiếp là kỳ đại ân xá để cho chư hiền lương phái dưỡng tánh tu tâm, tô công bồi đức được dễ dàng, hầu bước lên nấc thang hành đạo.”¹⁴

3. Một đức tin đề tu tiến:

Cao Đài đã vạch ra con đường tiến hóa tâm linh rất rõ ràng và thuận lợi hơn bao giờ hết trong thế Thiên nhơn hiệp nhất của cơ tận độ quy nguyên.

Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy:

“Chư hiền đệ hiền muội là những thành phần giác ngộ tâm đạo, học hỏi để tu công lập đức, cốt ý là hoàn thiện hóa bản thân trong kiếp đời hiện tại và được giải thoát phần chơn như khi về bên kia thế giới. [...]

Đời con người lấy lẽ sống làm căn bản, nếu chỉ là sống cho bản thân giả tạm ở cõi vô thường này thì không cần phải đề cập đến, mà phải quan niệm luôn cả lẽ sống về tâm linh.

Con người muốn toại hưởng cõi thanh bình phải nhắm vào thực hành các điểm sau đây:

- 1/- Nội công tu tiến,*
- 2/- Ngoại công đức hạnh,*
- 3/- Quá khứ tâm nên dứt bỏ,*

¹⁴ Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Huồn Cung Đàn, mừng 9 tháng 2 Tân Sửu (25.03-1961)

4/- *Hiện tại tâm không có,*

5/- *Vị lai tâm đừng vọng tưởng.*

Đó là hạng tu tiến một quãng đường khá dài mới có thể thực hành được trọn vẹn.”¹⁵

Chư Tiên Khai Đại Đạo cũng từng ân cần khuyên nhủ chúng ta:

*“Khép mình vào khuôn viên mẫu mực,
Giữ qui điều giới luật tam công ;
Cúi đầu thọ lệnh Thiên phong,
Thay Thầy hoằng đạo còn mong chi là.”¹⁶ [10]*

4. Một đức tin để thi hành sứ mạng kỳ ba:

“Đối với những người mệnh danh là hướng đạo, là nòng cốt cho cơ đạo cứu thế, những kẻ hiến dâng cho ánh sáng lý tưởng Đại Đạo thì nền tảng tâm linh phải được xác định trước tiên và hơn ai hết. Vì vậy, kế sách về tâm linh cho những kẻ hiến dâng phải được đề cập trước nhất. Bản Đạo cũng nhắc lại trên phạm trù tâm linh, giá trị đức tin là giá trị của ý chí hiến dâng cho một lý tưởng sáng chói để cứu thế. Có một đức tin đồng mãnh là đã có một ý chí hào hùng tin quyết về kết thúc cao quý của sự cứu độ toàn dân sinh bằng một lý tưởng thật sự thanh cao của Đại Đạo. Phải tin quyết thì mới nhất tâm để chỉ thành

¹⁵ Minh Lý Thánh Hội, 14 tháng Giêng Kỷ Dậu (02.03.1969)

¹⁶ Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14 tháng 2 Giáp Dần (07.03.1974)

hành sự. Đã có nhất tâm chí thành hành sự thì kết quả không xa."¹⁷

IV. KẾT LUẬN

Tóm lại đức tin Cao Đài với hàm súc những ý nghĩa trên đây, phải gọi là Đức tin Đại Đạo. Bởi vì Thượng Đế và các Đấng Thiêng liêng đã đem đến cho nhân sanh thời Tam Kỳ Phổ Độ này một đức tin khai phóng và nhân bản.

_Khai phóng vì với đức tin ấy, con người cảm thấy mình là một chủ thể tự do trong Bản thể vũ trụ, trong đó có mối tương quan tương ứng mật thiết với chủ thể tối cao là Thượng Đế. Từ mối liên hệ đó, đức tin Đại Đạo khẳng định con người có khả năng tiến hóa đến mức siêu việt.

_Nhân bản vì đức tin ấy không khuyến khích tín hữu lệ thuộc thân quyền; không chờ đợi được cứu độ mà phải biết tự độ. Hơn nữa, đức tin Đại Đạo đem đến ý thức sứ mạng vì nhân, nhìn cuộc đời là một trường học hỏi, rèn luyện để tiến hóa. Đối với chúng sanh là tình anh em một Cha, đối với xã hội có nghĩa vụ phụng sự.

Đặc biệt, hàng thiên ân thọ nhận Sứ mạng đại thừa, với đức tin Đại Đạo, phải đạt đến "*giá trị của ý*

¹⁷ Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14 tháng 2 Ất Mão (26.03.1975)

chí hiển dâng cho một lý tưởng sáng chói để cứu thế.”

Đức Chí Tôn khai minh Đại Đạo cách đây hơn 90 năm, mà hằng năm, ngày Rằm tháng 10, toàn đạo hân hoan cử hành đại lễ kỷ niệm, là thắp lên ngọn đuốc vĩnh cửu, soi tỏ Thiên cơ đang thúc đẩy nhân sanh tiến lên Con đường phản bản hoàn nguyên là đường tiến hóa vinh diệu trong đức háo sanh của Thượng Đế, mà đặc ân trong thời Hạ nguơn này là Cơ đại ân xá kỳ ba.

CHƯƠNG BỐN

Văn hóa đạo đức

TÍNH NHÂN BẢN

TRONG CÁC LOẠI HÌNH VĂN HÓA

1. Văn hóa cộng đồng:

Cộng đồng là một quần thể con người qui tụ bởi những yếu tố chung về huyết thống, lịch sử, địa dư, sự sống còn và hoài bão hay lý tưởng.

Tình cảm sâu sắc giữa cộng đồng, đời sống cộng đồng ngày càng phát triển trên phương diện vật chất lẫn tinh thần, tất cả phát huy thành văn hóa cộng đồng với bản sắc của nó.

Cộng đồng nhỏ như làng xã Việt Nam có những bản sắc Văn hóa mang nhiều tính nhân bản. Về nhân tính: người trong làng đều xem nhau như họ hàng ruột thịt, gọi nhau là “bà con cô bác”.

Về truyền thống: giữ gìn những phong tục tập quán bảo vệ luân lý đạo đức chung.

Về ý hướng đại đồng: có lối làm ăn tương trợ “Làm vắn công” trong sản xuất; “nhiều tay vỗ nên kêu” mỗi khi hữu sự, “bà con xa không bằng láng giềng gần” Những lễ hội như:- Hội vui xuân: - đấu vật - leo cột mỡ - Kéo co đều có tính đại đồng và văn hóa nhân bản.

Lễ cúng đình: hội hè ăn uống tập thể, cúng kính thần làng; hát bộ, một hình thức bảo tồn văn hóa dân tộc... là những hình thái sinh hoạt tập thể và thể hiện niềm tin chung; là những hình thức bảo tồn văn hóa dân tộc có bản sắc độc đáo.

Cộng đồng lớn như dân tộc: Huyền thoại “con Rồng, cháu Tiên”, đồng bào “một mẹ trăm con” là nét văn hóa đặc thù của dân tộc Việt Nam. Nó là niềm tin vào nguồn gốc siêu nhiên, cao đẹp và uy hùng của giống nòi và tình cảm ruột thịt của dân tộc.

Tính nhân bản ở đây là văn hóa cộng đồng dân tộc mặc nhiên công nhận con người Việt Nam bẩm sinh có bản chất phi thường, được chứng minh qua lịch sử. Từ đó tính nhân bản của cộng đồng phát huy thành lòng quả cảm, bao dung và đức nhân nghĩa.

Bản sắc văn hóa thứ hai của cộng đồng dân tộc là tiếng nói. Ngôn ngữ dân tộc trải qua chiều dài lịch sử đã khẳng định bản sắc riêng nhưng ngày càng phong phú, sâu sắc, hoa mỹ. Người Việt Nam phải dùng tiếng Việt mới diễn tả hết được tình cảm, tư tưởng của bản thân, của dân tộc. Và chỉ có người Việt Nam, với tâm hồn người Việt Nam mới rung cảm đúng mức với lời Việt.

Như thế tiếng Việt thuần túy, tiếng Việt của bản sắc Việt, tiếng Việt của tình cảm Việt, của tư tưởng Việt là nhân bản của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Những truyền thống đấu tranh để sinh tồn, những

trang sử quật cường để tự chủ, những sự nghiệp xây dựng tổ quốc lập thành nền văn hóa dân tộc. Nền tảng luân lý của ông cha; nếp nghĩ, nếp sống theo đạo lý bao đời tạo nên văn hóa đạo đức. Gọi là văn hóa vì đó là những đức tính cao đẹp của con người trong đời sống nhân sinh xã hội và đời sống tâm linh.

Hướng về nhân bản của cộng đồng dân tộc là giữ lấy và noi theo khuôn mẫu mà cộng đồng đã un đúc qua lịch sử để nhân lên những đức tính ấy. Như tâm sự này của một tiên bối yêu nước:

*“Một dãy giang sơn dẹt gấm hoa,
Ngàn năm văn hiến tổ tiên ta;
Nền xưa vun đắp nhờ con cháu,
Cho rạng năm châu, rạng đạo nhà”*

2. Văn hóa, văn học, giáo dục, nghệ thuật

Văn học là phương tiện phong phú để phát huy văn hóa. Nhưng muốn nó là thứ Văn hóa có thể “đưa dân tộc từ chỗ đòi trụ đến chỗ thanh cao”, phải có tính nhân bản.

Văn học phải lấy con người làm trung tâm. Phải nêu lên được giá trị con người. Đề cao tình người, mối liên hệ tốt đẹp bình đẳng có tình thương giữa người và người. Văn chương bình dân như ca dao, hát ru, hò vè, hát quan họ, hát bài chòi... Thi văn đơn giản như Gia huấn ca của Nguyễn Trãi, Châm biếm như Ngụ ngôn của La Fontaine, do tính nhân

bản đã trở thành bất hủ. Những tác phẩm đồ sộ của các văn hào, thi hào ca tụng những anh hùng, vĩ nhân hay nói lên ước vọng làm người đúng nghĩa của kẻ nô lệ, của người cùng khổ... đều có tính nhân bản.

Ở nước ta từ đầu thế kỷ 15 (1442) Vua Lý Thánh Tông đã cho lập Văn miếu. Nơi đây đã dựng bia 80 vị tiến sĩ. Đây là một di tích đánh dấu truyền thống quý trọng văn học văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Giáo dục: Giáo dục là công tác đào tạo con người, tức là truyền đạt kiến thức và xây dựng nhân cách.

Tính nhân bản của giáo dục đòi hỏi phải giúp cho đối tượng có óc sáng tạo trong lãnh vực tri thức và một nhân cách tự do linh hoạt. Đó là những điều kiện để mỗi cá nhân có thể tự phát huy tiềm năng và nhân tính.

Nhưng sáng tạo và tự do lại phải được đặt trên bề phóng nhân bản của cộng đồng là văn hóa dân tộc và văn hóa đạo đức nhân loại.

Một điển hình giáo dục có nhân bản là chủ trương giáo dục vì hòa bình của giáo sư Johan Galtung, một giáo sư người Na Uy đã sáng lập Viện nghiên cứu quốc tế về hòa bình tại Oslo (Prio) năm 1959.

Vào cuối những năm 60 và đầu những năm 70 ông đã đưa chương trình giáo dục vì Hòa bình vào các trường đại học và cao đẳng, cho đến nay lên đến 500 trường ở khắp thế giới.

Ông cho biết *“Giáo dục vì hòa bình là dạy cho người ta biết xử lý một cách sáng tạo hơn và ít hung bạo hơn những tình huống xung đột và cung cấp cho họ những phương tiện để làm việc đó”* (Có thể nói là dạy phương pháp tạo thế Nhân hòa) Trong giáo lý Đại Đạo, công tác giáo dục đào tạo được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhấn mạnh mục tiêu đào tạo nhân sự “phẩm” và nhân sự “hợp nhất”. Ngài dạy: *“Giá trị phẩm của từng cá thể phải được rèn đức và xây dựng thường xuyên. Giá trị đức tin, giá trị nhân ái, giá trị tri thức, và giá trị dũng mãnh của tinh thần, tất cả phải được nung nấu và cải thiện luôn luôn.... Ngoài ra, trí năng và thể năng là hai năng lực bổ sung nhau, giúp đỡ sự thực thi trọn vẹn đức tin và lòng nhân ái của chính mình.”* Chúng ta thấy, Ôn Trên đã vạch ra một đường lối giáo dục hết sức nhân bản.

Nghệ thuật là loại hình văn hóa đa dạng đem lại nhiều rung động và mỹ cảm cho xã hội. Nhưng nếu nghệ thuật không dựa trên nhân bản sẽ dễ đưa con người đến chỗ đòi trụ hay thác loạn, không có giá trị hoặc lai tạp vô nghĩa.

Tập san UNESCO có một sáng kiến rất hay là mở ra trang “gặp gỡ” để đăng ảnh của những sáng tác nghệ thuật với lời mời gọi như sau: *“Bạn đọc hãy gửi cho chúng tôi những bức ảnh chụp một tác phẩm hội họa, điêu khắc hay kiến trúc thể hiện một sự pha trộn, giao hòa giữa nhiều nền văn hóa. Bạn đọc cũng có thể*

gửi ảnh chụp hai tác phẩm có xuất xứ văn hóa khác nhau mà bạn đọc nhận thấy có một mối tương liên hoặc một nét tương đồng”.

Chúng ta hãy đề ý những yêu cầu độc đáo trên. Chỉ có tính nhân bản của nghệ thuật mới đạt được điều kiện cao trỗi này.

3. Văn hóa tín ngưỡng và tôn giáo

Nếu chúng ta đã nhìn nhận:

- Văn Hóa là phần “giao” giữa con người và tự nhiên, Giữa con người và con người, giữa con người và Trời....

- Văn hóa là tất cả những cố gắng của con người để cải thiện nội tâm, gia đình, quốc gia... Văn hóa nảy sinh do những ước mơ về Chân Thiện Mỹ và nỗ lực của con người để vươn lên cho đến Chân Thiện Mỹ.

Thì mặc nhiên tín ngưỡng và tôn giáo đã được nhìn nhận là một loại hình văn hóa.

Dĩ nhiên, “phần giao” nói trên phải là sự mở rộng chiều kích giá trị vi nhân đến tầm vũ trụ, chứ không phải là tương quan của một hạt bụi tách từ một thiên thể.

Thứ đến, sự cố gắng và nỗ lực để cải thiện, để vươn lên chính là cái ý thức tiến hóa không ngừng mà

tín ngưỡng và tôn giáo có trách nhiệm mang đến cho con người. Thiếu nó, tôn giáo hoặc trở nên những sinh hoạt lễ hội, tâm thường hoặc trở nên một hệ thống cai trị khắc nghiệt.

Thế nên, tín ngưỡng và tôn giáo phải có đủ những điều kiện nói trên là có tính nhân bản, mới xây dựng được nền văn hóa tâm linh đúng nghĩa. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“...Tôn giáo là những khuôn vàng thước ngọc để khép con người từ chỗ sa đọa trở nên hiền Thánh Tiên Phật, ung đúc con người từ chỗ trọng trọc lòng trần được thanh thoát cao siêu. Tôn giáo là mối dây liên quan, là cửa thông đồng cho vạn dân chủng tộc...”

“Hỡi những ai là người thức tri thời vụ, ai là người đang đi trên đường đạo học, ai muốn tìm chỗ yên tâm của đạo lý, ai muốn thoát khỏi cảnh ràng buộc trí não tâm linh giữa cõi đời hỗn loạn này, hãy tự tin, tự giác, để tìm hiểu nguyên nhân nào đưa con người vào hoàn cảnh tối tăm loạn lạc này. Có tìm thấy mới biết quay về với nhân bản, với bản tính chất thuần lương mà từ thuở sơ sinh đã có hằng hữu Thượng Đế giáng trung”.

KHÁI LƯỢC VỀ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC

Văn Hóa Là Gì?

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, Eduard Burnett Tylor, nhà xã hội học về văn hóa người Anh đã nêu lên một định nghĩa về văn hóa được chấp nhận khá rộng rãi:

– *“Văn hóa là một chỉnh thể phức hợp bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, tập tục và bất kỳ năng lực thói quen nào khác mà con người cần có với tư cách là một thành viên của xã hội.”*¹

Theo học giả Nguyễn Văn Thọ:

– *“Văn hóa là tất cả những cố gắng của con người để cải thiện nội tâm, gia đình, quốc gia, xã hội và hoàn cảnh, để con người có thể sống một cuộc đời khác với muông thú, một cuộc đời thanh cao, đầy đủ nhân cách nhân vị ; và nếu có thể, một đời sống tự do tự tại, khinh khoáng, thần tiên.”*

Thánh giáo của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

¹ E.B Tylor - Văn Hóa Nguyên Thủy, I, 1871

-“Văn hóa là sản phẩm tinh thần của xã hội dân tộc. Văn hóa có ảnh hưởng một phần rất to tát trong xã hội nhân loại. Nó tế nhị mà bao la, trầm mặc mà mạnh mẽ, có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. Bản chất của văn hóa là đạo đức. Hình thức của nó là ngôn từ chương cú, giáo dục...”

Thế nào là văn hóa đạo đức?

–“Đừng nên hạn hẹp hai tiếng văn hóa trong khuôn khổ văn chương chữ nghĩa hay một số môn học đạo đức mà phải quan niệm cho thật rộng, đúng nghĩa của nó. Văn hóa đạo đức có những gì tốt đẹp sâu sắc trong lãnh vực triết học, đạo lý, thần linh học, từ nhân sinh quan đến vũ trụ quan; sự liên hệ giữa Trời và người, sự liên hệ giữa Trời và vạn vật; sự liên hệ giữa con người và con người, sự liên hệ giữa con người và vạn vật....”

“Văn hóa dân tộc nói lên được những gì cao quý tốt đẹp của một dân tộc từ văn học, triết học, nghệ thuật, phong tục tập quán đến quốc hồn quốc túy của dân tộc ấy.”

Nguồn gốc của Văn Hóa Đạo Đức

Nguồn gốc xa xưa của văn hóa đạo đức là những khám phá phát minh của những bậc thánh nhân. Vua Phục Hy vẽ Hà Đồ, Vua Hạ Vũ vẽ Lạc Thư. Từ Hà Đồ và Lạc Thư thánh nhân đã vạch ra Bát Quái và Hồng Phạm Cửu Trù.

Dịch, Hệ từ thượng có viết: *“Ngửa trông tượng ở trên trời, cúi xem phép ở dưới đất, quan sát hình nét của chim muông cùng với sự thích nghi của đất; gần thì lấy ở mình, xa thì lấy ở vật, do đó mới vạch Bát quái.”*

Bát quái là tám quẻ, là một phát minh của vua Phục Hy (2852 trước CN) thuở chưa có văn tự, đã dùng các nét (vạch) liền và đứt để mô tả nguyên lý sanh thành của trời đất vạn vật. Mà cũng từ đó phát hiện mối tương quan giữa con người với Trời Đất.

Vua Hạ Vũ (Đại Vũ) phát minh ra Hồng Phạm Cửu Trù là cái phép lớn để trị nước. Phát minh này giúp cho đáng minh quân cai trị thiên hạ, phải nắm được các nguyên tắc cơ bản thuộc về vũ trụ và nhân sinh, nghĩa là phép lãnh đạo toàn diện. Trong đó: *4 trù thuộc vũ trụ gồm: ngũ hành, ngũ kỹ, kê nghi, thứ trung.

*5 trù thuộc nhân sinh gồm: tam đức, ngũ sự, bát chính, ngũ phúc, lục cực.

*Hoàng cực ở vị trí trung tâm của Hồng Phạm Cửu Trù, làm năng lực điều hòa thống hợp vũ trụ vạn vật, thúc đẩy cơ tiến hóa.

Hồng Phạm Cửu Trù là phép hiệp thông giữa Trời Đất với người, là chỗ ráp nối vũ trụ với con người.

Nhưng đến Kinh Dịch mới là nguồn gốc, là căn cơ hi hữu muôn đời của nền Văn hóa Đạo đức Đông phương.

Đặc điểm của Dịch là một kỳ thư dạy cho người học quán thông được lẽ hằng-biến của tam tài Thiên

- Địa - Nhân. Đại công trình văn hóa này có thể nói là một kết tập của sự cảm ứng tâm linh giữa Trời và người, giữa người và người (mà người đây là các bậc Thánh nhân). Bởi Phục Hy cảm ứng với Trời mà làm nên Bát Quái, Văn Vương cảm ứng với Thánh ý của Phục Hy mà bổ sung ý nghĩa của quái của hào. Rồi Khổng Tử thông đạt vi ý của Văn Vương mà giải lý cho Dịch thêm Thoán, thêm Tượng, thêm Hệ từ, thêm Văn ngôn để lập thành một công trình hoàn bị, giáo dục từ người quân tử đến bậc vua quan trị dân xử thế, lại còn ứng dụng cho những bậc tu hành, học đạo.

Nguồn gốc của Văn hóa đạo đức còn phát xuất từ những Giáo chủ đặc đạo.

Đồng thời với Đức Khổng Tử ở Á Đông, Tây phương có Giáo chủ Pythagore (570-500 BC) dạy các môn đồ triết thuyết về số mục, dùng số để diễn tả vũ trụ quan. Pythagore xem số 1 tiêu biểu cho đấng Tạo hóa, là tuyệt đối, là vô cùng, vì tự nơi mình gồm cả nguyên nhân lẫn cứu cánh.

Tại đạo viện, các sinh hoạt của học phái Pythagore có tính văn hóa đạo đức rất cao: có đọc kinh, đi dạo, tĩnh tâm, ăn chay, lại có chơi âm nhạc, xướng ca và nhảy múa, thể thao. Ngoài ra còn đọc sách bình văn, thảo luận, giảng giải...

Cũng vào thời ấy, Đức Lão Tử đã khai minh Đạo vô vi, vô dục, thanh tịnh, hay “Đạo thường” để con người sống có đức, vượt ra ngoài cuộc đấu tranh thấp hèn của người đời:

*“Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị.”*²

(Làm theo phép vô vi, lo một cách thuận nhiên như không lo, nếm cái không mùi vị)

*“Thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa ; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá, dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi.”*³

(Thánh nhân muốn sự không ham muốn, không quý những vật gì khó mới có được; học mà như người không học, giúp những người lầm lạc trở về (với Đạo), giúp vạn vật sống theo tự nhiên, mà không can thiệp vào)

“Ngã hữu tam bảo trì nhi bảo chi, nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên. Từ cố

² ĐĐK. Ch.63

³ ĐĐK.Ch.64

năng dũng, kiệm cố năng quảng; bất vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng.”⁴

(Ta có ba vật báu mà ta nắm giữ, một là lòng từ, hai là tính kiệm, ba là không dám trước thiên hạ. Có lòng từ nên mới có dũng cảm, vì biết cần kiệm nên mới sung túc rộng rãi; không dám trước thiên hạ nên mới lãnh đạo được thiên hạ.)

Trong khi đó, nền văn hóa đạo đức nhân sinh của hơn hai mươi thế kỷ qua, nhất là ở Đông phương, vẫn chịu ảnh hưởng đậm đà của Đạo nhập thế của Đức Khổng Tử, mà ngài đã lấy chữ nhân () để “nhất dĩ quán chi”

Còn cái gốc văn hóa của Phật là sự giác hóa để chúng sanh ngộ đạo. Sự chứng đạo của Ca Diếp khi được tâm ấn của Đức Thế Tôn tại núi Linh Thứu bằng nụ cười bất hủ là khởi điểm của Văn hóa Đạo đức Phật giáo suốt mấy ngàn năm sau này.

Cho đến đầu kỷ nguyên này, một khởi nguồn Văn hóa Đạo đức khác cũng có sức cảm hóa loài người mãnh liệt là gương hy sinh của Chúa Ky Tô để chỉ cho người thế gian biết đâu là “sự sống, đường đi, lẽ thật.”

III. Sự hình thành và phát triển của các nền Văn hóa Đạo đức trong cuộc sống nhân sinh.

⁴ ĐĐK. Ch.67

Đối với nền VHĐĐ do Dịch học phát huy xin giới thiệu một vài trong muôn vàn, tiêu biểu cho quá trình xây dựng VHĐĐ mấy ngàn năm qua

1. Lời giải Văn ngôn quẻ Kiền của Đức Khổng Tử: *“Quân tử thể nhân () túc dĩ trưởng nhân (), gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hòa nghĩa ; trinh cố túc dĩ cán sự. Quân tử hành thử tứ đức giả, cố viết: Kiền, Nguyên Hanh Lợi Trinh.”*

Nghĩa: *Người quân tử thể theo nhân đủ để trưởng dưỡng người vật, góp nhóm điều tốt đủ để đi đúng với LỄ ; làm lợi người vật đủ để hòa đồng với NGHĨA, vững bền đủ để làm cán cân cho mọi vật. Đáng quân tử thực hành bốn đức đó, cho nên nói: Kiền, nguyên hanh lợi trinh.*

Văn ngôn hào Lục Ngũ Quẻ Khôn: *“Quân tử Huỳnh trung thông lý, chánh vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung nhi xướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã!”*

Nghĩa: *Người quân tử ở chỗ trung (màu vàng: hành thổ), thông suốt mọi lý lẽ, tuy ở ngôi vua mà ở thể dưới. Những cái tốt đẹp bên trong phát xuất ra ngoài tay chân, gây nên sự nghiệp, thật là tốt đẹp tột bậc vậy! (Thực chất có bên trong, thì văn vẻ sẽ hiện ra bên ngoài).*

Những nét văn hóa đạo đức trên đây là lời giáo huấn của thánh nhân, đã thấm nhuần trong tư tưởng Đông phương nói chung và trong văn hiến Việt Nam

nói riêng. Như tại đền Thái Vy (Ninh Bình), ngay trên chính điện thờ các bậc tiên vương nhà Trần, có bức khánh khắc bốn chữ “CHÍNH LONG ĐỨC TRUNG”, ý nghĩa ca ngợi cái đức trung chính cao cả của bậc minh quân Nền Văn hóa Đạo đức do Phật đạo và Thiên học phát huy:

Nền Văn hóa này vừa thâm trầm, vừa thanh thoát, biểu hiện sự giác ngộ của nhân sanh nhờ trì tu Phật pháp.

Có thể nói VHĐĐ của Phật đạo là nền Văn hóa xoay quanh cái trục của Tâm, của Thiên.

Hai bài thơ nổi tiếng của Thần Tú và Huệ Năng là khẩu khí của hai bậc đồ đệ của Ngũ tổ Hoàng Nhãn, vô hình chung đã trở thành hai bài ứng đối tài tình cho đề tài về Tâm. Thần Tú:

*Thân thị bồ đề thọ,
Tâm như minh cảnh đài.
Thời thời cần phát thức,
Vật sử nhá trần ai.*

Nghĩa:

*Thân ấy bồ đề thọ,
Tâm như minh cảnh đài.
Giờ giờ cần phải sạch,
Chớ để vướng trần ai.*

Huệ Năng:

Bồ đề bốn vô thọ,

*Minh cảnh diệc phi đài.
Bổn lai vô nhứt vật,
Hà xứ nhá trần ai.*

Nghĩa:

*Bồ đề chẳng có thọ,
Minh cảnh cũng không đài.
Bổn lai không một vật,
Nào chỗ vướng trần ai.*

Chính chữ Tâm cũng là nguồn cảm hứng để làm nên bài vịnh bất hủ:

*Tam điểm như tinh tượng,
Hoành câu tựa nguyệt tà.
Phi mao từng thử đắc,
Tác Phật giả do tha.*

Nghĩa:

*Ba điểm tựa hình sao,
Móc câu như trăng xế.
Cầm thú bởi từ đây,
Tạo Phật đều do đó.*

Tác phẩm “Khóa Hư Lục” của vua Trần Thái Tông là một công trình VHĐĐ của một bậc chân tu trong giới Thiền Việt Nam được các hàng Phật học đời sau hết sức ngưỡng mộ. Lời tựa của bản dịch Khóa Hư Lục được viết như sau:

“Sách này chính tay vua Trần Thái Tông viết ra. Sở dĩ làm ra sách này thực là vì người ta từ bao kiếp

tới nay, quên mất bản tâm, chẳng biết đạo chính, dọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Nên không sám hối lỗi trước, khó sao mong được quả sau.

“Không cứ gì phái thế gian hay phái xuất thế gian, đều nên chăm chỉ tu hành sám hối. Tâm nên hư không, thời giờ không thể bỏ không được, mà công phu học tập càng một phút không thể bỏ không được, cho nên nhứt định cứ đúng lệ ngày đêm chia làm sáu buổi: 1) Đầu tiên dâng hương, 2) Tâm bạch. 3) Thứ đến sám hối, 4) Khuyến mời, 5) Sau chót là hồi hướng, 6) Phát nguyện [...]

“Lời văn yếu ước mà lời lẽ rõ ràng, việc làm giản dị mà công dễ tới ; có thể nhân đó mà ngăn lòng vượn, phòng ý mã, vượt biển khổ qua bến mê...”

Một công trình Văn hóa Đạo đức bất hủ nữa là Thập Mục Ngưu Đồ, dù xưa nay mỗi thời, mỗi nét họa khác nhau, nhưng trước sau vẫn là bài học tìm TÂM, một quá trình làm chủ Tâm không hề thay đổi, bởi vì đó là Pháp là Đạo.

Còn đối với Lão Trang, từ Đạo Đức Kinh đến Nam Hoa Kinh đã hàm súc bao nhiêu đạo lý và triết lý thâm sâu giúp cho các đạo gia tu luyện đạt đến chỗ thung dung tự tại. Nếp sống, nếp nghĩ, lời nói, việc làm của những vị này thể hiện cốt cách thanh tịnh giải thoát, vô dục, vô cầu, đã góp phần xây dựng nền văn hóa đạo đức cho nhân loại.

Như cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1535) đã từng tỏ bày quan niệm sống an nhiên vô sự của đạo gia:

*Lộ là thành thị, lộ lâm toàn,
Được thú thì hơn miễn phận nhân.
Vụng, bất tài nên kém bạn;
Già, vô sự ấy là tiên.
Đồ thư một quyển, nhà làm của,
Phong nguyệt lâm tuyền khách nổi thuyền.
Dù nhân, chê khen dù miệng thế,
Cơ màu tạo hóa mặc tự nhiên.*

Và Nguyễn Công Trứ, tuy là một nhà nho, nhưng vẫn có tư tưởng Lão Trang, chuộng thú điền viên, thoát vòng danh lợi:

*Mãi thế rồi ta sẽ tĩnh đây,
Điền viên thú nọ vẫn xưa nay.
Giang hồ bạn lữ câu tan hợp,
Tùng cúc anh em cuộc tỉnh say.
Tòa đá Khương công đôi khóm trúc,
Áo xuân Nghiêm tử một vai cày.
Thái bình vũ trụ càng thông thả,
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.*

Ở trên chúng ta thấy Kinh Dịch là một cẩm nang muôn đời để giúp cho con người biết được đường lối hoàn thiện bản thân, hoàn thiện xã hội để xây đời Thánh đức. Nhưng cái Đạo, cái Lý, cái Pháp đó là gốc lớn của VHDD ; như nguồn suối vĩnh cửu chảy xuyên qua bao nhiêu thác ghềnh, rừng núi, kẻ đá, bụi cỏ,

khóm cây, qua bao năm tháng chan hòa cùng khắp lâu đời, mới làm nẩy nở hoa thơm cỏ quý nơi nơi. Những tinh hoa đó có thể lấy Kinh Thi làm điển hình.

Kinh Thi là một tập thơ cổ nhất Trung Quốc tập hợp những dân ca và ca dao đẹp nhứt, hay nhứt của Trung Quốc từ xa xưa đến thế kỷ thứ VI trước CN. Đến thời Hán (206 trước CN) tập thơ này được xếp vào một trong Ngũ kinh.

Kinh Thi với hàng trăm bài thơ đầy thi vị, đầy nhạc điệu, uyển chuyển, ví von, duyên dáng, vừa hiện thực mọi tâm tình của đời sống mọi người, mọi giới, vừa phản ảnh nhân sinh quan đạo đức lâu đời.

— Ví dụ nơi chương Khải phong (gió hòa: gió phương Nam):

*Từ phương Nam,
Gió hòa đưa lại;
Cây gai dại,
Gió thổi lồi gai,
Lồi gai non nót tốt tươi,
Mẹ ta kể biết mấy mươi công trình.*

Và:

*Từ phương Nam,
Gió hòa đưa lại.
Cây gai dại,
Gió thổi củi gai.*

*Mẹ ta thánh thiện ở đời,
Mà ta chẳng được có người nào hay.*

Ví dụ chương “Thuần chi bôn bôn”:

*Thuần chi bôn bôn,
Tước chi cương cương.
Nhân chi vô lương,
Ngã dĩ vi huynh.*

Dịch nghĩa:

*Kìa con chim thuần,
Nợ con chim tước,
Bay đậu cùng nhau.
Người kia hư thiệt đến đâu,
Ta phải ngậm sâu, ta nhận làm anh.*

Ở nước ta, Kinh Thi có ảnh hưởng khá sâu sắc vào tác phẩm văn học của các nho sĩ cũng như vào một phần đời sống văn hóa của nhân dân. Trong dân gian có một số chữ rất thông dụng như: “vu qui”, “gia thất”, “yếu điệu”, “chín chữ cù lao”, “phù du”, “cầm sắt”, “lang bạt”, không ai là không biết, không hiểu...

VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC

1. Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi (1380 - 1442)

Phép dạy con

Ngày con đã biết chơi, biết chạy,
Đừng cho chơi, cầm gậy, trèo cao,
Đừng cho chơi búa, chơi dao,
Chơi vôi, chơi lửa, chơi ao, có ngày...
Lau cho sạch, không hay dầm nước ;
Ăn cho vừa, đừng ước cao lương
Mùa đông, tháng hạ, thích thường.
Đừng ôm ấp quá, đừng suông sã con,
Dạy từ thuở hãy còn trứng nước:
Yêu cho tròn, bắt chước lấy người.

[...]

Việc nội trợ

Bề nội trợ việc trong xem xét,
Siêng năng thời trăm việc đều nên.
Chớ khoe khoang lắm thóc nhiều tiền.
Ngồi ăn mãi, non mòn núi lở.
Việc nhà có kẻ ăn, người ở,
Từ trong ngoài, nhủ bảo trước sau.
Đồ làm ăn, ngày để đâu đâu,
Ban tối phải thu về cho đủ,

Trống canh một chớ đà vội ngủ ;
 Siêng năng thường chăm chủ việc ta.

[...]

2. Ca dao:

Mẹ dạy con gái

Con ơi! Mẹ bảo đây này,
 Học buôn học bán cho tày người ta.
 Con đừng học thói chua ngoa,
 Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
 Dù no, dù đói cho tươi ;
 Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
 Phòng khi đóng góp việc làng:
 Đồng tiền bát gạo lo toan cho chồng.
 Trước là đắc nghĩa cùng chồng,
 Sau là họ mạc cũng không chê cười,
 Con ơi! nhớ bấy nhiêu lời.

Chồng khuyên vợ

Nhà anh chỉ có một gian,
 Nửa anh làm bếp, nửa toan làm buồng.
 Anh cậy em coi sóc trăm đường,
 Để anh buôn bán trảy-trương thông hành,
 Còn chút mẹ già, nuôi lấy cho anh,
 Để anh buôn bán thông-hành đường xa.
 Liệu mà thờ kính mẹ già,
 Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.

3.Hát chèo:

Vở chèo Quan Âm Thị Kính (đoạn kết cục)

Lấy lửa thử vàng,
Này ai ơi, lấy lửa thử vàng,
Vàng đem thử lửa, lại càng thêm tươi.
Con người ta, sinh ra ở trên đời,
Lấy chữ tình đem thử dạ người thủy chung.
Lấy chữ tu đem thử bèn lòng,
Lòng bèn nhân ái là tu vòng trần gian.
Dầu có oan thời mấy cũng giải oan.

4. Bài tụng Công nghiệp Đức Trần Hưng Đạo (Thơ Thất ngôn cổ phong)

Đức Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn,
Một bức vĩ nhân của nước nhà,
Một đấng anh hùng của thế giới,
Một vị lương đồng triều Đông A.
Chiến công đệ nhất trong Việt sử,
Thắng Nguyên, uy danh vang gần xa.
Quân Nguyên vốn là quân Mông Cổ,
Đã từng diệt Tống, đánh bại Nga.
Từ Á sang Âu châu cũng thắng,
Thế mà hai lần đều thua ta.
Vì Hưng Đạo Vương gan sắt đá.
Quyết chí “sát thát” cứu sơn hà.

Tâu vua “Xin chặt đầu tôi trước,
 “Rồi hãy hàng giặc mà cầu hòa”.
 Trước sau vẫn lấy Trung làm Hiếu,
 Tư hiềm đâu bằng công nghĩa mà,
 Tấm gương trung nghĩa cảm tướng sĩ.
 Trên dưới một lòng phò quốc gia.
 Trận “Hàm Tử”, “Chương Dương”, “Tây Kết”,
 Trận “Vạn Kiếp”, “Bạch Đằng” xông pha.
 Chém Toa Đô, lại bắt Ô -Mã,
 Chiến công oanh liệt, gương không nhòa.
 Văn mô, vũ liệt truyền muôn thừa,
 Đọc lịch đường đọc bài quốc ca!

5. Lễ hội:

Theo Ông Jean Duvignaud, giáo sư Đại học tổng hợp Paris, Chủ tịch Trung tâm nghiên cứu các nền văn hóa thế giới:

Lễ hội có những hình thức và nguồn gốc vô cùng đa dạng. Nhưng chính sự đa dạng này thể hiện vai trò trọng yếu của hội hè nói chung trong đời sống cộng đồng.

Nhà xã hội học Durkheim đã nhìn lễ hội như một “phấn khích” mà cường độ của nó duy trì sự đoàn kết của một tập đoàn hay một dân tộc: ở đó người ta thể hiện, người ta hình dung những mối quan hệ vô hình mà con người tồn tại với thiên nhiên và những qui luật của nó.

Là một thiết chế thực sự, lễ hội bảo vệ, tái sinh và tái tạo sợi dây liên kết các thành viên của một xã hội.

Trong quyển “Kho tàng Lễ hội cổ truyền Việt nam TS. Nguyễn Chí Bền viết: “[...] Lễ hội trở thành một sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng của cộng đồng, một thành tố văn hóa đặc biệt ở làng quê... Các trò diễn, các nghi lễ đưa con người vào tâm thế trở về cội nguồn, tắm mình trong không gian huyền thoại, đậm đặc chất lịch sử. Và biểu hiện trong con người lòng biết ơn, sự ước mong thầm kín khi họ đến với vị Thánh của làng, đến với Thần linh để cầu mong cho bản thân, gia đình dòng họ, cộng đồng sự bằng an, sinh sôi nảy nở của con người lẫn tạo vật.”



Lễ hội đua thuyền đầm Ô Loan (Tuy Hòa-Phú Yên)

KHẢ NĂNG ĐÓNG GÓP CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI VÀO NỀN VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC NHÂN LOẠI

Nhấn mạnh lại nguồn gốc sâu xa của văn hóa:

- *“Văn hóa rất tế nhị mà bao la, trầm mặc mà mạnh mẽ, có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. Bản chất của văn hóa là đạo đức...”*¹

Từ đó, liên hệ với tôn chỉ “Tam giáo qui nguyên, ngũ chi phục nhứt” và mục đích ”Thế đạo Đại đồng, Thiên đạo Giải thoát” của đạo Cao Đài, ta thấy Cao Đài đang un đúc, phục hưng cái “Chân” nơi mọi thực tại con người, mọi tôn giáo, mọi cộng đồng dân tộc để phát huy thành cái Thiện cái Mỹ cho thời đại TKPD.

Trên đây ta thấy văn hóa rất bao la, trong đó, tôn giáo là một mặt của Văn hóa Đạo đức, thế nên với danh nghĩa ĐĐTKPD, Cao Đài đã và đang đóng góp vào nền văn hóa đạo đức một cách tích cực trong vai trò tôn giáo của mình.

¹ Đức Lý Giáo Tông

Nhưng trong tương lai, Cao Đài còn phải vượt xa, vượt cao hơn nữa lên đến tầm vóc Đại Đạo mới đạt đến mục tiêu Văn hóa Đạo đức một cách trọn vẹn.

a)- Với phương tiện tôn giáo: Cao Đài đã có đầy đủ những hình thức văn chương- kinh điển - nghi lễ để thúc giục nhân sanh hướng thiện và giác ngộ bằng đạo lý biểu hiện qua các hình thức ấy.

b)- Với Giáo lý Đại Đạo và Tân Pháp Đại Đạo, Cao Đài sẽ phục hồi nhân bản nơi mỗi con người và phục hưng nhân bản trong mọi sinh hoạt toàn diện của con người, trong mọi cộng đồng, mọi quốc gia dân tộc và thế giới. Đó là sứ mạng trọng đại nhất mà cũng có tính văn hóa đạo đức cao nhất.

Do đó, tôn chỉ “Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát” sẽ được nhân loại thực hiện bằng Khoa học và Văn Hóa

Thời đại ngày nay, phương tiện khoa học và phương tiện văn hóa đã tiến bộ vượt bậc, Sứ mạng Cao Đài phải làm sao cho có tính khoa học đó là khoa học văn minh toàn diện và văn hóa đó là văn hóa đạo đức thế gian lẫn xuất thế gian..

Chúng ta tin rằng Sứ mạng Cao Đài hay Sứ mạng ĐĐTKPĐ đó là sứ mạng khả thi, bởi vì Cao Đài đã được Đức Thượng Đế khai thị từ Nhân bản và đặt nó trên nền tảng Nhân bản mà cứu cánh của Nhân bản ấy chính là tiến hóa trở về Thượng Đế.



Lễ hội tại Văn Miếu (Hà Nội)

BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC

Mỗi dân tộc trên thế giới, từ thời dựng nước, trải qua lịch sử thăng trầm giữ nước, xây dựng đời sống nhân dân no ấm phồn vinh, phát huy văn hóa dân tộc, phát triển văn minh là một chuỗi dài nỗ lực và hy sinh của nhiều thế hệ.

Mỗi dân tộc đều tự hào về di sản của ông cha và tiếp tục giữ gìn phát huy truyền thống tiền nhân để lại hầu bảo vệ xây dựng tổ quốc trường tồn, tiến bộ không ngừng.

Chính tình yêu nước thiêng liêng, ý chí quật cường, trí tuệ sáng tạo, lòng biết ơn tổ tiên, cộng với dân tộc tính, với bản sắc văn hóa đã đúc kết nên bản chất tiềm tàng trong mỗi người dân... Rồi truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác, thấm nhập giá trị nhân bản phổ quát đại đồng trong dân tộc và có khả năng tiến hóa hòa hợp với các dân tộc khác trên hế giới.

Với những đặc tính trên, có thể gọi “bản chất” ấy là **BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC**.

Trước khi tìm hiểu Bản Thể Đại Đồng Dân Tộc, cần định nghĩa hai chữ “bản thể”, một danh từ triết học có ý nghĩa rất đặc biệt.

1. Theo các tự điển triết học Việt Nam và Anh ngữ thì Bản thể là thực tại tự thân (reality in itself), chỉ có thể tiếp cận bằng trí thức trực giác chứ không thể biết được bằng cảm quan.¹

2. Đại Động Chân Kinh viết: *“Căn bản vốn tại Trung tâm... Suy cho cùng Bản thể vốn tại Trung tâm. Các hiện tượng bên ngoài đều bắt nguồn từ bên trong. Các ứng dụng hiển lộ ra bên ngoài cũng đều từ bên trong sinh xuất...”* (Căn bản nguyên do Trung... Cứu kỳ căn bản thực do ở Trung. Hiển lộ ngoại giả, bản hồ nội. Chiêu hồ Dụng giả, do hồ Thể dã)²

3. Thánh giáo Cao Đài viết: *“Đạo là bản thể vũ trụ, tối cao tối thượng, mà Đạo cũng là nguồn sống của vạn vật chi linh. Do đó mà những bậc thánh triết hiền nhân quân tử mới dám xả thân cầu Đạo, đem sự tín ngưỡng, đem hành động nghĩa nhân đạo đức gây được uy tín trong nhân gian để đem họ hiệp về con đường Đạo là nguồn sống.”*³

4. Đạo Học Chỉ Nam viết: *“Nguồn gốc vũ trụ, người vật, đông tây, nay và xưa, ai cũng công nhận trong kiến khôn thế giới, có một Bản nguyên chủ thể*

¹ Bản thể - Từ Điển Triết Học Giản Yếu của Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987. American Heritage Dictionary: noumenon n. pl., noumena.

² ĐĐCK, q. hạ, tr. 11b. (Dẫn theo BS. Nguyễn Văn Thọ, Tinh Hoa Các Đạo Giáo, tr. 282.)

³ Đông Thắng Chơn Như, Cao Thượng Bửu Tòa, Tuất thời, 18-8 Bính Ngũ (02-10-1966).

làm trung tâm điều lý. Người vật từ đó mà ra, vạn đức bởi đó mà vào... ”⁴

Cuối cùng, định nghĩa đạo học đã bổ sung định nghĩa triết học để cho chúng ta khái niệm tổng hợp sau:

Nếu chúng ta tư duy về vũ trụ thì vũ trụ bao hàm Bản thể và hiện tượng. Bản thể của vũ trụ là Cáo tử - nó hay thực tại tự thân, là nguyên thủy của vạn vật thuộc về hiện tượng. Vạn vật biến đổi không ngừng, nhưng luôn luôn còn tương quan với Bản thể. Bản thể bất biến nhưng vẫn luôn luôn tác động vào vạn vật.

Nếu Bản thể là Nguồn gốc, là Tuyệt đối thể bất biến của vạn vật thì Bản thể phải là thực tại toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ. Đồng thời Bản thể cũng là cứu cánh tiến hóa của vạn vật. Nên tuy muôn loài vạn vật có vô số hình thức khác nhau nhưng cùng có chung một Bản thể. Chính Bản thể làm cho vạn vật có tính đại đồng tiềm ẩn.

Xét về mặt tiên thiên thì Bản thể của vũ trụ vạn vật là Vô cực - Thái cực - Đại linh quang. Con người thọ bẩm Tiểu linh quang từ Đại linh quang.

Xét về mặt hậu thiên thì nhân loại cùng có một Bản thể đại đồng, đó là Nhân bản, là bản vị đánh giá nấc thang tiến hóa làm người không phân biệt màu da sắc tóc.

⁴ Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội, Chương I, Vũ trụ nhất nguyên, Tiết II.

Xét trong phạm vi một dân tộc, thì Bản thể đại đồng dân tộc còn được un đúc thêm vào Nhân bản những bản chất đặc thù của dân tộc đó, mà bất cứ người dân nào mang huyết thống giống nòi đều thừa hưởng Bản thể đại đồng ấy.

Vậy Bản thể đại đồng dân tộc của dân tộc Việt Nam là gì?

Đối với dân tộc Việt Nam, có thể nói các cơ cấu:

- *TÂM THỨC GIỐNG NÒI;
- *TÂM THỨC LƯƠNG HỢP ÂM DƯƠNG
- *TÂM THỨC THIÊN LIÊNG và VŨ TRỤ;
- *ĐỊA LINH TÔ QUỐC;
- *VĂN HÓA DUNG HỢP;
- *LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ

Tất cả kết thành Bản thể đại đồng dân tộc Việt Nam.

I. TÂM THỨC NÒI GIỐNG RỒNG TIÊN

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (phần ngoại kỷ) của Ngô Sĩ Liên (thời nhà Lê, thế kỷ 15), viết về nguồn gốc dân tộc Việt Nam (dã sử) như sau:

Kỷ Hồng Bàng thị:

Kinh Dương Vương:

Kinh Dương Vương tên húy là Lộc Tục, con cháu Thần Nông thị. [...]

Thần Nông thị là Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Rồi Đế Minh đi tuần đến phương Nam, lấy con gái Vụ Tiên mà sinh ra Vua [Kinh Dương]. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi, Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi làm con nối ngôi trị phương Bắc, phong cho Vua là Kinh Dương trị phương Nam, gọi nước là Xích Quỷ. Vua lấy con gái của Động Đình Quân tên là Thần Long sinh ra Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân:

Lạc Long Quân tên húy là Sùng Lãm, con trai của Kinh Dương Vương.

Vua [Lạc Long Quân] lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh ra trăm trứng) là Tổ của Bách Việt. Một hôm Vua bảo Âu Cơ rằng: “Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên... bèn chia 50 con theo mẹ về núi ở, 50 con theo cha về miền nam (có bản chép là về Nam Hải), phong con trưởng làm Hùng Vương nối ngôi. Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là nước Văn Lang (nước ấy phía đông giáp Nam Hải, phía tây đến Ba Thục, phía bắc đến hồ Động Đình, phía nam giáp nước Hồ Tôn, tức

Chiêm Thành), đóng đô ở Châu Phong (nay là huyện Bạch Hạc) chia nước làm 15 bộ...⁵



Lăng Kinh Dương Vương (Thuận Thành-Bắc Ninh)
Ảnh Nguyễn Cao Hách

@ Chính do huyền thoại trên đây, ban đầu được truyền khẩu qua nhiều đời đã tạo cho dân tộc Việt Nam một tâm thức nòi giống Rồng Tiên, dần dần được ghi chép thành truyện, thành dã sử. Đã là dã sử thì không thể bàn chuyện thực hư; điều đáng quan tâm là tâm thức ấy đã biểu hiện ra trong đời sống dân tộc như thế nào, ảnh hưởng vào phong tục tập quán, văn hóa xã hội, đúc kết nên dân tộc tính đặc thù miên viễn.

⁵ Văn Hóa Luy Lâu và Kinh Dương Vương, nhiều tác giả, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1998, tr. 132134.

@ Nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Huệ có công trình nghiên cứu điền dã, đi tìm hiểu thực tế những chứng tích về họ Hồng Bàng ở Bắc Ninh, đã viết như sau:

“Ở một bãi rộng của dòng sông Đuống thuộc xã Á Lữ vùng Luy Lâu xưa đã có lăng Kinh Dương Vương. Đó là một gò đất vuông vắn, cao ráo trên bãi bồi của một khúc sông Đuống. Lăng nhỏ nhưng nghiêm trang, có bia ghi sự tích rõ ràng, có hoành phi: Nhật trùng quang/Nam bang thủy tổ.

“Và các câu đối như: Lập thạch ký công Nam thánh tổ,/Phong phần tổ phậ Bắc thần tôn.

“Ở phía nam của Bắc Ninh, ngoài Á Lữ còn có 15 địa điểm thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ và 56 địa điểm thờ các thần Bách Noãn. Trong số thần Bách Noãn được thờ thì có ba địa điểm thờ Hùng Vương (con trưởng) và 53 nơi thờ các vị khác...



Mộ Tổ Hùng Vương - Ảnh Cao Lĩnh

Hội thờ Âu Cơ:

Cùng với việc thờ Lạc Long Quân, nhân dân ở đây (và trong vùng) cũng thờ người mẹ khai sáng giống nòi là bà Âu Cơ.

“Khác với Lạc Long Quân, những công việc của bà mẹ Âu Cơ đã được cụ thể hóa thành những bà Dâu, bà Đậu, bà Dàn, bà Mẹ Nước, bà Phật Mẫu Man Nương, v.v... được kể và được thờ thành một hệ thống khắp trong vùng Thuận Thành, Gia Lương. Đó là những bà mẹ biết dạy dân làm những công việc khai sáng. Như bà Man Nương biết dạy dân đào giếng lấy nước chắt hạp, bà Dâu biết dạy dân trồng dâu nuôi tằm, bà chúa Á dạy dân xe tơ tằm thành chỉ để dệt vải may quần áo mặc.”⁶

II. TÂM THỨC LƯƠNG HỢP ÂM DƯƠNG - TÂM THỨC THIÊN LIÊM VÀ VŨ TRỤ



Trống đồng

Các nhà khảo cổ học và dân tộc học nghiên cứu hoa văn trên trống đồng ở nước ta có niên đại từ

⁶ Nguyễn Thị Huệ, sđd. 153-154.

khoảng thế kỷ VII trước CN, trùng với khung thời gian và khung không gian xã hội Văn Lang - Âu Lạc (vùng Bắc Việt Nam và khu vực Nam Hoa Nam Trung Quốc), đã nhận định rằng người Việt cổ từng thể hiện những tâm thức Âm Dương trong đời sống giữa thiên nhiên và tâm thức thiêng liêng tương quan giữa con người và trời đất.

1. Tâm thức Âm Dương hay Lương phân - lưỡng hợp:

Trong quyển “Trống Đông Sơn” do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1987 (nhiều tác giả) có viết: *“Bằng tư duy liên tưởng, Bà P. Maspêrô đã nhìn đến ý nghĩa lưỡng hợp - lưỡng phân ở các biểu tượng của nền văn hóa Đông Nam Á, trong đó có các biểu tượng trên trống đồng. Nhiều nhà nghiên cứu nước ta cũng đã thấy yếu tố âm dương thể hiện ở họa tiết hoa văn trên mặt trống: cánh sao tượng trưng yếu tố dương, hoa văn “lông công” xen kẽ giữa các cánh sao tượng trưng yếu tố âm. Các hoa văn chim, hươu đối lập với các hoa văn cá rần...”*⁷

2. Cộng với tâm thức lưỡng hợp là tâm thức thiêng liêng:

⁷ Trống Đông Sơn, Nxb KHXH, Hà Nội, 1987, tr. 239.

Nhiều học giả cho rằng các cảnh trên trống đồng có liên quan đến tục thờ mặt trời. Những hình ảnh hội đua thuyền, hội nước, với trống đồng có ý nghĩa cầu nước, cầu mưa vì tiếng trống liên quan đến tiếng sấm.

*“Các tác giả cho rằng trống đồng là vật thiêng, làm trung gian giữa cõi sống và cõi chết, giữa con người và thần linh.”*⁸

Đồng thời có tín ngưỡng cổ sơ thờ Trời Đất, với tâm thức “cha Trời, Mẹ đất”, “trời tròn, đất vuông”. Vuông, tròn là khái niệm âm dương lúc sơ khai, đồng thời cũng mang ý nghĩa cầu mong sự tốt đẹp.

Tục thờ Bàn Thiên không biết phát sinh từ thời nào, nhưng rất phổ biến trong dân gian từ Bắc chí Nam, nhất là từ Huế trở vào. Bàn Thiên là một bệ thờ chừng 4-5 tác vuông được đặt trên một trụ cao khoảng 1,50 m ở trước sân nhà. Trên bệ thờ chỉ có lễ vật đơn sơ: hoa, nhang, 3 chung nước, có khi thêm gạo, muối. Mỗi tối gia chủ thắp nhang trước Bàn Thiên khấn nguyện Trời Đất rồi xá bốn hướng. Tín ngưỡng cha Trời mẹ Đất còn mang mối quan hệ ba ngôi Tam tài (Tam hoàng): Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhơn hoàng; con người ở giữa Trời và Đất phải thông thiên, đạt địa.⁹

3. Tâm thức về vũ trụ

⁸ Sđd, tr. 237

⁹ Theo Nguyễn Hữu Hiếu, *Tìm Hiểu Văn Hóa Tâm Linh Nam Bộ*, Nxb. Trẻ, 2004, tr. 144.

“Cũng có ý kiến cho hoa văn trống Đông Sơn là biểu hiện của một mô hình vũ trụ theo quan niệm của người xưa: mặt trống thể hiện cõi trời, cõi đất, tang trống thể hiện cõi nước., lưng trống thể hiện cõi âm.”[...] “Có thể người xưa đã có ít nhiều khái niệm về vũ trụ. Trang trí mặt trời được đặt ở trung tâm mặt trống, các hoa văn người và động vật có hướng ngược chiều kim đồng hồ...”¹⁰

III. TÂM THỨC ĐỊA LINH TÔ QUỐC

Ba núi thiêng vùng đất tổ:

Lê Quý Đôn viết trong Kiến Văn Tiểu Lục (1723-1733): “Núi Tam Đảo thuộc huyện Tam Dương. Mạch núi này do khí thế cao cả của các núi ở các xã Kỳ Phú, Huân Chu và Cát Nê thuộc huyện Phú Lương và Đại Từ từ trấn Thái Nguyên kéo đến. Đến đây đột khởi ba ngọn cao vút đến tận mây xanh [...] ở giữa là ngọn Thiên Kim, cao chót vót, gheñh đá không biết bao nhiêu mà kể. Sườn núi có chùa Tây Thiên, tre xanh thông tốt, cảnh sắc trang nhã.

Trên núi cao lại có chùa Đồng Cổ, vừa lên vừa xuống phải mất hai ngày...”

Cũng trong Kiến Văn Tiểu Lục, Lê Quý Đôn viết: “Núi Tản Viên, địa giới ở huyện Bất Bạt và Minh Nghĩa, mạch núi từ Mùng Thanh liên tiếp chạy dài,

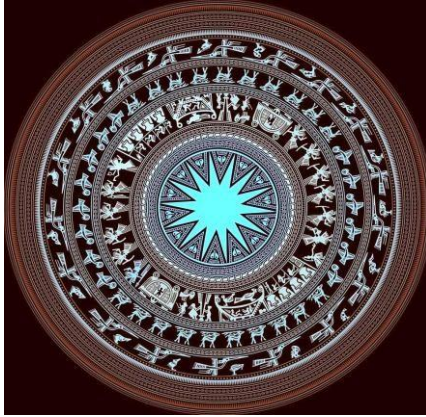
¹⁰ Lê Văn Lan, 04-12-1981, Tư liệu Viện Khảo Cổ Học, tr. 239.

đến đây thì nổi vọt ba ngọn thành hàng ở giữa hai sông Thao, Đà, cảnh sắc xinh tươi, hình thể cao cả, như trân giữ đất nước. Ngọn giữa rất cao thờ thượng đẳng thần linh; đỉnh núi, sườn núi và chân núi có các đền thượng, trung và hạ, núi cao sát chân trời xanh, suốt ngày có mây mù bao phủ.”

Còn núi Hùng, tương truyền là nơi xưa kia Hùng Vương dựng cung điện được Lê Hải Cương mô tả trong Địa Dư Chí như sau: “Mạch núi từ Tam Đảo bỗ xuống... ở phía tây núi non la liệt, phía đông có nước sông Đà lượn quanh, lại có các ngọn nước tụ hội ở ngã ba sông, thật là bố cục lớn về phong thủy. Trên núi có miếu Hùng Vương, bên cạnh miếu có hai cột đá, lại có chùa Thiên Quang.

“Nếu lấy đền Hùng làm trung tâm với bán kính khoảng 20 cây số thì kinh đô Phong Châu xưa là một vùng rộng lớn, nơi hội tụ của trời đất, nước và con người. Những di chỉ khảo cổ trong vùng đã và đang minh chứng cho một bề dày lịch sử hàng ngàn đời của vùng đất tổ này.”¹¹

¹¹ Theo Công Lý, Lương Việt, Heritage, VN Airlines, tháng 3-4/2005, tr. 18-19.



Mặt trống đồng Đông Sơn

IV. VĂN HÓA DUNG HỢP

Nghiên cứu nền văn hóa nguyên thủy của người Giao Chỉ, các nhà khảo cổ học và dân tộc học cho rằng khởi đầu đó là những nét văn hóa phát sinh từ đời sống nông nghiệp. *“Hoa văn trống đồng đã ghi lại những dấu vết của sinh hoạt thị tộc, những dấu vết của nghề săn bắn và những hình thức sớm của nghề trồng trọt với tính cách là những hình thức sản xuất chủ yếu, cùng với những hình thức tổ chức xã hội và các thiết chế xã hội tương ứng... Những nghi lễ được ghi khắc trên đó, có từ thời cổ đại, qua suốt thời kỳ trung cổ và tồn tại mãi cho đến gần đây. Đó là cái*

mà người ta thường gọi là nghi lễ nông nghiệp với tục thờ sinh thực khí.”¹²

Từ đó người Việt cổ có tục thờ Man Nương (man: mưa), để rồi đến khi Đạo Giáo du nhập vào, thì Man Nương trở thành Mẫu Man Nương, vị nữ thần giúp dân có được mùa màng sung túc, đời sống ấm no; và tâm thức sùng bái thiên nhiên trời đất trở thành tín ngưỡng thờ Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện).



Đền thờ các Thánh Mẫu ở Phủ Dầy (Nam Định)

Đến thế kỷ III, khi Sĩ Nhiếp được Hán đế phong làm thái thú Giao Châu, thì người Giao Chỉ được tiếp thu văn hóa Tam Giáo từ phương Bắc và văn hóa Ấn do các đại sư truyền sang. Sử thần Ngô Sĩ Liên viết: *“Nước ta được thông Thi Thư, tập Lễ Nhạc là một*

¹² Văn Hóa Luy Lâu và Kinh Dương Vương, Nxb Hội Nhà Văn, 1998, tr. 39.

nước văn hiến bắt đầu từ Sĩ Vương, công đức ấy không chỉ ở đương thời mà có thể truyền mãi đời sau, há chẳng lớn sao?”

Đền thờ Sĩ Nhiếp - Nam Giao học tổ, tuy bị hư hỏng nhiều nhưng vẫn còn trong thành Luy Lâu (vùng Kinh Bắc nước ta). Ông là người đã đem văn hóa Trung Quốc truyền vào Luy Lâu một cách mạnh mẽ, đàng hoàng và hệ thống, nhưng cũng là người có công tu tạo, tôn vinh, quy chuẩn phong tục bản địa. Ông là người đã mở trường dạy Luận Ngữ rồi đến Ngũ Kinh.

Ông cũng là người sai tạc tượng Tứ Pháp, lấy gỗ từ cây đa do Man Nương kéo từ dưới sông lên.

Phải chăng ông đã kết hợp được Nho, Phật, Đạo, phát triển được văn hóa dân gian nên tạo được cảnh hòa bình trong hơn 20 năm?¹³

V. LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ

Lịch sử nước nhà là chuỗi dài thời gian trong đó diễn ra những sự kiện, những biến cố tác động một cách tiêu cực hoặc tích cực vào quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc trong quốc gia. Nói khác đi, lịch sử là những gì ghi nhận thành quả lao động, chiến đấu, tư tưởng trong quá trình xây dựng, bảo vệ đất nước và phát triển của một dân tộc.

¹³ Văn Hóa Luy Lâu, sđd, tr. 41.

Trên dòng lịch sử trải nhiều thế hệ, mỗi thế hệ thừa kế, phát huy tinh thần dân tộc của thế hệ trước, lại sáng tạo, xây dựng những kỳ công mới, tất cả un đúc thành bản chất đặc thù của dân tộc, thấm nhập trong tâm khảm và đời sống của mỗi con dân.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, những thời đại uy hùng đã làm nên bản chất ấy, nhờ đó dân tộc ta tồn tại trên một lãnh thổ toàn vẹn, một nền văn hiến rực rỡ, một truyền thống đạo đức nhân bản.

Thời đại Hùng Vương dựng nước Văn Lang với niềm tin con Rồng cháu Tiên, với tình đồng bào “một mẹ trăm con”, với tinh thần quật cường thánh Gióng chống giặc.

Thời đại Đại Việt, với tâm thức thiên mạng: Nam quốc sơn hà Nam đế cư, / Tiệt nhiên định phận tại thiên thư; / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, / Nhữ đẳng hành khang thủ bại hư.

Rồi ý chí kiên cường, lòng tự tin sắt đá “Đầu hạ thần chưa rơi, xin bệ hạ đừng lo” cộng với tinh thần dũng mãnh chống xâm lược của toàn dân qua tiếng hét đồng tâm “quyết chiến “của hội nghị Diên Hồng... tất cả đã làm nên giáp sắt cho dân tộc và thành đồng cho tổ quốc.

Đó là tinh thần độc lập tự chủ, là thiên bẩm thiêng liêng của con người, là quyền tự do của mọi dân tộc, khiến cho người dân “thà hy sinh tất cả chứ không

chịu làm nô lệ”. Đối với dân tộc Việt Nam, tinh thần đó càng không phải là tính hiếu chiến.

Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi là tuyên ngôn của Vua, là tâm huyết của toàn dân, tuy rất căm thù giặc Minh xâm lược “Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội; dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi.” Nhưng vẫn thể hiện tính nhân nghĩa, đức hiếu sinh là huyết thống ngàn đời của dân Nam: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, / Lấy chí nhân để thay cường bạo.”

Và: “thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh.”

Những thời kỳ đất nước thanh bình thịnh vượng, dân tộc ta vốn có bản năng dung hợp văn minh văn hóa các dân tộc khác từ phương Bắc xuống, từ Ấn Độ sang, từ Đông Nam Á đến, cộng với căn bản văn hóa và tín ngưỡng thời nguyên sơ trên đất tổ, đã sản sinh ra những bậc minh triết thượng thừa trong Tam Giáo đạo, những anh tài, thực nữ, những hàng tể thế an bang, những văn hào lỗi lạc... Tất cả đã góp phần xây dựng một nền văn hóa dân tộc, văn hóa đạo đức làm nền tảng cho đời sống nhân sinh an lạc và thiên hướng tâm linh dung hóa.

Đến thời cận kim, hiện đại, những thử thách lịch sử khốc liệt cũng không thể đánh mất tiền định “độc lập, tự chủ” của giống dòng Âu Lạc, mà còn minh

chúng những giá trị tinh thần ngàn đời đã làm nên một Việt Nam bất diệt.

VI. BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC

Từ tâm thức giống nòi Rồng Tiên, đến tâm thức lưỡng hợp Âm Dương - một ước vọng phồn thịnh hóa cuộc sống; tâm thức đơn sơ về vũ trụ: người vật xoay chuyển chung quanh trung tâm mặt trời; trực nhận khí thiêng sông núi, địa linh đất tổ; bản năng dung hợp văn hóa; lòng yêu nước nồng nàn, tình đồng bào thấm thiết, niềm tin độc lập tự chủ với thiên hướng sùng bái thần linh, tín ngưỡng thờ Trời Đất... đã tổ hợp thành một Bản thể vô hình mà sở năng sở dụng có giá trị thống nhất tinh thần mỗi con dân nước Việt, để:

- Đoàn kết chiến thắng xâm lăng khi quốc biến,
- Xây dựng đất nước, phát huy văn hóa thuở hòa bình,
- Thăng hoa tâm linh trong cuộc sống nhân sinh an lạc.

Bản thể ấy không thấy được bởi biến hóa như con Rồng thiêng uy dũng, không sờ chạm được mà an nhiên, nhân ái do phẩm chất con Tiên. Nó bao hàm sức sống bất diệt lẫn tâm tâm linh siêu xuất. Những dấu ấn bốn ngàn năm lịch sử và thực tế trường tồn của dân tộc trên nền văn hiến huy hoàng sâu sắc, với khả năng thâm hóa dung hợp văn minh Đông Tây của thế giới, đã minh chứng Thực tại thiêng liêng ấy hay

Bản thể đại đồng của dân tộc Việt Nam là di sản vô giá, là lẽ sống và năng lực tiến hóa vĩnh cửu.

VII. BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chính bởi dân tộc Việt Nam có một Bản thể như thế nên đã được Đức Chí Tôn ban trao sứ mạng hoàng khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: *“Các con là dân tộc Việt cũng như dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị dày xéo lâu đời. Nhưng các con trội hơn chúng về đức tin, lòng đạo đức ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trợn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa. Do đó, dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”*¹⁴

Đức Từ Mẫu cũng nhấn mạnh vinh hạnh ấy của Việt Nam: *“Luật định thiên nhiên, Tam nguồn vận chuyển, đến thời kỳ phải dùng tiểu quốc để khai Hội Niết Bàn nên mượn Việt Nam ban truyền chánh đạo.”*

Vậy “mượn Việt Nam ban truyền chánh đạo” không phải là một sự tình cờ, mà chính vì Việt Nam có khả năng tiếp nhận và phát huy chánh đạo.

Chánh đạo là Đại Đạo. Đại Đạo là Nhứt nguyên của Tam Giáo và nhứt lý của vạn giáo. Nhìn lại nền

¹⁴ Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 19-12-1968

văn hóa đạo đức của dân tộc, nhen nhúm từ sơ khai, sáng chói thời Lý Trần, âm ỉ mãi về sau, giáo lý Tam Giáo đã được dung hợp và chuyển hóa sâu sắc trong tinh thần lãnh đạo quốc gia của các bậc minh quân, thấm nhuần trong tình yêu nước thương dân của các bậc công thần, thể hiện trong phong tục tập quán, trong sinh hoạt tâm linh của người dân Việt.

Vua Trần Thái Tông từng viết: *“Nho điển thi nhân bố đức, Đạo kinh ái vật hiếu sinh, Phật duy giới sát thị trì.”* (Sách đạo Nho dạy thi nhân bố đức, Kinh đạo Lão bảo yêu thương mọi vật và tôn trọng sự sống, thì đạo Phật cũng chủ trương là hãy giữ giới sát đừng sát sinh hại vật.)¹⁵

Từ năm 1237, vua Trần Thái Tông bắt đầu chấn hưng Quốc học trên nền tảng tinh thần Tam Giáo, cho nên mới có kỳ thi Tam Giáo vào năm 1247, mùa thu. Việt Sử Cương Mục chép:

*“Trước đây những nhà nho theo Nho Giáo, Thích Giáo, Đạo Giáo mà có con nối được nghiệp nhà đều cho vào thi. Nay lại thi những người thông cả ba khoa về ba tôn giáo.”*¹⁶

Năm 1253, nhà vua lập Viện Quốc Học. Khi Viện xây xong, nhà vua bắt đắp tượng Chu Công, Khổng

¹⁵ Khóa Hư Lục – Thiền Học Trần Thái Tông, Nguyễn Đăng Thục, tr. 380.

¹⁶ Ch. b. VI.30

Tử và Mạnh Tử và vẽ 72 người hiền để thờ. Lại hạ chiếu cho học trò trong nước vào Viện

Quốc Tử để giảng nghĩa lý Ngũ kinh, Tứ thư. Như thế đủ tỏ rằng nhà vua ngày càng tôn trọng Nho Giáo ngang hàng với Phật giáo và Lão giáo...¹⁷



Lễ hội Đền Hùng

Đức Trần Hưng Đạo cầm quân oai dũng đánh tan giặc Nguyên, trung quân ái quốc trọn đời, đến lúc lâm chung còn để lại tâm huyết với vua rằng: “Khoan thứ sức dân, lấy kế bền gốc sâu rễ là thượng sách giữ nước.”

¹⁷ Nguyễn Đăng Thục, Thiên Học Trần Thái Tông, 1971, tr. 36-37.

Nguyễn Trãi khi được vua sai định lễ nhạc đã tâu rằng: “Đời loạn thì dùng võ, thời bình thì dùng văn. Ngày nay định ra lễ nhạc là đúng lúc. Song không có gốc thì không thể đứng vững, không có văn thì không thể lưu hành... [...] Dám mong bệ hạ rủ lòng thương yêu và chăn nuôi muôn dân, khiến trong thôn cùng sớm vắng không còn một tiếng hờn giận oán sầu, đó là cái gốc của nhạc vậy.”¹⁸



Nguyễn Trãi

Nên đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, chơn linh bậc cao tăng đời Lý, đức Vạn Hạnh Thiền Sư còn thấp sáng lại truyền thống đạo đức dân tộc:

Chuỗi dài ý hệ cõi Nam giao,

Thánh Đạo Nho Tông những sắc màu, Đã có trường thi Tam Giáo trước, Nhịp cầu nối tiếp nhịp theo sau.

¹⁸ Dẫn theo Trần Văn Giàu, Bản Lĩnh Việt Nam, Nxb. Trẻ, 2005, tr. 26.

...

*Đó là Tam Giáo được đồng nguyên,
Về với ông cha một chiếc thuyền,
Thuyền đạo đóng bằng tư tưởng đạo,
Cho tròn danh nghĩa đấng Cao Thiên.¹⁹*

Bản thể đại đồng dân tộc không chỉ đơn thuần mang tính tôn giáo, ngược lại có đủ bản chất nhân sinh lẫn tâm linh, nó đã đúc kết những tác năng có giá trị chân thiện mỹ làm thành cái HỒN VIỆT NAM, làm lẽ sống, làm nguyên lý tiến hóa bất diệt. Đó là bản chất Đại Đạo vừa thiên phú vừa tự xiển dương của dân tộc ta.

Thế nên bất cứ thời nào, hoàn cảnh nào, Việt Nam đều có thể vận dụng Bản thể ấy để tồn tại và phát triển:

*Thiên hạ đua nhau kiếm đũa thân,
Để lo trị quốc với an dân,
Đũa mình sẵn có, com mình có,
Mượn chác làm chi nhục trí nhân.²⁰*

Nếu các nhà dân tộc học cho rằng một trong những ý nghĩa của trống đồng Việt Nam là trung gian giữa con người và thần linh, thì ngày nay đạo Cao Đài có thể nói: Bản thể đại đồng dân tộc là gạch nối giữa dân tộc và anh linh tổ quốc. Bài kinh cúng chư thần Việt Nam trong đạo Cao Đài là một minh chứng:

¹⁹ Vạn Hạnh Thiền Sư, TGST 1972-1973.

²⁰ Đức Cao Triều Phát.

Trời Nam đất Việt cao dày,
 Hồng Bàng mở nước đến nay năm ngàn.
 Âm dương tụ khí thanh chơn,
 Non sông linh tú xuất sanh thánh thần.
 Từ Hồng Lạc đến trào Trần,
 Biết bao liệt sĩ chơn hơn độ người.
 Việt Nam linh cảm khắp nơi,
 Nhiều người kinh quốc tế thời an dân.
 Nhiều người khuê các xuất thân,
 Hiển danh Thánh Mẫu rạng Thần Nữ Vương.
 Oai linh Thiên cổ thanh chương,
 Công tày biển rộng, đức đường núi cao.

Và tâm sự tiên nhân đã về cõi thiêng liêng hãy còn
 ôm ấp Hòn thiêng nước Việt:

Nước của mình, dân mình đầy nhé.
 Ở chim hồng sẻ để sao đang,
 Tiên nhân công nghiệp huy hoàng,
 Dựng nên biển bạc non vàng ngày nay.
 Giờ ta hãy chung tay góp sức,
 Giờ ta toan nỗ lực hy sinh,
 Hy sinh tư hữu chính mình,
 Đắp xây nền tảng thái bình trời Nam.²¹

...

Một dân tộc tinh thần tự chủ.
 Máy ngàn năm uy vũ kiêu hùng,
 Nam phương góc đất vẫy vùng,

²¹ Đức Lê Đại Tiên, TGST 1970-1971, tr. 28

*Non sông một giải muôn chung hải hồ.
 Công tiên nhân cơ đồ tạo lập,
 Cho cháu con bồi đắp giang san;
 Giang san trên mảnh đất vàng,
 Hai mươi mấy triệu Hồng Bàng còn đây.²²*

...
*Lần trang Việt sử mà xem,
 Lạc Hồng vẫn hiển trước thềm đông phong.*

Và:

*Ngày nay Trời mở Đạo Nhà,
 Cho hồn Nam Việt tinh ba kết thành.²³*

Sở dĩ khi Đức Chí Tôn Thượng Đế khai đạo Cao Đài, gọi là “Trời mở Đạo Nhà”, chính vì đó không phải là cái Đạo xa lạ đối với dân tộc Việt Nam, mà Đạo ấy vốn đã sẵn có trong tâm thức, trong tiềm thức người con dân nước Việt.

Nhưng Cao Đài chẳng những là Đạo Nhà mà còn là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để cứu độ toàn thể nhân loại trong đức hiếu sinh của Thượng Đế.

Thế nên, từ Bản thể đại đồng Việt Nam phát huy lên đạo Cao Đài để Cao Đài Việt Nam làm gạch nối liền với Bản thể đại đồng nhân loại, thực hiện Cơ cứu thế kỳ ba:

²² Đức Cao Triều Phát, Nam Thành Thánh Thất, 23-8 Canh Tuất, 22.09.1979.

²³ Đoàn Thị Điểm, Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, Q. I, 1961, tr. 55.

*Muốn cứu mình, cứu nguy thiên hạ,
 Vẫn niềm tin Tạo Hóa chí công;
 Trở về nguồn cội Tổ tông,
 Đó là cái Đạo ở trong mỗi trò.²⁴*

Từ “nguồn cội Tổ tông” là Bản thể của dân tộc, làm đầu mối thể nhập vào Đạo tại tâm, chính là Bản thể tự thân như lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

“Hãy chấp tay hướng mắt vào bản thể của con người vạn thể tự tâm thể biến sanh, các tiểu linh quang hằng định vẫn có và hằng có. [...]

Tóm lại, cái chinh phục chiến thắng vĩ đại nhất là cái chinh phục chiến thắng bản thể của con người. Đừng hăm hồ nhìn những gì to tát ngoài kia, thực sự những cái ấy đều tự chứa trong con người mà chính con người chẳng hay chẳng biết. Tự chủ được bản thể là tự chủ được thiên hạ.

Chinh phục được con người hiện hữu là chinh phục được vũ trụ hằng tồn. Đừng lo cái không đáng lo, đừng nghĩ cái không đáng nghĩ, hãy bước thẳng và lặng nhìn vào Thiên tâm bản thể.”²⁵

Bài phú sau đây của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo là một đúc kết cho những ý nghĩa của Bản thể đại đồng dân tộc:

²⁴ Đức Lý Giáo Tông, CQPTGL, 13.08.1973.

²⁵ Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 14-8 Mậu Thân (05.10.1968).

PHÚ

*Hồi tu sĩ muốn hồng dương nên chánh giáo,
 Hồi nhơn tài mong hoàĩ bão được non sông,
 Hồi ai kia làm sao cho rạng rỡ giống Tiên Rồng,
 Cho bốn biển năm châu cùng hạnh phúc.
 Giữa dòng đời phải lóng trong hay gạn đục,
 Trong đạo trường điều họa phúc phải cân phân;
 Biết bao nhiêu người trí thức, bậc vĩ nhân,
 Thiếu chi khách hùng anh cùng nữ liệt.*

.....
Trí thức ôi!

*Tình nhân loại hãy mở cửa mà dung nạp,
 Nhân tài ôi!*

*Cảnh nguy vong đang tràn ngập khó phui pha,
 Nắm tay nhau sửa dựng mới Đạo nhà,
 Nên chung trí hầu lướt qua nơi biển khổ.
 Kia cuộc sống tạm thấy biết bao vạn khổ,
 Chí hùng anh tìm đến chỗ vượt thang cao,
 Nọ biển trần ai, dầu gặp lượn song ba đào,
 Chí quả cảm anh thư nào thối bước,
 Đạo Cao Đài là phương được thoát trần mê,
 Phải chung tâm hòa trí cho vẹn mọi bề,
 Chi chi cũng trọn lời thề khi thưở trước.
 Ba vạn sáu nghìn ngày thay lớp áo,
 So ngàn xưa sử đạo cả Tây Đông,
 Sao chẳng sớm gieo trồng mầm Nam Bả?
 Ngươn phản cổ đổi thay toàn vạn vật,
 Hội Long Hoa gieo rắc mới chơn truyền,
 Nay đến kỳ vạn giáo tổng đồng nguyên,*

*Thì tình non loại không riêng nơi nào.
Rồi đây phải tính làm sao?*

*Tính sao cho được nghiệp nhà yên,
Mới định non sông mới chánh truyền...*

BÀI ĐỌC THÊM

(trích Từ điển địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam-
Nguyễn Văn Tân-nxb. VH TT. Hà Nội-1999)

Núi Tam Đảo: Dãy núi ở Bắc Bộ, dài 50 km, ngăn cách 2 tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc; núi có 3 đỉnh: Phù Nghĩa, Thành Bàn, Thiên Thị (1585m)... Ở độ cao 100m, có thác Bạc trên sườn núi dựng đứng. Cách Vĩnh Yên 24 km, Hà Nội 86 km về phía Tây Bắc

Núi Tản Viên: Núi ở xã Thủ Pháp, huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, giáp tỉnh Hòa Bình; còn gọi là núi Ba Vì; núi có 3 đỉnh (Ông, Bà, Chẹ), đỉnh cao nhất 1281m, ngày đêm mây phủ, ngọc giữa có hòn thắt cổ bông, trên tỏa ra như cái tán nên gọi là Tản Viên. Tản Viên là danh sơn của nước Việt Nam cổ xưa, vì núi do thần Sơn Tinh giữ để chống nhau với Thủy Tinh.

Đền thần Tản Viên: Đền thờ thần núi Tản Viên ở núi Tản Viên, xã Ba Vì, huyện Ba vì, tỉnh Hà Tây. Ông tên thật là Nguyễn Tuấn (còn gọi là Tùng), lấy công chúa Mị Nương, từng đánh dẹp vua Thục. Đời

sau gọi thần núi Tản Viên là vị tổ của bách thần nước ta.

Đền Hùng: Đền Hùng là một di tích lớn được dựng trên núi Nghĩa Lĩnh giữa đất Phong Châu, nay thuộc xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Theo sử sách, sau khi chọn Phong Châu là đế đô của nước Văn Lang 4000 năm trước, các vua Hùng đã chọn núi Nghĩa Lĩnh làm nơi tế trời đất, chủ thần và thiên cổ (núi Nghĩa Lĩnh còn có tên là Hy Cương, Nghĩa Cương, Hùng Lĩnh, núi Hùng Cao 175m)

Cổng vào Đền Hùng xây theo kiểu tam quan, hai tầng. Cửa ra vào cao rộng ở chính giữa, trên có 4 chữ lớn “Cao sơn cảnh hàng” nghĩa là núi cao đường lớn. Qua cổng trèo 225 bậc đá lên đến đền Hạ. Ở đây có chùa Thiên Quang, (trước có cây thiên tuế 700 tuổi). Chùa có gác chuông khá bề thế. Từ đền Hạ xuống vài chục bậc đá đến đền Giếng, nơi thờ công chúa Tiên Dung và công chúa Ngọc Hoa, con vua hùng thứ 18. Từ đền Hạ lên 168 bậc thang thì đến đền Trung - nơi các vua Hùng thường đến bàn việc nước với quần thần. Đi tiến lên 102 bậc đá thì đến đền Thượng, nơi vua Hùng làm tế lễ Trời, Đất, Thần Núi, Thần Lúa. Đền có bức hoành phi lớn 4 chữ vàng “Nam Quốc Sơn Hà”. Trước đền có cột đá dựng trên bệ cao gọi là “đá thề”, nơi Thục Phán nguyện đời đời tế tự các vua Hùng và giữ gìn cơ nghiệp họ Hùng truyền lại. Bên đền Thượng thấp hơn vài chục bậc là lăng Vua

Hùng, tượng trưng cho mộ Tổ, xây dựng đầu thế kỷ này (XX). Toàn bộ khu di tích được trùng tu hoặc xây thêm cách đây non 100 năm; gần đây trên núi Hùng đã tìm thấy nhiều di vật của kiến trúc cổ từ thời Lý Trần trở về trước như gạch ngói cổ, thạch đất nung, cột đá...

Hàng năm, hội Đền Hùng mở vào ngày 10 tháng 3 âm lịch, hội lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng, tổ tiên của người Việt Nam.®

GIÁ TRỊ DI SẢN ĐA TÔN GIÁO

QUA GÓC NHÌN TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

ĐẠO CAO ĐÀI



Đạo Cao Đài là một tôn giáo nội sinh tại Việt Nam, được khai sáng vào đầu thế kỷ XX gần như đồng thời với một số tôn giáo bản địa khác như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo. So với các tôn giáo có bề dày lịch sử trên thế giới đã du nhập vào Việt Nam, thì đạo Cao Đài là một tôn giáo rất mới (chính thức khai đạo vào năm 1926). Tuy nhiên Cao Đài được tổ chức thành một Giáo Hội hoàn chỉnh nhất trong số các tôn giáo bản địa. Điểm đặc biệt hơn nữa là tuy ra đời sau mà có tôn chỉ thật cụ thể dứt khoát là thừa kế tinh hoa của các tôn

giáo lớn trải qua lịch sử. Đó là tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhất.”¹

Chúng ta sẽ lần lượt phân tích “giá trị di sản” của tôn chỉ “tam giáo quy nguyên” rồi đến “ngũ chi phục nhất”.

Ngay từ thời lập giáo, Thánh kinh Cao Đài đã chép rằng:

*“Xưa kia Tam Giáo Tam Tòa,
Ngày nay chung lại một nhà phổ thông.
Thuyết minh chánh lý Đại Đồng,
Làm cho con Lạc cháu Hồng mở mang.”*²

Và: “Ngày nay Thầy đến đây đem ba nền tôn giáo hợp nhứt lại tạo thành một tôn giáo lớn lao để đời đời kiếp kiếp cho nhơn sanh nương vào đó mà lánh con nạn khổ thảm sầu.”³

Tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên” “không phải là sự dung hợp ngẫu nhiên mà là một sự chọn lựa có cơ sở từ truyền thống “Tam giáo đồng nguyên” của tín ngưỡng lâu đời của dân tộc Việt Nam; lại nữa, nó phù hợp với mục đích dung hòa, vừa xây dựng xã hội nhân sinh vừa chú trọng đời sống tâm linh hướng thượng.

Thánh giáo Cao Đài có nêu rõ:

¹ Có tư liệu viết “Ngũ chi hiệp nhứt”

² Đại Thừa Chơn Giáo, Trước Tiết Tàng Thơ- 1956

³ Đại Thừa chơn giáo - Trước tiết tàng thơ (Chiếu Minh) - 1956, tr.91)

“Người có trách nhiệm hiện hữu đã biết Tam Giáo Đạo gồm trong danh từ Đại Đạo.

Người có nhiệm vụ ở phần Nho Tông chuyển thế là Đạo trị thế.

Người có trách nhiệm về Thích Giáo, Lão Giáo là Đạo hoát khai tâm linh.

Hai con đường trị thế hay nhân sinh và tâm linh phải được thực hiện ngay trong kỳ đại ân xá này.”⁴

Theo giáo lý Cao Đài, “Quy nguyên” trong thời đại Tam Kỳ Phổ Độ, tuy chọn Tam giáo đạo làm căn bản, nhưng trên thực tế là một cuộc vận động vận giáo quy nguyên:

“Hôm nay, Thầy chuyển lập Tam Kỳ Phổ Độ để chấn hưng chánh lý đồng nguyên, để xóa bỏ những cạnh khía ngã chấp sắc màu mà dung hiệp phần tinh ba cổ kim Âu Á trên lập trường duy nhất, nghĩa là xóa bỏ cái Dị mà đem lại cái Đồng giữa các sắc giáo,[...] nhưng điều đáng quý nhất là tinh thần đạo đức được thực dụng rõ ràng trong mỗi hiện thân sanh chúng mới bảo tồn cho thể thống trang nghiêm.”⁵

Do đó giáo lý Cao Đài xác định, cứu cánh “Quy nguyên hiệp nhất” của các tôn giáo là trở về nguồn gốc Đại Đạo. Đại Đạo không có nghĩa là một tôn giáo

⁴ Chí Thiện Đoàn (Minh Đức Nho Giáo), 26 tháng 8 Nhâm Tý (3.10.72)

⁵ Trung Thừa Chơn Giáo, Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, 15 tháng 8 Tân Sửu (24.09.1961)

nào, kể cả tôn giáo Cao Đài, mà là Nguyên lý hay Bản thể uyên nguyên. “Tam giáo quy nguyên” sẽ được tìm thấy và được công nhận trong mọi tôn giáo một khi mọi tôn giáo đều có nhận thức Nguồn gốc tối sơ của mình là một Nguyên lý duy nhất hay Đại Đạo. Từ đó xuất phát tâm thức “Vạn giáo nhất Lý”.

Hệ luận “Vạn giáo nhất lý” sẽ giải tỏa vấn nạn kỳ thị tôn giáo từng gây hậu quả chiến tranh tôn giáo khốc liệt. Nhờ đó các tôn giáo sẽ xích lại gần nhau, đoàn kết, hợp tác trong mọi hoạt động cứu nhân độ thế. Người ta có thể tìm thấy giá trị di sản đa tôn giáo đối với xã hội từ hệ luận ấy.

Về thứ hai trong tôn chỉ tôn giáo Cao Đài là “Ngũ chi phục nhất”. Ngũ chi này không phải là 5 nhánh đạo của đạo Cao Đài hay của một tôn giáo nào khác. Thật ra, đó là 5 phương thức hành đạo từ thấp lên cao trên đường “tự độ, độ tha”, “phụng nhân, sự thiên”(giúp người, phụng sự đạo trời), bao gồm Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Cần lưu ý chữ “đạo” nơi đây là đường lối thực hành, không có nghĩa là tổ chức tôn giáo. Nên “Phật đạo” có nghĩa khác “đạo Phật”. Phật đạo là đường lối thực hành pháp môn tu giải thoát cao nhất so với 4 phương thức kia.

Nên thánh kinh Cao Đài có viết: “Khi nay Thầy dạy các con lo xây dựng phần tôn giáo để phản ảnh cái lĩnh vực tinh thần đạo đức của năm lớp học là

Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.⁶ Vô hình trung, “Ngũ chi” là 5 nấc thang hành đạo nhất quán quy chiếu vào tiến trình đạt đạo của mỗi hành giả, cũng có thể là bảng ứng dụng các phương thức hành đạo thích ứng cho từng đối tượng, từng hoàn cảnh của mỗi tôn giáo mà mục tiêu sau cùng vẫn là “phục nhất” trong tinh thần Đại Đạo.

“Ngũ chi phục nhất” như thế là chịu sự dẫn đạo của một lý duy nhất, đồng thời là năm mắt xích liên hợp. Đứng trước vạn giáo của thời đại Tam Kỳ này, cái “thực thể Đạo cứu thế duy nhất” chính là sự đồng hành của vạn giáo theo một chương trình năm bậc như trên, bất cứ là dưới danh xưng nào, miễn là có “tinh thần đạo đức thực dụng rõ ràng.”⁷(6)

Đối với tổng thể đa dạng tôn giáo, có tôn giáo chú trọng dạy “luân lý đạo đức” cho con người trong quan hệ xã hội, đó là tôn giáo thuộc “Nhân đạo”; tôn giáo dạy “trừ gian, diệt bạo”, thuộc về “Thần đạo”; tôn giáo dạy an bang tế thế, giáo dân vi thiện, thuộc “Thánh đạo”; tôn giáo dạy sống đạo tự nhiên, mở lòng bác ái, thuộc “Tiên đạo”; tôn giáo dạy diệt khổ, giải thoát luân hồi thuộc “Phật đạo”.

Tựu trung, đa tôn giáo là một hệ thống từ nhập thế đến xuất thế, có chung một mục tiêu giải quyết toàn

⁶ Sđd, thánh giáo năm 1962

⁷ Trung Thừa Chơn Giáo, Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, 1961, tr.17

diện đời sống con người về mặt thể tục lẫn mặt tâm linh.

Như thế “Ngũ chi phục nhất” có giá trị di sản của đa tôn giáo là quyền biến đổi trị với mọi biến động xã hội trong mục tiêu cứu thế; và ứng hợp với trình độ tu tiến và lý tưởng của mỗi cá nhân. Song song với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhất” của đạo Cao Đài là mục đích “Thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát”.

Thế đạo là đường lối thực hiện đạo lý để hoàn hảo hóa xã hội nhắm mục tiêu một thế giới đoàn kết hòa bình vì sự sống và tiến bộ của tất cả các dân tộc gọi là đại đồng.

Thiên đạo là đường lối thực hiện thiên lý hay đạo pháp của người tu, nhắm mục tiêu dưỡng sinh thể xác và tiến hóa tâm linh, gọi là giải thoát. Quẻ “Đồng nhân” trong Dịch học⁸ giải thích rất rõ ràng ý nghĩa và đường lối thực hiện đại đồng:

- a)- Có chung một bản thể là đại đồng
- b)- Tương ứng với nhau là đại đồng
- c)- Tương giao rộng rãi với mọi người mọi nơi là đại đồng
- d)- Cùng nêu cao một lý tưởng là đại đồng

⁸ Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, Nxb Văn hóa thông tin, 1996, tr.238, Soán truyện và Đại tượng truyện

Kinh điển Cao Đài có đoạn:

*Kìa thế giới ngày nay biến loạn,
Bởi người đời xao lãng lòng nhân;
Kìa là tôn giáo tranh phân,
Bởi người thiếu lễ tình thân đại đồng.⁹*

Cho nên, “thế đạo đại đồng” là mục tiêu của tất cả cộng đồng xã hội, trong đó người giác ngộ là những nhân tố đầu tiên. Tôn giáo hay không tôn giáo không phải là điều kiện tiên quyết để thi hành sứ mệnh. Lương tâm và đạo lý là ngọn đuốc soi đường chung cho mọi người.

*“Đã là một nhân sanh tại thế,
Khó tránh điều dẫu bề đổi thay,
Dọc ngang giữa cõi trần ai,
Phải đem đạo lý dựng gầy thế nhân.”¹⁰*

Do mục tiêu “giải quyết toàn diện con người” trên cả hai phương diện nhân sinh xã hội và tiến hóa tâm linh, nên mục đích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bao gồm cả “Thế đạo” và “Thiên đạo”.

Như trên đã thấy, “Thiên đạo” thuộc về pháp môn giải thoát tâm linh, nhưng Thiên đạo theo Cao Đài không có nghĩa yếm thế, ngược lại rất tích cực bằng chánh pháp “Thiên đạo đại thừa”.

⁹ Thánh giáo sưu tập, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, năm Ất Ty 1965

¹⁰ Thánh giáo sưu tập, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.1970-71-tr.27

Theo giáo lý Đại Đạo, thiên đạo còn gọi là “thiên đạo đại thừa” để nhấn mạnh nguyên tắc “tự độ - độ tha”, nêu lên sứ mạng đại thừa của người tu thiên đạo: *“Kìa xem trời đất bao la che chở, không vì kẻ ác, không vì người thiện, không vì sự kính yêu của vạn loài, cũng không vì sự ghét bỏ của sự vật nào. Vẫn xuân hạ thu đông, vẫn mưa hòa gió thuận cho cây cỏ xanh tươi, non sông đẹp đẽ, non loại an vui hạnh phúc. Thiên đạo là như vậy.[...] Người hành giả quyết tâm học chánh pháp đại thừa là có sứ mệnh cao cả để thực hành Thiên đạo trong xã hội.”*¹¹

Nói rõ hơn: *“Từ chỗ sơ phát của tâm lần lần đến bậc vô thượng chánh đẳng, chánh giác, không đòi hỏi người hành giả phải hy sinh mọi mặt như tự ngàn xưa đúng qui giới tu trì, chỉ cần hành giả có một tâm nhất như tiến đạo đến chỗ thâm sâu cùng lý tận tánh, giải thoát hết mọi ràng buộc xung quanh, mới được quang minh khai phóng nhìn suốt sự vật để hòa mình tu kỹ luyện công, hòa mình cảm hóa nhân sanh, hồng dương chánh pháp đúng theo thời kỳ nguơn hội ân xá của Đức Chí Tôn.”*¹²

Khảo sát giáo lý và pháp môn của các tôn giáo trong tổng thể đa tôn giáo, chúng ta thấy có một di sản chung là dung hòa hai mục tiêu cứu độ nhân sinh xã hội và tâm linh xuất thế hay “tâm vật bình hành”. Công giáo nói “Kính Chúa yêu người”, Phật giáo

¹¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, VNT, 10-6-Bính Thìn (1976)

¹² Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn nhơn, sđd.

tuyên ngôn “Lục hòa, Lục độ”, các tôn giáo bản địa¹³ nói “Tu nhân-học Phật”, Cao Đài nói “Đại đồng, giải thoát”...

Nhưng trong xu thế đồng hành cùng dân tộc và toàn cầu hóa ngày nay, lý tưởng “Đại đồng” có giá trị thực tiễn trong công cuộc cải tạo xã hội, đại đoàn kết dân tộc và góp phần xây dựng hòa bình thế giới trên nền tảng nhân bản. Đây là một di sản có giá trị phổ quát cho mọi tôn giáo.

Tạm Kết

Qua lịch sử phát triển của các tôn giáo, qua tôn chỉ mục đích cũng như phương châm hành đạo của nhiều tôn giáo, các nhà tôn giáo học, các nhà khoa học xã hội nhân văn đều tìm thấy những giá trị chung có thể đóng góp tích cực các mặt an sinh lẫn an ninh cho xã hội.

Trong tổng thể đa tôn giáo tại Việt Nam, các tôn giáo bản địa mới được thành lập trong thế kỷ trước và các tôn giáo du nhập xưa nay vào Việt Nam, có điểm thuận lợi chung là mặc nhiên thừa kế được truyền thống đạo đức dân tộc, đồng thời tiếp thu di sản chánh đạo, chánh pháp đã được lịch sử tôn giáo chắt lọc qua nhiều thế kỷ trải nghiệm những biến động thăng trầm của xã hội.

¹³ Bưu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo

Chọn đạo Cao Đài làm tiêu biểu, với tôn chỉ mục đích có tính kế thừa các tôn giáo truyền thống thật rõ nét, cộng với tâm thức “vạn giáo nhất lý”, chúng ta có thể nhìn nhận rằng tổng thể đa tôn giáo tại Việt Nam đang thừa hưởng những di sản có giá trị đóng góp vào nền văn hóa đạo đức xã hội, văn hóa tâm linh, phát huy truyền thống đạo đức dân tộc. ◼

Tài liệu Tham khảo

_ Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, Trước Tiết Tàng Thơ (Chiếu Minh), 1956

_ Trung Thừa Chơn Giáo, Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, 1961

_ Thánh Giáo Suu Tập, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 1965, 1970-71

_ Đa dạng hóa tôn giáo - thách đố của nhiều quốc gia, GS.TS. Đỗ Quang Hưng (Website Tôn giáo & Dân tộc, bài phỏng vấn GS.TS. Đỗ Quang Hưng, Viện TRường Viện Nghiên cứu tôn giáo)

_ Một số tôn giáo ở Việt Nam, TS. Nguyễn Thanh Xuân, Nxb. Tôn giáo, 2012

_ Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, Nxb. Văn hóa thông tin, 1996

_ Người Nam Bộ và Tôn giáo bản địa, TS. Phạm Bích Hợp, 2007

MỤC LỤC



Lời mở đầu - NHỮNG NẾP SUY TƯ	1
--------------------------------------	----------

CHƯƠNG MỘT: Vũ trụ - Con người	3
---------------------------------------	----------

VŨ TRỤ QUAN.....	5
NHÂN SINH QUAN.....	11
VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO TRONG SỨ MẠNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN.....	25
CON NGƯỜI VÀ VŨ TRỤ.....	39
CHÂN DUNG CON NGƯỜI KỶ NGUYÊN MỚI.....	60
CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO.....	77
NGHĨ VỀ Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI.....	94
CẦU NGUYỆN HÒA BÌNH.....	99

CHƯƠNG HAI: Đường lối hành đạo	119
---------------------------------------	------------

TÂM VẬT BÌNH HÀNH.....	121
ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI.....	132

CHƯƠNG BA: Đạo - Đức tin	151
---------------------------------	------------

THỰC THỂ ĐẠO CỨU THẾ KỶ BA.....	153
“ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT CỦA VẠN LINH SANH CHÚNG”.....	159
ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO.....	174

CHƯƠNG BỐN: Văn hóa đạo đức 189

TÍNH NHÂN BẢN TRONG CÁC LOẠI HÌNH VĂN HÓA	191
KHÁI LƯỢC VỀ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC	198
VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC	211
KHẢ NĂNG ĐÓNG GÓP CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI VÀO NỀN VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC NHÂN LOẠI	216
BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC	219
GIÁ TRỊ DI SẢN ĐA TÔN GIÁO QUA GÓC NHÌN TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH ĐẠO CAO ĐÀI	249